



Copyright © 2006

ANTIEN

TỒ NHƯ THI

TÔ NHƯ THI
trích dịch

素如詩摘譯

TỔ NHƯ THI TRÍCH DỊCH

Thơ Nguyễn Du

Quách Tấn dịch

An Tiêm xuất bản lần thứ nhất

Saigon, 1973

Dịch giả giữ bản quyền

TỔ NHƯ THI

TRÍCH DỊCH

Bản dịch của
QUÁCH - TẤN

AN TIÊM

Kính dâng hương linh Song Thân

Ai ai phụ mẫu

哀哀父母

Sanh ngã cù lao

生我劬勞

Dục báo thâm ân

欲報深恩

Hiếu thiên võng cực

昊天罔極

Cha mẹ sanh thành

Công ơn biển rộng

Lòng mong báo đền

Trời cao lồng lộng

K.T.

Thân tặng Nhất Phiến Tâm và Nguyễn Đồng

Cao cầu như nhu

羔裘如濡

Tuân trực thả hầu

洵直且侯

Bỉ kỳ chi tử

彼其之子

Xá mệnh bất du

舍命不渝

Áo cầu ai mặc

Lông mịn màng tơ

Ở theo mệnh số

Lòng bền nắn mưa

K.T.

Thân tặng Quách Kiến Đạo, Phan Ngọc Hoan,

Lâm Thành Lang và Võ Thi Vũ

Thái thái quyền nhĩ

采采卷耳

Bất doanh khuynh khuông

不盈傾筐

Ta ngã hoài nhân

嗟我懷人

Trí bỉ chu hàng

置彼周行

Rau hái liền tay

Giỏ nghiêng khôn đầy

Bên đường quên giỏ

Nhớ người khôn khuây

K.T.

LỜI THƯA

TỔ NHU NGUYỄN Tiên-Điền,

Ngoài những tác phẩm bằng quốc âm — Đoạn Trường Tân Thanh, Chiêu Hồn... mà ai ai cũng được biết.

Còn để lại cho chúng ta ba tập thơ chữ Hán :

Thanh Hiên Tiền Hậu Tập,

Nam Trung Tập Ngâm,

Bắc Hành Tập Lục.

Thanh Hiên Tiền Hậu Tập gồm những bài thơ làm ở Đàng Ngoài, từ lúc chạy đến Quỳnh Côi lánh nạn Tây Sơn đến khi ra làm quan cùng nhà Nguyễn tại Bắc-Hà, tức là trong khoảng 1786-1804.

Nam Trung Tập Ngâm gồm những bài làm ở Đàng Trong, lúc vào làm quan ở Thuận Hóa và Quảng Bình, tức trong khoảng 1805-1812.

Bắc-Hành Tập Lục gồm những bài làm trong thời kỳ đi sứ sang Trung Quốc, tức từ mùa Xuân năm 1813 đến mùa Xuân năm 1814.

Ba tập thơ này, sau khi chữ Hán cáo chung, bị tán lạc hầu hết. Trong các thư viện lớn ở Hà Nội,

Huế, Sài Gòn cũng như trong họ Nguyễn Tiên Điền, không nơi nào có đủ trọn bộ.

Thời Tiền Chiến có nhiều học giả như BÙI KỶ, LÊ THUỐC, ĐÀO DUY ANH... ra công sưu tập được một phần lớn, nhưng mới diễn dịch một số lẻ tẻ đăng tải trên các sách báo mà thôi. Phần đông chúng ta có được đọc chẳng, chắc cũng chỉ đọc những bài đăng ở Nam Phong tạp chí năm 1931, ở TRUYỀN CỤ NGUYỄN DU của Lê Thuốc và Phan-Sỹ-Bàng xuất bản năm 1924, ở NGUYỄN-DU VĂN HOA PHỔ của Đào Duy Anh xuất bản năm 1942,...

Từ ngày đất nước bị qua phân, ở Nam cũng như ở Trung, chưa thấy nhà học giả nào công bố những phát kiến mới.

Năm 1966, bạn THI VŨ ở Pháp gửi về cho tôi 245 bài đã sao được trong Thư viện Ba Lê. Phần nhiều là thơ Thất Ngôn Luật. Thanh-Hiên 75 bài, Nam Trung 40 bài, Bắc Hành 130 bài.

Chưa phải tất cả thơ trong ba Tập.

Nhưng với số thơ ấy, nếu xem cho kỹ, người đọc có thể nhìn thấy được chân diện mục của Tố Như. Bởi cũng như các thi nhân chân chính, Tố Như làm thơ không phải để phấn sức tài ba trong nhất thời, mà để gửi tâm sự vào thiên cổ. Mỗi bài thơ là một mảnh lòng. Ngay những bài tức cảnh, tức sự, vịnh sử, vịnh vật..., không bài nào là thơ ngâm vịnh thuần túy, mà tất cả đều có ký thác tâm sự hoặc phát biểu ý chí tách tình.

Thơ trong Thanh Hiên và Nam Trung phản ánh nhiều về cảnh ngộ và tâm sự.

XI

Thơ trong Bắc Hành biểu lộ một cách rõ ràng ý chí và tư tưởng.

Sắc thái xã hội đương thời cũng in đậm nét thơ.

Giá trị văn chương cũng rất cao lớn.

Tôi muốn phiên dịch tất cả ra quốc văn và công bố cho nhiều người được biết.

Nhưng lực bất tòng tâm.

Nên đành tạm lựa một số bài tiêu biểu, cống hiến cho các bạn muốn đọc thơ chữ Hán của Tố Như mà chưa tìm thấy, hoặc tìm thấy quá ít chưa mấy thỏa lòng.

Chữ nghĩa vốn vô cùng, sức người lại hữu hạn. Thêm cặm cụi một mình trong nơi cô lậu. Gặp những điểm khó, không biết hỏi ai. Gặp những chỗ bí, không biết tìm đâu. Cho nên mặc dù hết sức hết lòng, công việc làm cũng không thể nào chu đáo được. Rất mong bạn đọc lượng tình mà thể tất và thỉnh cầu các bậc cao minh chỉ giáo cho những sai sót lỗi lầm. Được như vậy, tôi rất cảm ơn, và nhìn bóng tháng ngày qua, lòng cũng được phần an ủi.

Nha Trang, ngày 22-11 Kỷ-Dậu (30-12-69)

QUÁCH TẤN

TIỂU SỬ CỦA TÁC GIẢ

Nguyễn Du người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh,

Tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên.

Sanh năm Ất Dậu đời Cảnh Hưng nhà Lê (1765).

Mất năm Canh Thìn, triều Minh Mạng năm thứ nhất (1820).

Ông cụ thân sinh là NGUYỄN NGHIỄM, đậu Tấn sỹ làm quan cùng nhà Lê đến chức Tể Tướng, tước phong Xuân Quận Công.

Quận công có 8 bà vợ và 21 người con.

NGUYỄN DU con bà trắc thất, hàng thứ ba, là bà TRẦN THỊ TẦN, người xã Hoa Thiều, tỉnh Bắc Ninh.

Bà Trần sanh được 4 trai là Nguyễn Trụ (mất sớm), Nguyễn Nễ, Nguyễn Du, Nguyễn Úc, và 1 gái gả cho Võ Trinh đậu đại khoa và làm quan tại triều.

Xuân Quận Công thất lộc năm Nguyễn Du lên mười (1775), và 3 năm sau bà Trần cũng qui tiên (1778).

NGUYỄN DU ở cùng anh khác mẹ là NGUYỄN

KHẢN, đậu Tấn Sỹ và làm Thượng Thư triều Lê Hiến Tôn (1740-1786).

Năm 19 tuổi, **NGUYỄN DU** đậu tam trường (khoa Giáp Thìn — 1784 — trường Sơn Nam).

Vừa đậu xong thì gặp biến dồn dập :

Năm Giáp Thìn (1784), quân Tam Phủ, tục gọi là Kiêu Binh, làm loạn. Nhiều nhà quan đại thần bị đánh phá. Nhà **NGUYỄN KHẢN** cũng bị tiêu hủy. **NGUYỄN KHẢN** tâu thoát lên Sơn Tây rồi về Hà Tĩnh.

Năm Bính Ngọ (1786), quân Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ ra Bắc Hà. Các danh tướng Bắc Hà bỏ chạy. **NGUYỄN KHẢN** được tin, liền vượt biển ra Bắc, mưu việc giúp chúa phò vua. Nhưng việc không thành mang bệnh mà chết. Đồng thời họ Trịnh bị đứt.

Năm Kỷ Dậu (1789) vua Quang Trung đại phá quân nhà Thanh. Vua Lê Chiêu Thống chạy theo Tôn Sĩ Nghị sang Trung Hoa. Nhà Lê mất. Cựu thần nhà Lê, lớp tông vong, lớp tìm nơi lánh nạn.

Thế là gia đình Nguyễn Du mỗi ngày mỗi suy sụp. Anh em ly tán, kẻ chạy về quê mẹ, người chạy đến quê vợ nương thân.

NGUYỄN DU chạy đến quê vợ ở xã Quỳnh Côi huyện Hải An, tỉnh Thái Bình.

Chạy đến Quỳnh Côi ngay sau khi Nguyễn Khản mất (1786) và ở đó ngót 10 năm.

Suốt 10 năm ấy phải chịu không biết bao nhiêu đau buồn khổ cực. Tắm thân ăn gỏi nằm nhờ, nay

bờ sông mai bãi bể. Phần thì phải giả vụng để
phòng thói đời ganh ghét, phải kiên sợ người để
giữ được toàn sinh. Phần thì lưng không một đồng
một chữ, đau ốm không thuốc uống, đành nằm đợi
chết với văn chương :

*Dị hương đường chuyết sơ phòng tục,
Loạn thể toàn sinh cứu úy nhân.**

*

*Bách niên thân thể ủy phong trần,
Lữ thực giang tân hựu hải tân.*

.....

*Tam xuân tích bệnh bản vô được,
Trấp tải phù sinh hoạn hữu thân...**

†

*Thập tải phong trần khứ quốc xa,
Tiêu tiêu bạch phát, kỳ nhân gia,
Trường đồ nhật mộ tân du thiếu,
Nhất thất xuân hàn cự bệnh đa...**

*Hành cước vô căn nhiệm chuyển bồng,
Giang nam giang bắc nhất nang không.*

*

*Bách niên cùng tử văn chương lý,
Lục xích phù sinh thiên địa trung...**

Vì lắm nỗi phong trần, nên tuổi chữa bao lần
mà đầu đã bạc trắng :

*Sinh vị thành danh thân dĩ suy,
Tiêu tiêu bạch phát mộ phong xuy.**

*

*Thư kiếm vô thành sinh kể xúc,
Xuân thu đại tự bạch đầu tân,.**

*

*Lưu lạc bạch đầu thành đề sự,
Táy phong xuy đảo tiêu ô cán.**

Lắm lúc nhớ quê, NGUYỄN DU cũng muốn trở về Hà Tĩnh :

*Nhất phiến hương tâm thiềm ảnh hạ,
Kính niên biệt lệ nhận thỉnh sơ.**

Nhưng về quê hương có hơn gì ở nơi đất khách :

*Hồng lĩnh vô gia huynh đệ tán,
Bạch đầu đa hận tuế thời thiên.**

Họ Nguyễn Tiên Điền vốn là một cự tộc, lẽ gì ở Hà Tĩnh lại không có nhà cửa ruộng nương ?

Nguyên sau khi đất nước đã thuộc về nhà Tây Sơn thì người anh khác mẹ của Nguyễn Du là Nguyễn Quỳnh mưu việc khôi phục nhà Lê. Công việc vỡ lở, Nguyễn Quỳnh bị bắt. Tây Sơn dụ hàng, khăng khải không chịu khuất. Thân bị giết, dinh thự của Xuân Quận Công bị phá hủy và gia sản bị tịch thu sung công.

* Tự thân I * Tự Thân II * U Cư. Những bài này đều có ở phần Thơ trong tập Thanh Hiên.

* Quỳnh Hải nguyên tiêu. * Sơn cư mạn hứng.

Sau người anh cùng mẹ với Nguyễn Du là NGUYỄN NỂ ra làm quan cùng nhà Tây Sơn mới sửa sang nhà cửa trở lại. Tuy không được mười phần như cũ, song vẫn ấm hương khói cho tổ tiên và đủ che nắng mưa cho con cháu.

Có lẽ vì nhà cửa đã được sửa sang, Nguyễn Nể đã ra làm quan cùng nhà Tây Sơn, lòng nghi kỵ họ Nguyễn Tiên Điền đã dứt, nên NGUYỄN DU không cần phải lánh mặt nữa, mới trở lại quê nhà.

Trở lại quê nhà năm Bính Thìn (1796), sau mười năm lưu lạc quê người (1786-1796).

NGUYỄN DU vốn không phục nhà Tây Sơn :

*Hán mạc nhất thời vô nghĩa sử,
Chu sơ tam kỷ hữu ngoan dân. **

*

*Dân đặc Kỳ sơn thánh nhân xuất,
Bá Di tuy tử bất thần Chu **

Và luôn luôn nuôi chí khôi phục nhà Lê. Nhưng chí ấy không thực hiện được vì không có người hưởng ứng :

*Trường đồ nhật mộ tân du thiều,
Nhất thất xuân hàn cựu bệnh đa. **

Nhưng không lẽ khoanh tay. Cách này không ổn thì xoay cách khác. Cho nên về nhà chưa được bao lâu thì mưu tính vào Gia Định giúp Nguyễn Ánh hầu mong mượn sức Hán trả thù Hàn. Việc bại lộ tướng trấn thủ Nghệ An là Quận Công NGUYỄN THẬN bắt hạ ngục. Nằm trong ngục, mạng như treo

*U-Cư II ** Ở gia phủ thấy chép mà trong các tập thơ không thấy có.

chỉ mảnh nhưng chí nhất định không lay chuyển.

NGUYỄN DU bị giam chùrg bốn tháng rồi được phóng thích. Đó là do Nguyễn Thận đối với Nguyễn Nễ là chỗ quen thân và đối với Nguyễn Du có ý lân tài, nên không nỡ làm tội. *

Trở về nhà, NGUYỄN DU lấy việc đi săn đi câu làm thú và tự hiệu là Hồng Sơn Liệp Hộ và Nam Hải Điều Đồ.

Ngót sáu năm ở Hà Tĩnh, đời sống của NGUYỄN DU cũng không hơn gì lúc ở Thái Bình. Cũng thường đau ốm, cũng luôn luôn nghèo túng. Có lắm lúc bệnh liên miên trong mấy tháng mà không tiền chạy thuốc đành nằm chờ chết, trong nhà bếp lạnh, người đói tạm nhìn cục nỏ thay cơm, chuột đói leo lên giường bệnh gặm sách :

*Đa bệnh đa sầu khi bất thư,
Thập tuần khốn ngộ Quế giang cư.
Lệ thần nhập thất thôn nhân phách,
Cơ thử duyên sàng khiết ngã thư... **

*

*Táo đầu chung nhật vô yên hỏa,
Song ngoại hoàng hoa tú khả xan. **

Đến năm Nhâm Tuất (1802), sau khi nhà Tây Sơn bị diệt, NGUYỄN DU ra làm quan cùng nhà Nguyễn. Được bổ làm tri huyện huyện Phù Dung, trấn Sơn Nam, rồi thăng tri phủ Thường Tín.

Năm Giáp Tý (1804) sứ nhà Thanh sang phong

* Xem bài My-Trung Mạn Hứng. * Ngọa Bệnh.

* Tập Ngâm.

sắc cho vua Gia Long, NGUYỄN DU được cử lên Trấn Nam Quan nghênh tiếp. Sau đó bị bệnh, xin từ chức về nhà nghỉ. Nhưng chỉ hơn một tháng, có chỉ gọi vào Kinh, thăng chức Tham-Tri và làm việc ở Nội Các.

Ở Các bốn năm, đến năm Kỷ Ty (1809) thì dời ra làm Cai Bạ ở Quảng Bình.

Niên hiệu Gia Long thứ 12 (1813) được thăng hàm Cần Chánh điện Học Sĩ, vâng chỉ làm Chánh sứ tuế cống sang Trung Quốc. Khởi hành tháng 2 năm Quý Dậu (1813) và trở về Kinh tháng tư năm Giáp Tuất (1814).

Từ ấy làm quan ở Kinh cho đến lúc mất (1820)

Vì sao NGUYỄN DU lại ra làm quan cùng nhà Nguyễn ?

Chưa biết rõ động cơ.

Theo Gia Phả của họ Nguyễn Tiên Điền thì Mùa Hạ năm Nhâm Tuất (1802) vua Gia Long đem đại quân ra Bắc Hà. Đến Nghệ An, NGUYỄN DU đón xe yết kiến và được nhà vua cho đem thủ hạ đi theo ra Thăng Long. Mùa thu tháng 8 năm ấy được bổ tri huyện Phù Dung.

Như thế là NGUYỄN DU tự nguyện ra làm quan cùng nhà Nguyễn.

Nhưng Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện lại chép :

« Đến khi có lệnh gọi, ông không thể từ chối, bắt buộc phải ra ».

Thế thì bên nào chép đúng ?

Mấy ai dám quyết đoán.

Bằng theo bài thơ gửi về cho bạn lúc ra Thăng Long để nhận quan chức :

*Thái phác bất toàn chân diện mục,
Nhất châu hà sự liêu công danh.
Hữu sinh bất đãi công hầu cốt,
Vô tử chung tầm thỉ lộc minh... **

Thì thấy có chỗ miễn cưỡng trong việc phải ra.

NGUYỄN DU ra làm quan cùng nhà Nguyễn đúng 19 năm (1802-1820). Bước đường hoạn lộ tương đối cũng hanh thông. Nhưng lòng luôn luôn bi quan và bất mãn.

Phần nhiều các nhà khảo cứu cho là vì còn nhớ nhà Lê và tủi thân phải thờ hai chúa.

Chỉ đúng một phần thôi. Và bảo rằng đúng là dựa trên tâm lý chung của phần đông các nhà Nho mà nói Chớ bằng vào thì vẫn còn để lại thì ngờ rằng Nguyễn Du không có tâm sự ấy. Trong bài Á PHỦ MỘ có câu :

*Đẫn dắt thử tâm vô phu Sở,
Bất tri thiên mệnh dĩ qui lưu.
.....*

*Đa thiếu nhất tâm trung sở sự,
Mỗi vì thiên hạ tiểu kỳ ngu **

- Bài này có trong tập, phần Thơ.
- Bài này có trong tập. Toàn bài :
Nhãn khan Bá Thượng ngũ vân phù
Cấp cấp phương đồ nhất kích mưu.
Đẫn dắt thử tâm vô phu Sở,
Bất tri thiên mệnh dĩ qui Lưu.

NGUYỄN DU đã chê những kẻ « nhất tâm trung sở sự », thì lẽ đâu lại khăng khăng giữ một dạ với nhà Lê và cho việc ra làm quan cùng nhà Nguyễn là bất trung theo quan niệm « trung thần bất nhị ». Dưới con mắt sáng suốt, cảnh thay đổi triều đại là sự thường trong thiên hạ :

*Cồ kim vị kiến thiên niên quốc,
Hình thế không lưu bách chiến danh.
Mặc hương Thanh Hoa thôn khẩu vọng,
Điệp sơn bất cải cựu thời thanh. **

Nhà Tây Sơn thay nhà Lê rồi nhà Nguyễn thay nhà Tây Sơn có gì đáng đau buồn trong khi nước non còn như cũ ?

Lòng bất mãn của NGUYỄN DU lúc ra làm quan cùng nhà Nguyễn có lẽ là do hoàn cảnh gây nên. Vua Gia Long vừa lên ngôi báu liền tìm cách sát hại công thần. Đình thần vì quyền lợi cá nhân mà tìm cách hãm hại nhau... Những chuyện hiềm khích ganh tị thường xảy ra và đưa đến những cái chết oan uổng. Như việc Lê văn Duyệt và Nguyễn văn

Bá đồ dẫn diệt thiên niên hậu
Cồ mộ hoang lương tam xích thu.
Đa thiếu nhất tâm trung sở sự,
Mỗi vị thiên hạ tiểu kỳ ngu.

Bùi Kỷ dịch :

Mất nhìn Bá Thượng áng mây phù, Còn gấp mưu toan đánh kẻ thù. Miễn tỏ lòng son không phụ Sở, Hay đầu mạng lớn đã về Lưu. Tan tành nghiệp bá nghìn năm trước, Hiu quạnh mồ xưa một nắm thu. Lắm kẻ một lòng trung với chủ, Thường cho miệng thể mĩa là ngu.

* 4 câu sau của bài VỊ HOÀNG DOANH trong tập T. HIỀN.

Thành, việc Lê Chất và Đặng Trần Thường...

Những câu như :

Đào hoa mặc trượng Đông quân ý,

*Bàng hữu phong di linh tồ toan **

*

Thượng uyển oanh kiều đa đố sắc,

*Cố hương thuần lão thượng kham canh **

Chính là ám chỉ thái độ và hành vi của giai cấp lãnh đạo ở Trung Ương thời bấy giờ vậy.

Ngoài ra lại còn nạn kỳ thị Nam Bắc.

Nguyên khi Gia Long lên ngôi thì tất cả những vai quan trọng trong triều ngoài quận đều giao cho những người đã có công phò tá bấy lâu. Những người ấy đều là những người Đảng Trong. Những vai thứ yếu hầu hết cũng là người Đảng Trong chiếm giữ. Nhưng đề thu phục nhân tâm Đảng Ngoài, nhà vua dùng các cựu thần nhà Lê để cai trị những trấn từ Thanh Hóa trở ra.

Thói thường mạnh hiếp yếu, đông lấn ít. Lại thêm Bắc Nam đã bị chia rẽ từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh, trên hai trăm năm, lòng người Trong Ngoài sanh ra tương tị, chung đụng nhau khó tránh khỏi thành khiến không tốt đối với nhau. Do đó sanh ra nạn kỳ thị.

NGUYỄN DU vốn là người Đảng Ngoài vào làm quan ở Đảng Trong thì không thể đứng ngoài thường lệ.

* Xem bài « Ngẫu thư công quán bích » - nh- Nam Trung.

* Tổng Nhân trong tập Nam Trung.

Tình trạng ấy đã được phản ảnh trong những câu như :

*Bạch vân lưu thủy đồng vô tận
Ngư phủ phù âu lưỡng bất nghi **

*

*Bắc thương thổ dân mạc tương tị,
Tráp niên tiền thị ngã đồng chu. **

Và Chính Biên Liệt Truyện chép :

— Khi làm quan, ông thường bị quan trên quở trách, nên lấy làm uất ức bức chí.

Chẳng những bị quan trên quở trách, mà còn bị bọn nha lại hùn gió khinh khi. Những câu :

*Vô lụy vị ưng chiêu quỷ trách,
Bất tài đa khỗng tốc quan phi **

*

*Sự lai đồ lệ giai kiêu ngã,
Lão khứ văn chương diệc tị nhân. **

Là những bằng chứng cụ thể.

Về mặt tinh thần đã như vậy mà về mặt vật chất cũng chẳng ra sao.

Khi ra làm quan NGUYỄN DU vẫn thường hay đau ốm. Lương bổng chỉ dùng đủ trong việc thuốc thang. Cảnh nhà vẫn thanh bần. Gia phả chép : « Mặc dù làm đến chức Á khanh, ông vẫn giữ vẻ thanh nhũ đơn giản như một người học trò nghèo » Gia phả lại chép : « Ông có ba vợ. Bà cả sanh được 1 trai. Bà kế cũng sanh được 1 trai. Bà thiếp sinh 10 trai,

* Giang Đầu tản bộ- * Độ Linh Giang

* Giang Đầu tản bộ * Ngẫu Đắc.

6 gái ». Vì gia đình đông, lương bổng chỉ đủ uống thuốc nên vợ con nhiều khi phải chịu cảnh cơ hàn:

*Thập khâu đề cơ Hoành lĩnh bắc,
Nhất thân ngọa bệnh Đế thành đông **

*

*Cổ hương cang hạn cứu phương nông,
Thập khâu hải nhi thái sắc đồng... **

Đã không có chí công danh mà nơi hoạn đồ còn gặp những cảnh bất như ý, thì yên vui thế nào được.

Ra làm quan đã không giúp ích được gì cho đời, lại còn khổ thân khổ tâm, nên lòng muốn về thật là gia diết. Nhưng :

*Thử thân dĩ tác phản lung vật,
Hà xứ trùng tâm hãn mạn du
Mạc hướng thiên nhai thân luân lạc,
Hà nam kim thị đế vương châu. **

Tấm thân không mong thoát khỏi chạu lồng, mà dù có thoát khỏi đi nữa thì đâu lại chẳng phải đất vua, nên đành ráng chịu đựng cho qua ngày tháng. Đối với nhà vua, Tiên sinh chỉ giữ tròn bổn phận, chứ không hay nói năng điều gì. Có khi vua đã hỏi : — Nhà Nước dùng người, ai giỏi thì cất lên, không hề phân biệt người Nam người Bắc *. Khanh với Ngô Vị đã được trầm biết tài mà bỏ dụng, làm

* Ngẫu Thu công quán bích, * Không có trong tập này.

Nghĩa là : Quê nhà nắng cháy đồng hoang,

Mười con trẻ dại võ vàng sắc rau.

* Tân Thu Ngẫu hứng.

* Nếu quả không phân biệt người Nam người Bắc thì phân bua làm gì ?

quan đến chức Tham tri, biết điều gì cứ nói để làm hết chức trách của mình, sao lại cứ rụt rè sợ sệt, chỉ dậm dậm vâng vâng thế thôi ? *

Thái độ tiêu cực vì bất đắc chí vẫn giữ cho đến phút cuối cùng. Lúc đau nặng, Tiên sinh không chịu uống thuốc. Khi hấp hối, bảo người nhà sờ tay chân. Người nhà thưa : « Đã lạnh rồi ». Tiên sinh nói « được », rồi tắt nghỉ, không trở lại một lời. *

(Rút trong bài biên khảo của T.C. phổ biến năm 1965 nhân kỷ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du).

Chữ hán

do ông bạn Trần Thúc Lâm viết

Nghĩa thơ và Điền Cổ

phần nhiều dựa theo tài liệu của qui cụ Bùi Kỳ..., Lê
Thước

THANH HIÊN

QUỲNH HẢI NGUYỄN TIÊU

Nguyên dạ không đình nguyệt mãn thiên,
 Y y bất cải cự thuyền quyên.
 Nhất thiên xuân hứng thù gia lạc
 Vạn lý Quỳnh châu thử dạ viên.
 Hồng lĩnh vô gia huynh đệ tán,
 Bạch đầu đa hận tử tế thời thiên.
 Cùng đồ liên nhữ dao tương kiến
 Hải giác thiên nhai tam thập niên.

先有室月滿
 依依不改節
 一有妻與誰
 萬里珠玑此
 鴻嶺無家兄
 白頭多恨室
 窮途燭淚遙
 海角日涯三
 十年

Nghĩa đen

ĐÊM RẼM THÁNG GIÊNG Ở QUỲNH HẢI*

Đêm rằm tháng giêng, sân vắng, trăng đầy trời,
Vẻ đẹp của thuyền quỳên y cũ không chút thay đổi *
Một trời xuân hừng không biết rơi vào nhà ai,
Muôn dặm Quỳnh châu đêm nay đều tròn vẹn. *
Chốn Hồng Lĩnh không có nhà, anh em tan tác, *
Cảnh đầu bạc thường giận ngày tháng trôi dời luôn.
Đường cùng thương mấy từ xa nhìn thấy nhau
Nơi góc biển chân trời tuổi đã ba chục. *

* * Quỳnh Hải, Quỳnh Châu : Huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình, quê vợ của Nguyễn Du. Sau khi Nguyễn Khản thất lộc, Nguyễn Du về lánh nạn ở Quỳnh Côi.

* Thuyền Quỳên : Dáng đẹp dễ dễ thương. Nói chung về người lẫn vật, nhưng lục quen dùng đề nói riêng về phụ nữ.

Ở đây chỉ mặt trăng.

* Hồng lĩnh : Núi ở Nghệ Tĩnh.

Nguyễn Du chính quán Hà Tĩnh.

Người anh khác mẹ của Nguyễn Du là Nguyễn Quỳnh âm mưu kết nghĩa chống lại nhà Tây Sơn, bị bắt, không chịu phục, nên bị giết. Dinh cơ của họ Nguyễn cùng nhà cửa của đồng bào theo Nguyễn Quỳnh đều bị phá hủy. Anh em Nguyễn Du chạy lánh nạn mỗi người mỗi nơi.

* Tam thập niên : Câu này có người cắt nghĩa là

« Ở nơi góc bể chân trời ba chục năm ».

Giải nghĩa như thế e sai, vì Nguyễn Du lúc chạy đến Quỳnh Côi lánh nạn, tuổi mới trên đôi mươi (Sanh năm 1765, đậu tam trường năm 1784, chạy giặc năm 1786). Và lênh đèn nơi quê vợ chỉ trên dưới 10 năm. Như vậy phải giải nghĩa là « Tuổi ba mươi » mới đúng.

Dịch thơ

ĐÊM RẼM THÁNG GIÊNG NƠI QUỲNH-HẢI

Rằm tháng giêng trăng vàng lai láng
Nghìn xưa không đổi dạng thuyền duyên.

Quỳnh Châu muôn dặm đoàn viên,
Một trời xuân hừng xuân riêng nhà nào ?

Cảnh Hồng Lĩnh xiết bao ly tán !

Bạc mái sầu ngày tháng đổi thay.

Đường cùng mừng thấy nhau đây,
Phương trời lặn đạn tuổi đầy ba mươi.

Thu 1969

TỰ THÁN

I

Sanh vị thành danh thân dĩ suy,
 Tiêu tiêu bạch phát mộ phong xuy.
 Tinh thành hạc hỉnh hà dung đoạn
 Mệnh đẳng hồng mao bất tự tri
 Thiên địa dữ nhân truân cốt tướng
 Xuân thu hoàn nhữ lão tu mi.
 Đoạn bồng nhất phiến tây phong cấp,
 Tất cánh phiêu linh hà xứ qui.

畢竟 斷蓬 衰秋 可地 命筆 性成 蕭々 生來 自
 飄零 一片 還沙 每入 鴻毛 鶴膝 白髮 成名 一
 何延 互風 老漢 屯骨 不自 仍容 暮風 身已
 而 急 眉 相 知 壯 吹 衰

TỰ THÁN

II

Tam thập hành canh lục xích thân,
 Thông minh xuyên tạc tồn thiên chân.
 Bản vô văn tự năng tăng mệnh,
 Hà sự kiên khôn thác đổ nhân?
 Thư kiếm vô thành sinh kế xúc,
 Xuân thu đại tự bạch đầu tân.
 Hà năng lạc phát quy lâm khứ,
 Ngọa thính từng phong hưởng bán vân.

三十行庚六尺身
 聰明穿鑿損天真
 本無文字能增命
 何事乾坤錯此人
 車劍已成生計促
 李扶代序白頭新
 何能落髮百其去
 臥咽松風漱水云

自嘆二

Nghĩa đen

TỰ THÂN

I

Sanh ra chưa làm nên danh phận gì, thân đã suy yếu,

Tóc bạc phơ phơ, gió chiều thổi.

Chân hạc tánh vốn dài, cắt ngắn làm sao được, *

Mệnh trời nhẹ như lông hồng mà không tự biết.

Trời đất phú cho người cái cốt tướng gian truân,

Xuân thu đưa về cho mấy bộ mây râu già cõi.

Một ngọn cỏ bông lia gốc trước trận gió tây thổi mạnh, *

Không biết trôi nổi về xứ nào ?

II

Tuổi tác ba mươi thân sáu thước, *

Trí thông minh xuyên tạc làm hại tính trời.

Chữ nghĩa vốn không hay ghét số mệnh,

Trời đất có sao lại ghen lắm người ?

Nghề văn nghề võ đều không thành nên sinh kế
quần bách,

Mùa xuân mùa thu luôn thay đổi khiến đầu bạc
thêm.

Làm sao có thể xuống tóc vào rừng ở,

Nằm nghe gió thông reo nửa lừng mây.

* Hạc hính : ống chân chim hạc.

Trang Tử nói : «Chân vịt nước tuy ngắn, nhưng nổi thêm không được. Chân chim hạc tuy dài, mà cắt bớt cũng không



Dịch thơ

TỰ THÁN

I

Danh chưa thành thân đã xơ xác ,

Ngon gió chiều tóc bạc phất phơ.

Lẽ nào chân hạc đem cưa ,

Mệnh kia ai biết lửng lơ lông hồng.

Bước gian truân nằm trong cốt tướng,

Kiếp râu mày vắt vẻo xuân thu.

Lạnh lùng trận bắc thời mau ,

Một phen là gốc về đâu cỏ bông ?

II

Tuổi ba mươi đồn thân sáu thước,

Trí thông minh xuyên tạc tính trời.

Văn chương vốn chẳng ghét đời,

Cao dày sao nở cùng người đánh ghen ?

Nghèo bởi vụng mùa men thư kiếm,

Xuân rồi thu lần điếm mái sương.

Muốn vào rừng thẳm nấu nướng,

Nằm nghe tiếng gió thùy dương nửa lừng.

Đông 1969

được ». -- Ý nói không thể làm trái tánh tự nhiên.

• Tây phong : Gió Tây — Trong văn thơ, Nguyễn Du thường nhắc đến gió Tây, đề ám chỉ nhà Tây Sơn.

• Lục xích thân : Thân sáu thước.

Thân tám thước là thân kẻ anh hùng.

Thân bảy thước là thân kẻ làm trai.

Thân năm thước là thân ngu đoản của người thấp kém.

Nguyễn Du tự cho mình chỉ ở trên đám ngu đoản và ở dưới đám thất xích, nên dùng chữ lục xích. Đó là lời nói khiêm.

SƠN CỬ MẠN HÙNG

Nam khứ Trường An thiên lý dư
 Quần phong thâm xứ dã nhân cư.
 Sài môn trú tĩnh sơn vân bế,
 Được phổ xuân hàn lũng trúc sơ.
 Nhất phiến hương tâm thiềm ảnh hạ,
 Kinh niên biệt lệ nhạn thanh sơ.
 Cổ viên đệ muội âm hao tuyệt
 Bất kiến bình an nhất chỉ thư.

山石漫興
 南去長安千里餘
 群峯深延野人居
 柴門晝靜山雲閒
 菊圃香寒隱竹疎
 一片御心蟠影下
 經年別淚雁聲初
 故鄉弟妹音耗絕
 不見平安一線書

Nghĩa đen

Ở NÚI CẨM HÙNG LAN MAN *

Cách Trường An hơn nghìn dặm về phía Nam.
 Trong dãy núi sâu, người thôn dã nung nấu.
 Ngày yên tĩnh, mây núi che kín cửa sài (cửa bằng
 củi),
 Mùa xuân lạnh, hàng trúc quanh vườn thuốc nơi
 thung lũng trông thừa thớt.
 Một mảnh lòng nhớ quê thần thờ dưới ánh trăng,
 *
 Dòng lệ biệt ly đã lâu ngày khơi trào theo tiếng
 nhận đầu mùa.
 Lẽm trai em gái nơi quê nhà, tin tức bị đứt hẳn, *
 Không có một tờ thư cho biết có bình an hay không.

* **Mạn hứng** : Mạn là không bị bó buộc, như nước chảy tràn. Mạn hứng là Hứng lan man.

* **Thiền ảnh** : Bóng trăng.

Thiền thư là con cóc. Trên cung trăng có thiền thư.

* **Đệ Muội** : Thân sinh Nguyễn Du là Nguyễn Nghiễm có 8 người vợ và 21 người con, 12 trai, 9 gái. Riêng bà sinh mẫu của Nguyễn Du có 4 trai và 1 gái. Sau khi nhà Lê mất, gia đình Nguyễn Du đều ly hương, nhà cửa bị Tây Sơn phá hủy sạch (Hồng lĩnh vô gia huynh đệ tán). Cho nên em trai em gái tác giả nhắc trong bài không biết là những vị nào.

Dịch thơ

SƠN CỬ MẠN HÙNG

Ngoảnh lại trời Nam khuất Đế thành,
Trập trùng núi thẳm túp lều tranh.
Cửa sài vắng vẻ mây giăng trắng,
Vườn thuốc đìu hiu trúc rữ xanh,
Trăng dỗi niềm quê ngơ ngần bóng,
Nhận khơi lệ biệt sục sùi canh.
Em xa nhà cách bao năm tháng !
Không một hàng thư gửi gắm tình.

Thu 1969

U-C U

I

Đào hoa đào diệp lạc phân phân
 Môn yêm tà phi nhất viện bần
 Trú cửu đốn vong thân thị khách,
 Niên thâm cánh giác lão tùy thân.
 Dị hương dưỡng chuyết sơ phòng tục,
 Loạn thế toàn sinh cửu úy nhân.
 Lưu lạc bạch đầu thành đề sự,
 Tây phong xuy đảo tiểu ô cân.

五
 月
 以
 倒
 小
 集
 中
 流
 落
 云
 頭
 成
 事
 亂
 世
 全
 生
 久
 畏
 人
 異
 鄉
 卷
 拾
 初
 訪
 俗
 年
 深
 更
 竟
 老
 隨
 身
 住
 久
 頓
 忘
 身
 是
 客
 門
 掩
 斜
 扉
 一
 院
 貧
 春
 花
 落
 葉
 落
 紛
 紛
 幽
 居
 一

U CƯ

II

Thập tải phong trần khứ quốc xa,
 Tiêu tiêu bạch phát ký nhân gia.
 Trường đồ nhật mộ tân du thiều,
 Nhất thất xuân hàn cự bệnh đa.
 Hoại bích nguyệt minh bản tích lịch,
 Hoang tri thủy hạc xuất hà ma.
 Hành nhân mạc tụng Đẳng Lâu phú,
 Cường bán xuân quang tại hải nha.

十載風塵去國賅
 蕭蕭白髮憶人家
 長途日暮新途少
 一室寒窗病骨支
 壞壁月明蟠蜥蜴
 荒池水涸出蝦蟆
 行人莫誦登樓賦
 強半春光在海涯

幽居 二

Nghĩa đen

Ở NƠI U-TỊCH

I.— Hoa đào lá rụng bời-bời *

Cánh cửa xiêu-vẹo đóng che một nóc nhà nghèo
khó.

Ở trọ lâu ngày quên lửng mình là khách,
Năm chầy lại biết rõ là già theo bên thân.
Nơi đất lạ, giả vụng về đề phòng thói đời,
Đời loạn lạc, phải luôn luôn sợ người để giữ
cho toàn sinh mệnh.
Lưu lạc đến bạc đầu mà chẳng thành việc gì
hết!

Gió tây thổi rơi chiếc khăn đen nhỏ. *

II.—Mười năm gió bụi, bỏ quê hương đi xa,

Phơ-phơ đầu bạc ở nhờ vả nhà người,
Đường dài, ngày tối, bạn mới quá ít,
Nhà cô, xuân lạnh, bệnh cũ lại nhiều.
Vách hư bóng trắng soi sáng, thần lẫn bỏ quanh,
Ao hoang nước khô cạn, ếch ương nhảy ra.
Kẻ đi đàng chó độc phú Đàng Lâu, *
Quá nửa xuân quang ở nơi góc biển rồi. *

* Đào hoa đào điệp.: Hoa đào rụng rồi đến lá đào rụng tiếp. Hết xuân hoa đào rụng, sang thu lá đào rụng. Ý nói hết xuân đến thu, tháng ngày đi vun vút.

* Tiêu ô cân : Khăn đen nhỏ. Người giàu sang bịt khăn to lớn. Nghèo không sắm nổi khăn lớn, tạm bịt chiếc khăn nhỏ để che mái tóc bạc. Thế mà gió Tây cũng thổi cho rơi! Đã khổ đến thế mà con Tào còn trở trêu.



Dịch thơ

U - CU

I

Đào rụng đầy sân lá tiếp hoa,
 Một gian lều nát khép lờ là.
 Trọ lâu quên bằng thân là khách,
 Tới mãi thành quen tuổi cống già.
 Thời loạn, nề người mong sống trọn.
 Thối đời giả vụng chút phòng xa.
 Nỗi chìm bạc tóc chưa nên việc !
 Thôi bật khăn đầu trận gió qua.

II

Mười năm gió bụi biệt gia hương,
 Nương cửa người phơ mái tóc sương !
 Bạn ít ngày chiều đường dẫu vội,
 Bệnh nhiều xuân vắng quán thê lương,
 Trăng soi vách thủng doanh lẩn mối,
 Nước cạn đầm hoang rộn ếch-ương.
 Già nửa xuân quang thân góc bể,
 Qua đường chớ đọc phú lầu Vương.

Thu 1967

* Đăng Lâu phú : Bài phú «Lên Lầu» của Vương Xán. Vương Xán là một trong thất tử lừng danh thời Kiến An (cuối thời Đông Hán). Người đất Lạc Dương, lánh nạn đến nhờ Lưu Biểu ở đất Kinh Châu. Một hôm lên lầu thành Giang Lăng, nhớ quê làm bài Đăng Lâu phú để giải tỏa nỗi u hoài.

* Xuân quang : ánh sáng mùa xuân—Đời thanh xuân của con người.

MẠNH HÙNG

I

Bách niên thân thể ủy phong trần
 Lữ thực giang tân hựu hải tân.
 Cao hứng cửu vô hoàng các mộng,
 Hư danh vị phóng bạch đầu nhân.
 Tam xuân tích bệnh bản vô dược,
 Trấp tải phù sinh hoạn hữu thân.
 Dao ức gia hương thiên lý ngoại,
 Trạch xa đoạn mã qui đông lân.

漫興一

百年身世委風塵
 旆會江津又海濱
 高興久無貴詞夢
 虛名未放水頭身
 三春積病貧多藥
 廿五浮生患有身
 遙憶家鄉千里外
 澤車改馬愧東鄰

MAN HÙNG

II

Hành cước vô căn nhiệm chuyển bồng,
 Giang nam giang bắc nhất nang không.
 Bách niên cùng tử văn chương lý,
 Lục xích phù sinh thiên địa trung.
 Vạn lý hoàng quan tương mộ ảnh,
 Nhất đầu bạch phát tản tây phong.
 Vô cùng kim cổ thương tâm xứ,
 Y cự thanh san tịch chiếu hồng.

漫興二
 竹脚公根任轉蓬
 江南江北一囊空
 百年窮死文章裏
 六尺浮生天地中
 萬里黃冠將暮景
 一頭白髮散西風
 多病古今心延
 佐肯青山夕照紅

Nghĩa đen

I.— Thân thể trăm năm phó mặc gió bụi,
 Hết ăn nhờ ở bờ sông lại đến bờ biển.
 Đã lâu lúc cao hứng không còn nghĩ đến mộng
 gác vàng.

(Thế mà) Hư danh vẫn chưa buông tha người đầu
 bạc.

Ba năm dồn bệnh, nghèo không có thuốc uống,
 Cuộc phù sinh ba mươi năm, có thân nên lo sợ.
 Xa nhớ quê hương dịu vợ ngoài ngàn dặm,
 Thấy người hàng xóm ngồi xe nhỏ cỡi ngựa dỏ
 đứng đỉnh an nhàn, mà thẹn thùng.

II.—Chân không bén rễ mặc chuyển dời như cỏ bồng,
 Một chiếc túi rỗng đi hết phía nam sông sang phía
 bắc sông.

Cuộc đời trăm năm chết rục trong vòng văn chương,
 Tắm thân sáu thước sống lênh đênh giữa vùng trời
 đất.

Muôn dặm mũ vàng đối cùng cảnh trời chiều,
 Một đầu tóc bạc bay tung theo ngọn gió tây.
 Nơi chứa đựng bao nhiêu chuyện đau lòng xưa nay,
 (Ấy là) Dãy núi xanh nhuộm bóng chiều hồng như cũ.

* **Hoàng Các Mộng** : Mộng gác vàng, tức mộng làm quan to. Ngày xưa cửa dinh quan Tể Tướng sơn màu vàng, nên gọi là Hoàng Các

* **Trạch Xa Đoàn Mã** : Xe què kệt, ngựa dỏ chỉ đi được 1 vài quãng đường ngắn.

¶ nói người an thân thủ phận, không đua chen với ai, không bay nhảy theo danh lợi.

* **Hoàng quan** : Mũ vàng tức mũ người đạo sỹ

Dịch thơ

MẠNH HƯNG

I

Bước phong trần trăm năm thân thế,
Cảnh ăn nhờ bãi bề bờ sông !

Gác vàng lòng chẳng ước mong,
Bạc đầu chưa thoát khỏi vòng hư danh !
Xuân dồn bệnh nghèo đành không thuốc,
Mối lo phiền trời buộc vì thân .

Nước non cách trở dậm phần ,
An nhàn, ngắm kẻ đông lân... thẹn mình .

II

Kiếp cỏ bông chân không bén rễ,
Bắc rồi Nam túi nhẹ ven sông .

Văn chương thác vẫn đèo bông,
Thân trời nổi mãi trong vòng kiềm khôn .
Dậm hoàng quan bôn chồn nắng tắt,
Gió lạnh lòng thổi bật mái sương .

Xưa nay xiết nỗi đoạn trường,
Non xanh dưới ánh tà dương nhuộm hồng

THU DẠ

I

Phần tình lịch lịch lộ như ngân
 Đông bạch hàn trùng bị cánh tân.
 Vạn lý thu thanh thời lạc điệp,
 Nhất thiên hàn sắc tảo phù vân.
 Lão lai bạch phát khả liên nhữ,
 Trữ cửu thanh sơn vị yếm nhân.
 Tối thị thiên nhai quỵện du khách,
 Cùng niên ngộ bệnh Tuế Giang tân.

繁星石上露如銀
 東壁寒窗悲更辛
 萬里秋老傷落葉
 一天寒色掃浮雲
 老來白髮可憐汝
 住久青山未厭人
 鼠足五涯倦途客
 官年別病望江津

THU DẠ

II

Bạch lộ vi sương thu khí thâm
 Giang thành thảo mộc cộng tiêu sâm.
 Tiễn đẳng độc chiếu sơ trường dạ,
 Ác phát kinh hoài mạt nhật tâm.
 Thiên lý giang san tần trường vọng,
 Tứ thời yên cảnh độc trầm ngâm
 Tảo hàn dĩ giác vô y khổ,
 Hà xứ không khuê thôi mộ chàm.

似
延
空
詞
休
暮
砧
 早
夢
已
竟
衣
苦
 以
時
凋
零
沈
吟
 千
里
江
山
頻
憶
望
 梧
 櫓
 經
 徂
 東
 日
 心
 剪
 燈
 獨
 照
 初
 長
 夜
 江
 城
 月
 木
 共
 蕭
 索
 玉
 露
 五
 夜
 秋
 意
 深
 秋
 夜
 二

ĐÊM THU

I.— Sao dày và rõ mồn mốt, sương như bạc,
Tường đông tiếng hàn trùng buồn lại xót.
Muôn dặm tiếng thu thúc giục lá cây rụng,
Một trời sắc lạnh quét sạch những mây bay.
Già đến tóc bạc khá thương mầy,
Ở lâu non xanh chưa chán người.
Nhất là du khách bên trời đã mỗi một,
Mà năm cùng rồi còn năm bệnh nơi bờ Tuế
giang. *

II.—Móc trắng thành sương, hơi thu đã già,
Cây cỏ nơi Giang thành thấy đều tiêu điều.
Khêu đèn riêng soi đêm mới bắt đầu dài, *
Vắt tóc nghĩ mà sợ cho chí nguyện mình trong
những ngày chót. *
Nghìn dặm non sông thường buồn bã mà trông
ngắm,
Bốn mùa phong cảnh riêng lặng lẽ mà ngậm
ngùi.
Mới bắt đầu lạnh mà đã thấy khổ vì thiếu áo,
Nơi đâu tiếng đập vải của người phòng không
rộn bóng chiều ?

* Tuế Giang : Tên một khúc sông ở Bắc Việt, chưa rõ ở tỉnh nào.

* Tiễn đường : Cắt hoa đèn để cho ngọn lửa cháy sáng. Có



lễ tác giả liên tưởng đến câu thơ của Lý Thương Ẩn :

Hà đương cộng tiến tây song chúc

Khước thoại Ba Sơn dạ vũ thi .

(Bao giờ cùng nhau cắt hoa đèn nơi tây song ,
Kể cho nhau nghe nỗi lòng nơi Ba Sơn lúc đêm mưa lạnh).

* Ác phát : Vắt tóc. Chu Công là 1 đại thần của nhà Chu rất chăm lo việc nước. Đương ăn cơm, có khách đến, liền nhả cơm ra tiếp. Đương gội đầu có sỹ phu tới, liền vắt tóc ra đón, hết người này đến người khác, phải vắt tóc đến ba lần mới gội đầu xong.

Câu này ý nói :

Chỉ nguyện được đem thân ra giúp nước như Chu Công, cuối cùng không biết có toại hay chẳng. Nghĩ đến lòng vộ cùng lo ngại.

Dịch thơ

ĐÊM THU

I

Sao vàng lấp lánh ánh sương dày,
 Để khóc tường đông giọng đặng cay,
 Muốn dậm tiếng thu dồn lá rụng,
 Đầy trời sắc lạnh quét mây bay,
 Già theo tóc bạc riêng thương đó,
 Lòng gởi non xanh chữa chán đây.
 Ngán nỗi phương trời thân khách mỗi.
 Tuế giang năm bệnh suốt năm chầy.

II

Móc bạc thành sương thu bắt hiu,
 Giang thành cây cỏ thấy tiêu điều.
 Đèn khêu riêng cảm đêm dài đặc,
 Tóc vắt thăm lo nguyện ấp yêu.
 Nghìn dậm nước non sầu vọi vọi,
 Tư mùa trăng gió vắng thiu thiu.
 Lạnh sơ đã khổ phần không áo,
 Đập vải nhà ai rộn bóng chiều.

Đông 1969

VỊ HOÀNG DOANH

Vị Hoàng giang thượng Vị Hoàng doanh,
 Lâu lỗ sâm si tiếp thái thanh.
 Cồ đồ tà dương khan ẩm mã,
 Hoang giao tĩnh dạ loạn phi huỳnh.
 Cồ kim vị kiến thiên niên quốc,
 Hình thế không lưu bách chiến danh.
 Mạc hướng Thanh Hoa thôn khẩu vọng,
 Diệp sơn bất cải cự thời thanh.

渭 漢 江 上 渭 漢 營
 樓 櫓 參 差 接 太 清
 古 渡 斜 陽 看 飲 馬
 荒 郊 夜 靜 瓦 礫 營
 古 寺 未 見 千 年 國
 形 勢 空 留 百 戰 名
 莫 向 清 華 村 口 望
 豐 山 不 改 昔 時 清

Nghĩa đen

DOANH VỊ HOÀNG

Trên sông Vị Hoàng có doanh Vị Hoàng, *
 Chồi canh lò nhô cao vút tận trời xanh.
 Nơi bến đò xưa, ban chiều thấy ngựa uống nước,
 Chốn đồng hoang, đêm quạnh, đom đóm bay lung
 tung.
 Xưa nay chưa từng thấy triều đại nào vững nghìn
 năm. *
 Hình thế còn để lại cái tiếng trăm trận trăm thắng.
 Thôi đừng nhìn về cửa sông thôn Thanh Hoa
 nữa, *
 Dãy núi Đập sơn vẫn không đổi sắc xanh thuở
 trước. *

* **Vị Hoàng Giang** : tên con sông thuộc trấn Sơn Nam, tức tỉnh Nam Định hiện thời.

Đời Lê có quân doanh đóng trên sông này để phòng ngự địch từ miền trong ra và từ miền biển vào.

Năm Bính Ngọ (1786) sau khi đánh lấy được Thuận Hóa rồi, Nguyễn Huệ sai Nguyễn Hữu Chỉnh đem thủy binh vào cửa Đại An theo dòng sông lên chiếm doanh Vị Hoàng, còn mình thì vượt núi Tam Điệp ra Bắc. Khi Nguyễn Hữu Chỉnh đã đến Vị Hoàng thì đốt lửa làm hiệu, Nguyễn Huệ kéo quân ra đóng giữ. Viên trấn thủ Sơn Nam là Bùi Thế Dận đem binh đến đóng ở Phù Sa, và tướng Đinh Tích Nhượng kéo quân xuống giữ cửa Luộc. Nguyễn Huệ dùng hỏa công đánh tan. Thành Sơn Nam bị hạ. Nguyễn Huệ một mặt truyền hịch đi các lộ lấy nghĩa phù Lê diệt Trịnh phủ dụ nhân dân, một mặt đốc quân

Dịch thơ

DOANH VỊ HOÀNG

Doanh Vị Hoàng trên bờ sông Vị,

Bóng chòi canh xấp xỉ trời cao.

Nhôn nhao ngựa uống bến chiều,

Đồng hoang đêm quạnh dập dều đóm bay.

Nước nghìn năm xưa nay chưa thấy,

Thế hiểm còn lừng lẩy chiến công.

Thanh Hoa chờ ngoảnh đầu trông,

Điệp sơn núi vẫn trập trùng như xưa.

Đông 1969.

lên lấy Thăng Long. Trịnh Khải tự mình cầm quân chống cự. Nhưng đại bại, chạy đến Nhật Chiêu lấy gươm cắt cổ tự vận .

Họ Trịnh bị diệt sau 216 năm ở ngôi chúa (1576—1786) Cách ít lâu nhà Lê cũng bị diệt theo (1788) .

Nguyễn Du làm bài Vị Hoàng doanh trong khi nhà Tây Sơn đã làm chủ Bắc Hà .

* **Thiên Niên Quốc** : Nước nghìn năm, tức làm triều đại vững bền đến nghìn năm .

* **Bách chiến danh** : danh bách chiến bách thắng. Ý nói Vị Hoàng là nơi hiểm yếu .

* **Thanh Hoa thôn** : Thôn Thanh Hoa ở Thanh Hóa

* **Điệp Sơn** : Núi Tam Điệp ở giữa Ninh Bình và Thanh Hóa .

Câu này nhắc đến chuyện Nguyễn Huệ kéo binh qua Địch Sơn đến chiếm đóng Vị Hoàng .

GIANG ĐÌNH HỮU CẨM

Ước tích ngô ông tạ lão thi
 Phiêu phiêu bồ tứ thử giang mi.
 Tiên chu kích thủy thần long đấu,
 Bảo cái phù không thuy hạc phi.
 Nhất tự y thường vô mịch xứ,
 Lưỡng đề yên thảo bất thăng bi.
 Bách niên đa thiều thương tâm sự.
 Cận nhật Trường An đại dĩ phi.

江亭有感

憶昔吾翁謝老時
 飄飄蒲輶此江湄
 仙舟激水神音洩
 寶蓋凌雲瑞裾舒
 一自衣裳多負延
 兩堤烟竹不勝悲
 百年暑火傷心事
 近日音安大已非

Nghĩa đen

TRÊN BẾN GIANG ĐÌNH CÓ CẢM *

Nhớ khi xưa cha ta cáo lão về hưu,
 Trên bến sông này xe bò ngựa tứ trông phơi phơi. *
 Thuyền tiên vượt nước như rồng thần đấu với
 nhau. *
 Lọng qui rợp không trung như chim hạc báo điềm
 lành bay chập chờn.
 Từ khi bóng áo xiêm không thấy đâu nữa,
 Nhìn khói vương trên cỏ ở hai bờ sông, không
 xiết buồn thương.
 Trong cõi trăm năm, không nhiều thì ít, đâu đâu
 cũng có mối thương tâm,
 Gần đây Trường An đã đổi khác lắm rồi ! *

* **Giang Đình** : Trên bến sông Lam tại làng Tiên Điền có cất 1 cái trạm (đình). Những người trong làng thi đỗ hoặc làm quan to về hưu, được người làng tiếp rước nơi trạm này. Do đó bến mới lấy tên là Giang Đình. Nguyễn Nghiễm được đón tiếp long trọng tại Giang Đình.

Giang Đình là 1 trong 8 cảnh đẹp của huyện Nghi xuân.

* **Bò Tứ** : Xe bò luân của vua dùng đưa đón người hiền. Ngựa Tứ mã, hoặc xe bốn ngựa của các vị quan to. Đây chỉ chung xe ngựa sang trọng của quan gia.

* **Tiên Chu** : Thuyền tiên. Nguyễn Nghiễm về hưu trí năm Tân Mão (1771) triều Lê, được ban ba chiếc thuyền hải mã đưa về tận làng Tiên Điền.

* **Trường An đợi dĩ phi** : Không phải riêng gia đình tác giả, quê hương tác giả mới gặp cảnh thương tâm, mà cả nước (mà Trường An là Đại Biều) cũng chịu lắm nỗi tang thương.

Bài này tác giả làm lúc trở về Hà Tĩnh sau 10 năm lưu lạc ở quê người.

Dịch thơ

GIANG ĐÌNH HỮU CẨM

Nhớ thuở tiên nghiêm cáo lão về,
Bên sông rộn rịp ngựa liền xe.
Khúc rồng cuộn sóng thuyền tiên lướt,
Cánh hạc vờn mây lọng gấm che.
Từ nếp xiêm y chìm khuất bến,
Đề sầu cây cỏ ngập tràn đề.
Trường An cũng trải nhiều dâu bể,
Gấm cuộc trăm năm lấm nã nề.

Thu 1969

Ứ C GIA HUYNH

Lục tháp thành nam hệ nhất quan
 Hải vân dạ độ thạch toàn ngoan.
 Cùng xu lam chương tam niên thú.
 Cổ quốc yên hoa nhị nguyệt hàn.
 Nhất biệt bất tri hà xứ trú,
 Trùng phùng đương tác tái sinh khan.
 Hải thiên mang diếu thiên dư lý,
 Thần phách trưng cầu mộng diệc nan.

神 海 意 一 友 穷 海 六
 魄 天 逢 别 国 隙 山 塔
 相 茫 应 不 烟 岸 直 城
 求 漱 作 知 花 障 度 南
 梦 千 再 何 二 之 石 繫
 每 里 生 延 月 年 横 一
 巡 舍 看 任 家 戌 屹 宦

憶家兄

Nghĩa đen

NHỚ ANH *

Một chức quan buộc anh nơi phía nam thành Sáu
Tháp *

Ban đêm vượt đèo Hải Vân đá lởm chởm. *

Ba năm đóng thú ở vùng núi sâu cùng đầy lam
chướng *

Tháng hai nơi cổ quốc hoa khói những lạnh lùng.
Một phen từ biệt nhau, không biết nương náu chốn
nào ?

Cuộc trùng phùng hãn phải đợi đến kiếp sau.

Trời biển xa xôi mờ mịt, đường xa nghìn dặm,

Thần phách tìm nhau trong mộng vẫn khó khăn !

* Gia huynh : Người anh đây là Nguyễn Nễ, anh ruột Nguyễn Du.

Cùng mẹ với Nguyễn Du có Nguyễn Trữ chết sớm. Nguyễn Nễ tức Đề lớn hơn Nguyễn Du 4 tuổi, Nguyễn Úc, kém thua Nguyễn Du 2 tuổi và một bà có chồng là Võ Trinh đậu đại khoa làm quan lớn triều Lê.

Sau khi Lê Chiêu Thống theo quân Tàu chạy sang Trung Quốc (1789), Nguyễn Nễ về quê ngoại ở Bắc Ninh ẩn náu. Vua Quang Trung nghe danh, vời ra làm quan. Được bổ chức Hàn lâm Viện thị thư, làm phó sứ tuế cống sang Trung Quốc. Trở về được thăng Đông Các Đại Học Sĩ, gia tăng Thái Sử, thự tả nghị lang, Nghi Thành hầu. Năm Giáp Dần (1794), được thăng Tả phụng nghị bộ binh, vào thành Qui Nhơn giữ chức Hiệp Tán Nhung Vụ.

* Lục Tháp thành : thành Qui Nhơn, Bình Định có cả thảy 8 cụm tháp. Nhưng chỉ 6 cụm ở gần đường đại lộ,

Dịch thơ

NHỚ ANH

Quan nơi Sáu Tháp buộc ràng thân,
Đá gập ghềnh đêm vượt Hải Vân.
Sương gió đồn xa hiu hắt phận,
Khói hoa quê cũ lạnh lòng xuân.
Bèo chia chẳng biết phương nào trú ?
Ruột đứt đành cam kiếp khác gần.
Trời biển chơi vơi đường lối cách,
Tìm nhau nẻo mộng cũng đều ngăn !

Thu 1969

vào Nam ra Bắc đều trông thấy, nên người xưa gọi là Lục Tháp thành.

* Đèo Hải Vân nằm giữa Thừa Thiên và Quảng Nam. Từ Hà Tĩnh vào Bình Định, đèo Hải Vân là con đèo cao và dài nhất.

* Cùng xu lam chương : Người miền Bắc thời xưa coi Bình Định là nơi xa xôi độc địa.

Lúc Nguyễn Nể vào làm Hiệp Tá, thành Qui Nhơn không còn là Hoàng Đế Thành nữa. Vì vua Thái Đức đã băng. Vua Cảnh Thịnh đã cướp đất của bác rồi.

MY TRUNG MẠN HỨNG

Chung Tử viên cầm thảo Nam âm,
 Trang Tích bệnh trung di Việt ngâm.
 Tứ hải phong trần gia quốc lệ,
 Thập tuần lao ngục tử sinh tâm.
 Bình Chương di hận hà thời liễu ?
 Cô Trúc cao phong bất khả tầm.
 Ngã hữu thốn tâm vô dữ ngữ,
 Hồng sơn sơn hạ Quế giang thâm.

鐘子援琴操古音
 莊寫病中貌越吟
 四海風塵客周淚
 十旬牢獄死生心
 平章遠恨何時了
 旅所言身不到尋
 我有寸心多異語
 鴻山之下桂江深

縈中漫興

Chung Tử gầy dần gầy theo điệu Nam, *
Trang Tịch khi bệnh vẫn rên bằng tiếng Việt. *
Bốn bề gió bụi, rơi lệ vì nỗi nước tình nhà,
Mười tuần lao tù, lòng coi thường sống chết. *
Mỗi hận Bình Chương còn sót lại, bao giờ mới
dứt ? !
Phong cách cao thượng của con người đất Cô Trúc
không khá tầm được. *
Ta có chút tâm sự không biết ngỏ cùng ai,
Dưới chân núi Hồng, sông Quế sâu thẳm. *

*** Theo gia phả họ Nguyễn Tiên Điền thì Mùa Đông năm Bình Thịn (1796), Nguyễn Du toan trốn vào Gia Định để phò Nguyễn Ánh. Việc tiết lộ, bị tướng Tây Sơn trấn thủ Nghệ An là quận công Thận bắt giam. Nhưng vì Quận công Thận là bạn thân với Nguyễn Nê lại mến tài Nguyễn Du, nên chỉ giam mấy tháng rồi tha.**

*** Chung Tử tức Chung Nghi, người nước Sở bị Tấn bắt.** Người ta đưa đàn bảo gảy, Chung Tử chỉ gảy toàn những khúc phương Nam (Nước Sở). Người Tấn khen là người không vong bản.

• **Trong Tịch** : Người nước Việt được làm quan nước
Sở. **Trang Tịch** ngoại bệnh. Vua **Sở** hỏi quần thần :

— Tịch là kẻ tầm thường ở nước Việt, nay làm quan nước Sở, được giàu sang rồi, thì còn nhớ nước Việt nữa chăng ?

Viên Thị Ngự đáp :



Dịch thơ

TRONG NGỰC MẠN HÙNG

Đường tơ Chung Tử khúc Nam cầm,
Giường bệnh Trang lang tiếng Việt ngâm.
Bụi ngắm non sông dòng khò lệ,
Tù treo sống thác mối kiên tâm.
Bình Chương hận cũ bao giờ dứt ?
Cô Trúc gương trong khó nổi tầm !
Tâm sự biết cùng ai giải tỏ,
Non Hồng sông Quế cảnh cao thâm.

Thu 1969

— Con người có nhớ nước cũ hay không, thường tỏ ra trong lúc đau ốm. Nếu lúc này ông ta nói tiếng Việt thì tức là còn nhớ nước Việt.

Sở vương sai người lên nghe, thì trong lúc rên Trang Tích luôn luôn thốt bằng tiếng Việt.

* **Thập Tuần** : là 100 ngày vì mỗi tuần là 10 ngày. Mỗi tháng có 3 tuần : hạ, trung, thượng.

* **Bình Chương** : Núi Bình Chương. Tổng sử chép : Trương Thế Kiệt phò vua Tống chống quân Nguyên. Bị thua chạy đến chân núi Bình Chương, gặp bão, thuyền đắm. Thế Kiệt chết, nhà Tống mất.

* **Cô Trúc** : Nước của Bá Di Thúc Tề.

* **Quế Giang** : Một con sông ở Hà Tĩnh.

KÝ HỮU

Mạc mạc trần ai mẫn thái không,
 Bế môn cao chăm ngọa kỳ trung.
 Nhất thiên minh nguyệt giao tình tại,
 Bách lý HỒNG sơn chánh khí' đồng.
 Nhãn đề phù vân khan thế sự,
 Yêu gian trường kiếm quải thu phong.
 Vô ngôn độc đối đình tiền trúc,
 Sương tuyết tiêu thời hợp hóa long.

寄友
 漢之塵埃滿太室
 詞門高枕臥其中
 一川明月交情在
 百里鴻山正色同
 昭唐汾陽王世事
 胸中長劍掛秋風
 吾言解社蓮前竹
 吾子消時令化龍

Nghĩa đen

GỎI BẠN *

Mịt mờ bụi bặm bay đầy bầu trời,
 Đóng cửa nằm cao ở bên trong.
 Một trời trắng sáng, tình giao hảo còn đó,
 Trăm dặm non Hồng, đồng chính khí với nhau *
 Trong đáy mắt, chuyện đời theo mây nổi,
 Bên thắt lưng, gươm dài quảy gió thu.
 Một mình lặng lẽ ngắm khóm trúc trước sân,
 Đến lúc sương tuyết tan sẽ hóa rồng. *

* Bài này làm lúc đã trở về Hà Tĩnh.

* **Hồng Sơn** : Dãy núi cao và dài nhất ở quê hương Nguyễn Du. Nói là « Bách lý Hồng Sơn » đó là nói bề dài của núi, chứ không phải nói về cảnh xa cách như « Thiên lý giang san ». Vì lúc này Nguyễn Du đã về ở quê nhà.

* **Hóa Long** : Cây trúc khi già, hình dáng trông như con rồng, nhất là trông phần gốc rễ, có mắt có râu. Cho nên tre già, trúc già gọi là Long ông, măng tre măng trúc gọi là Long tôn.

Dịch thơ

KÝ HỮU

Đầy trời lớp lớp dầy trần hiêu,
Đóng cửa nằm cao tạnh sớm chiều.
Chánh khí muôn thu ngàn Hống vững,
Giao tình một mối bóng trắng treo.
Chuyện đời ghé mắt mây lơ lửng,
Gương bầu cái lưng gió hắt hiu.
Lặng lẽ bên sân lòng đối trúc,
Hóa rồng chờ thuở tuyết sương tiêu.

Đông 1969

ĐIẾU LA THÀNH CA GIẢ

Nhất chi nùng diễm hà Bồng Doanh
 Xuân sắc yên nhiên động lục thành.
 Thiên hạ hà nhân liên bạc mệnh,
 Trúng trung ưng tự hối phù sinh.
 Yên chi bất tảo sinh tiền chương,
 Phong nguyệt không lưu tử hậu danh.
 Tưởng thị nhân gian vô thức thú,
 Cửu Tuyền khứ bạn Liễu Kỳ Khanh.

九 是 月 脂 堪 已 春 一
 鼎 是 人 室 朋 中 下 色 枝 吊
 去 人 空 不 应 何 依 浓 罨
 伴 词 番 洗 自 人 然 艷 城
 奔 多 死 生 悔 憐 劫 下 歌
 香 沃 後 前 浮 薄 六 逢 女
 卿 趣 名 障 生 帝 城 瀛

Dịch nghĩa

ĐIỀU NGƯỜI CA NỮ ĐẤT LA THÀNH *

Một cảnh nông đơm từ cỗi Bồng Doanh xuống,
 Sắc xuân đẹp để làm rung động sáu thành.
 Thiên hạ ai người thương phận bạc mạng ?
 Trong mồ hắt tự hối hận cho kiếp phù sinh.
 Nghiệp phẩn son lúc sống không rửa sạch,
 Tiếng trắng gió sau khi chết rồi vẫn còn lưu.
 Ý hân trên đời không người biết thưởng thức thú vị,
 Nên xuống chín suối làm bạn cùng Liễu Kỳ Khanh *

* La Thành : Thành Nghệ An.

Truyền rằng thành do Trương Phụ đắp tại bến Phù Thạch nơi giao thủy của La Giang và Lam Giang.

* Bồng Doanh : Bồng Lai và Doanh Châu.

Truyền rằng ở trong Bột Hải có ba hòn đảo là Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu. Chung quanh ba đảo này nước biển rất yếu không đỡ nổi một hột cải, nên ghe thuyền tới đó liền chìm. Người ta gọi là Nhược Thủy. Nơi non Bồng nước Nhược chỉ có tiên đến được thôi.

Bồng Doanh là chỉ cõi tiên.

* Liễu Kỳ Khanh : Tên Liễu Vĩnh, một danh sỹ nổi tiếng về từ, ở đời Tống. Tuổi già mới thi đỗ lãn sỹ, và giữ 1 chức quan nhỏ ở Trảng An. Buổi thiếu thời thường lui tới xóm ca nhi và soạn nhiều bài từ tả nỗi đau khổ của làng son phấn. Khi Liễu Vĩnh chết chị em ca nữ góp tiền chôn cất và tổ chức những ngày kỷ niệm rất linh đình.

Dịch thơ

ĐIẾU CA NỮ ĐẤT LA THÀNH

Một cảnh nông đơm xuống Bồng Doanh,
 Sắc thắm xuân đưa nước sáu thành.
 Trên thế ai thương đời bạc mệnh,
 Trong mồ riêng hối kiếp phù sinh.
 Phấn son trăm trước chưa rồi nợ,
 Trắng gió nghìn sau luống để danh !
 Trần giới hắt không người thức thú,
 Suối vàng tìm bạn Liễu Kỳ Khanh.

Đông 1969

NGỌA BỆNH

Đa bệnh đa sầu khí bất thư,
 Thập tuần khốn ngộ Quế Giang cư.
 Lệ thần nhập thất thôn nhân phách,
 Cơ thử duyên sàng khiết ngũ thư.
 Vị hữu văn chương sinh nghiệt chương,
 Bất dung trần cấu tạp thanh hư.
 Tam lan song hạ ngâm thanh tuyết,
 Diễm diễm tinh thần du thái sơ.

多病多愁 臥病
 十旬困歇 桂江居
 痛神入憲 吞人魄
 臥甯橡床 喫我平
 來有文章 生孽障
 不容塵垢 雜清雪
 之菊窗下 吟老絕
 吾至消睡 今化鳥

Nghĩa đen

NĂM BỆNH

Nhiều bệnh nhiều sâu, tâm thần không thư thái,
 Mười tuần nằm liệt trong vùng Quế Giang.
 Thần dịch lệ vào nhà bắt hồn phách người,
 Chuột đói leo quanh giường gặm sách vở ta.
 Chưa từng có chuyện văn chương sanh nghiệt
 chương.
 Không đề cho bụi bặm lẫn vào cõi thanh hư *
 Dưới cửa sổ tam lan, tiếng ngâm vắng bật,
 Tinh thần dần dần đi dong chơi ngoài cõi không
 trung *

* Thanh Hư : Chốn hư không trong sạch.

Trời xanh cũng gọi là thanh hư.

Lòng không bận thế sự, luôn luôn yên lặng trong trẻo,
 cũng gọi là thanh hư.

* Thái sơ : Lúc mới khởi đầu của vũ trụ.

Đây nói về cõi hư vô, cõi ngoài trần giới.

Dịch thơ

NGỌA BỆNH

Sầu lại bệnh lòng không thanh thản,
Miền Quế Giang mấy tháng nằm suông.
Bắt hồn, dịch rắc tai ương,
Chuột leo gặm sách quanh giường làm no.
Văn chương nào sanh ra nghiệt chướng,
Gìn thanh hư chẳng vương trần hiêu.
Song ngâm ngày vắng thiu thiu,
Tinh thần điểm điểm tiêu diêu cõi ngoài.

Thu 1969

TẬP NGÂM

Long Vỹ giang đầu ốc nhất gian,
 U cư sâu cực hốt tri hoan.
 Đạt nhân tâm cảnh quang như nguyệt,
 Xử sở môn tiền thanh giả san.
 Châm bạn thúc thư phù bệnh cốt,
 Đẳng tiền đầu tửu khởi suy nhan.
 Táo đầu chung nhật vô yên hỏa,
 Song ngoại hoàng hoa tú khả xan.

龍尾江頭屋一間
 幽居甚杳忽知歎
 達人心境宛如月
 延士門前寺在山
 槐畔東軒扶病骨
 燈前杯酒起衰顏
 灶頭終日無烟火
 窗外黃花秀可餐

雜吟

Dịch nghĩa

NGÂM VINH NHỮNG VIỆC LẶT VẶT *

Đầu sông Long Vỹ một gian nhà. •

Ở trong nơi vắng vẻ sâu cực độ, bỗng thấy vui.

Cõi lòng của kẻ đạt nhân sáng như trăng, *

Trước cửa ngõ người xử sự xanh ấy núi. *

Bên gối có chồng sách đồ tẩm thân bệnh tật,

Trước đèn nhắm chén rượu cho tươi vẻ mặt tiêu
tuy.

Suốt ngày nơi bếp không khói lửa,

Ngoài cửa sỏ hoa vàng tươi tốt khá ăn được.

* **Tập ngâm** : Trong tập có 3 bài. Đây là bài thứ II.

Bài này làm lúc tác giả đã về Hà Tĩnh.

* **Long Vỹ** : Tên một khúc sông Lam Giang. Sông Lam Giang còn có tên nữa là Thanh Long Giang, chảy giữa hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Đoạn cuối sông Thanh Long gọi là Long Vỹ Giang thuộc địa phận huyện Nghi Xuân, gần làng Tiên Điền.

* **Đạt Nhân** : Người hiểu rõ sự lý.

Người gặp thời được thế cũng gọi là đạt nhân. Nhưng ở đây dùng nghĩa trước.

* **Xử sự** : Kẻ học giả không ra làm việc đời, không ra làm quan. Tức là kẻ ở ẩn. Nghĩa tương tự với ẩn sĩ hay cư sĩ.

Dịch thơ

TẬP NGÂM

Đầu sông Long Vũ túp lều tranh,
Buồn ngắm tâm can chột thích tình,
Tắc dạ đạt nhân vầng nguyệt tỏ,
Đầy hiên xử sở sắc non xanh.
Đỡ dùm gỏi bệnh thân nương sách,
Thăm chút dung tàn rượu nhấm canh.
Bếp núc trọn ngày không khói lửa,
Ngoài song cúc nở dáng ngon lành.

Đông 1969

DẠ HÀNH

Lão nạp an miên Hồng lĩnh vân,
 Phù âu tĩnh túc noãn sa tân.
 Nam minh tàn nguyệt phù thiên lý,
 Cồ mạch hàn phong cộng nhất nhân.
 Hắc dạ hà kỳ mê thất hiểu,
 Bạch đầu vô lại chuyết tàng thân.
 Bất sàu cứu lộ triêm y duệ,
 Thả hỷ tu mi bất nhiễm trần.

老袖安曠鴻巖雲
 夜行
 浮陽靜宿燠汝津
 南溟殘月浮千里
 古陌寒風共一人
 黑夜何其迷失曉
 白頭多賴枯蓬身
 不共久路落衣袂
 且喜頭看不染塵

Nghĩa đen

ĐI ĐÊM

Sư già ngủ yên trong mây núi Hồng linh, *
Chim phù âu cũng thắm giấc nơi bến cát ấm.
Trên biển nam bóng trắng tà dập dờn hàng ngàn
dặm,
Nẻo đường mòn gió lạnh dồn cả vào một người *
Đêm đen tối, lúc này là lúc nào, mãi không thấy
sáng!
Đầu đã bạc, không được việc gì, lại vụng bề giấu
thân, *
Không buồn nổi đi lâu dưới sương, áo bị ướt,
Nên mừng bụi không lấm râu mày.

* Hồng Lĩnh : Thường gọi là ngàn Hống.

* **Cò mọch** : Con đường nhỏ có đã từ xưa, tức là đường mòn.

*** Vô lợi :** Không ích lợi, không làm được việc gì bổ ích cho thân cho đời.

Tàng thân : Giấu tấm thân không cho đời biết, tức ở ẩn.

Dịch thơ

ĐI ĐÊM

Ngàn Hống mây dùng sư ngủ ngon ,
Bến sâu thêm ấm giấc cò con ,
Nghìn trùng biển cả trắng tàn rọi .
Chiếc bóng đường quê gió lạnh dồn ,
Trời mãi còn đêm khôn dọ dẫm ,
Già chưa nên việc khéo bôn chôn !
Đi lâu chẳng ngại sương dầm áo ,
Mừng được mây râu khỏi bụi lòn .

Đông 1969

ĐẠO Ý

Minh nguyệt chiếu cổ tỉnh,
 Tỉnh thủy vô ba đào.
 Bất bị nhân khiên xả,
 Thử tâm trung bất dao.
 Tung bị nhân khiên xả,
 Nhất dao hoàn phục chỉ.
 Trăm trăm nhất phiến tâm,
 Minh nguyệt cổ tỉnh thủy.

明 湛 一 經 此 不 水 明
 月 以 握 被 心 被 井 月
 古 一 還 人 終 人 多 照
 井 片 沒 牽 不 牽 波 古
 水 心 止 北 控 拉 濤 井

道意

Dịch nghĩa

NÓI Ý MÌNH

Trăng sáng chiếu giếng xưa,
 Nước giếng không sóng mới.
 Không bị người dắt buông,
 Lòng này không dao động.
 Dù bị người dắt buông,
 Dao động một lúc rồi yên lặng trở lại.
 Vật vạt một mảnh lòng,
 Trăng sáng nước giếng xưa.

Dịch thơ

ĐẠO Ý

Trăng trong lòng giếng cổ,
 Nước giếng không ba đào.
 Chẳng bị người khuấy động,
 Lòng này không chút xao.
 Dù bị người khuấy động,
 Xao rồi trở yên lặng.
 Vẳng vạc một mảnh lòng,
 Giếng trong trăng gội bóng.

Đông 1969

Nghĩa đen

QUA SÔNG LONG VỸ •

Ngoảnh đầu nhìn lại quê hương, hàng lệ nhỏ,
 Gió tây thổi bụi dậy khắp cả đường đi. •
 Vừa sang khỏi sông Long Vỹ,
 Đã là người quê khác rồi.
 Tóc bạc ở giữa cát hiện càng rõ,
 Tiếng chim hồng lia đàn nghe ngoài biển khơi.
 Bạn thân đứng nơi cửa bến nhìn theo,
 Vì ta mà nước mắt thấy đầm khăn.

• Long Vỹ giang : Khúc sông Lam thuộc huyện Nghi Xuân. Từ nguồn đến Ngã Ba Phủ (Hưng Nguyên) sông Lam gọi là Long Giang. Khúc sông ở gần biển gọi là Long Vỹ Giang.

Bài này làm lúc tác giả đã về Hà Tĩnh.

Ngờ rằng chuyến ra đi này là chuyến đi vào Gia Định để giúp Nguyễn Ánh đánh Tây Sơn, năm Bính Thìn (1796), nhưng rồi bị tướng Tây Sơn bắt được.

• Tây phong : Gió mùa thu, mùa đông, lạnh lẽo, thường làm cho người đau ốm.

Chữ này tác giả dùng để ám chỉ nhà Tây Sơn.

ĐỘ LONG VỸ GIANG

Cớ quốc hồi đầu lệ
 Tây phong nhất lộ trần.
 Tài qua Long Vỹ thủy,
 Tiệp thị dị hương nhân.
 Bạch phát sa trung hiện,
 Ly hồng hải thượng văn.
 Thân bằng tân khẩu vọng,
 Vị ngã nhất triêm cân.

五我一路塵
 親明津口望
 離鴻汝工詢
 白髮沙中見
 便是異鄉人
 纔到鼉尾水
 五風一路塵
 故園回頭淚
 渡鼉尾江

Dịch thơ

QUA SÔNG LONG VỸ

Sút sùi nhìn cổ lý,
Bắc nổi bụi tung đường.
Vừa khỏi sông Long Vỹ,
Đã ra người dị hương !
Bãi dài đầu ánh bạc,
Biển quanh nhận kêu sương.
Bè bạn bên kia bến
Khôn ngăn dòng lệ thương.

Đông 1969

KHÔNG TƯỚNG VŨ

Không tước phủ hoài độc,
 Ngộ phục bất khả y.
 Ngoại lộ văn chương thê,
 Trung tàng sát phạt ky.
 Nhân khoa dung chỉ thiện,
 Ngã tích vũ mao kỳ.
 Hải hạc diệc hội vũ,
 Bất dữ thế nhân tri.

孔 雀 舞
 孔 雀 舞 姿
 誤 服 不 可 醫
 外 露 天 章 骨
 中 蟲 殺 伏 枕
 人 誇 容 止 善
 我 惜 毛 羽 奇
 海 鶴 亦 言 舞
 不 安 世 人 知

Nghĩa đen

CHIM CÔNG MÚA

Tặng phủ chim công chứa chất độc, *
 Lỡ trúng phải, không có thuốc chữa khỏi.
 Ở ngoài thì bày vẽ văn chương, *
 Bên trong dấu máy sát phạt .
 Người khen hình dung và điệu bộ khéo,
 Ta tiếc lông mao lông vũ kỳ. *
 Hạc biển cũng biết hợp nhau mùa,
 Không để cho người đời biết.

* **Tặng độc** : Can công có chất độc. Tục thường nói : «gan công mật cóc». Ăn trúng là chết ngay.

* **Văn chương** : văn hoa.

* **Mao Vũ** : Mao là lông động vật. Vũ là lông loài chim.

Dịch thơ

CÔNG MÙA

Gan phổi công dầm độc,
Ngộ độc thuốc không phương.
Trong ngẫm cơ sát phạt,
Ngoài chuốt vẽ văn chương.
Người khen đáng uyển chuyển,
Ta tiếc mã huy hoàng.
Hạc biển cũng biết mùa,
Không dung mắt thế thường.

Đông 1969

KÝ HỮU

Hồng sơn sơn nguyệt nhất luân minh,
 Thiên lý Trảng An thử dạ tình.
 Thái phúc bất toàn chân diện mục,
 Nhất châu hà sự tiểu công danh!
 Hữu sanh bất đãi công hầu cốt,
 Vô tử chung tầm thi lộc minh.
 Tiễn sát bắc sông cao ngọa giả,
 Bình cư vô sự đảo hư linh.

寄友
 鴻山山月一輪明
 千里長安此夜情
 大璞不全真面目
 一州何事小功名
 有生不帶公侯骨
 多死終尋承鹿盟
 羨殺地窗高臥在
 平居無事到雲英

Nghĩa đen

GỢI BẠN *

Vầng trăng trên đỉnh Hồng Sơn, một bóng tròn vắng
vắc,
Tràng An nghìn dặm một mảnh tình đêm nay.
Viên ngọc phác không giữ trọn được bộ mặt mắt
thật nữa,
Việc gì mà mang chịu chút công danh nho nhỏ ở
một châu ?
Sinh ra vốn không mang sẵn cốt công hầu,
Không chết thì thế nào cũng tìm làm bạn với hươu
nai *
Rất thèm cái thú của người ngồi cao nơi song bắc,
Sống yên ổn không một việc gì bận đến tâm hồn.

* Ký hữu : Bài này tác giả gởi cho bạn ở Hồng Sơn, khi ra Tràng An làm quan cùng nhà Nguyễn.

Tràng An tức là Thăng Long.

* Thái phúc : Viên ngọc còn ở trong đá, chưa mài dũa
Sách Chiến Quốc chép : Vua Tề mời Nhan Xúc vào cung
để trọng dụng. Xúc từ chối, nói : « Ngọc sinh ở đá trên
núi, nếu đem phá ra lấy mà dùng, không phải không quý
giá, nhưng bản chất không còn nguyên vẹn. Kẻ sỹ sanh ra
nơi đồng nội, nếu được dùng cho bổng lộc, không phải
không hiển vinh, nhưng hình thái tinh thần không giữ
được toàn vẹn ».

Dịch thơ

KÝ HỮU

Đêm nay ngàn Hống bóng trắng thanh,
 Nghìn dặm Tràng An một mảnh tình.
 Ngọc phác khôn gìn nguyên diện mục,
 Thân đời khéo buộc nẻo công danh !
 Công hầu cốt ấy đâu sanh sẵn,
 Hươu vượn duyên kia quyết để dành.
 Thông thả kia ai song bắc tựa.
 Chuyện ngoài chẳng chút bận hư linh,

Đông 1969

Nhất châu : Khi mới ra làm quan cùng nhà Nguyễn, Tổ Như nhận chức tri huyện Phù Dung thuộc Khoái Châu, tỉnh Sơn Nam (Hưng Yên ngày nay).

• **Thi lộc :** Thi là heo rừng, lộc là hươu nai.

• **Bắc Song :** Đào Tiềm, một cao hiền đời Tấn, có câu : « Tiết tháng năm tháng sáu, nằm nơi cửa sổ phía Bắc, gió mát thoảng đến, tự coi như người đời Hy Hoàng ».

Hư linh : cũng như tâm linh. Cõi lòng trong sạch và trống trơ không chút bận đến thế sự.

LA PHÙ GIANG THỦY CÁC ĐỘC TỌA

Thủy các các hạ, giang thủy thâm,
 Thủy các các thượng, nhân trầm ngâm.
 Du du vân ảnh biến thần tịch,
 Cồn cồn lãng hoa phù cổ cầm.
 Trần thế bách niên khai nhãn mộng,
 Hồng sơn thiên lý ỷ lan tâm.
 Bồi hồi đối cảnh độc vô ngữ,
 Bạch phát sồ hành thủy ngã khâm.

白	柳	湖	塵	滾	悠	水	水	界
夢	細	山	世	三	三	詞	詞	浩
改	沙	千	萬	浪	雲	三	三	江
盡	影	里	年	花	新	上	下	水
垂	絳	倚	閑	澄	變	人	江	詞
我	多	欄	眼	古	晨	沈	如	獨
襟	語	心	夢	今	夕	吟	深	坐

Nghĩa đen

NGỒI MỘT MÌNH NƠI THỦY CÁC TRÊN SÔNG LA PHÙ *

Dưới thủy các, nước sông sâu,
Trên thủy các, người ngồi trầm ngâm.
Vòi vọi bóng mây thay sớm chiều,
Cuồn cuộn hoa sóng nổi cỏ kim.
Trăm năm trần thế chỉ là giấc mơ mở mắt,
Nghìn dặm Hồng sơn, luống chạnh lòng khi tựa
lan can.
Bồi hồi đối cảnh, một mình lặng lẽ,
Đôi hàng tóc bạc xũ xuống bầu áo.

* **La phù giang** : không biết ở đâu.

Bên Trung Hoa có núi La Phù là nơi Sư Hùng cùng hồn
hoa mai ngồi uống rượu xem tuyết.

* **Khai nhãn mộng** : Giấc mộng mở mắt. Khi nhắm mắt
ngủ mới thấy mộng. Đó là mộng trong lúc ngủ. Mở mắt
mà thấy mộng. Đó là cuộc đời có không không có.

Nhân tên La Phù mà tác giả liên tưởng đến mộng.

* **Ý lan tâm** : Nổi lòng khi tựa lan can.

Ngồi tựa lan can của thủy các trên sông La Phù mà
nhớ quê hương ở dưới chân Hồng Lĩnh.

Dịch thơ

NGỒI MỘT MÌNH NƠI THỦY CÁC
SÔNG LA PHÙ

Nước dưới thủy các thăm thẳm sâu,
Người trên thủy các ngồi cúi đầu,
Tráo trở mai chiều mây đổi lệ,
Dập dồn cũ mới sóng trôi mau.
Ngoảnh xem trần thế trăm năm mộng,
Ngắm vọi Hồng Sơn chín khúc sầu.
Lặng lẽ bên song lòng đối cảnh,
Lòa xóa tóc rũ trắng đầy đầu.

Đông 1959

ĐỒNG LUNG GIANG

Đồng Lung giang thủy khứ du du,
 Kim cổ nhân sâu bất trú lưu.
 Sa chủ tàn lô phi bạch lộ,
 Lũng đầu lạc nguyệt ngoạ hàn ngư.
 Loạn sơn thủy tiếp cô thành mộ,
 Thủy trúc hàn sinh tiêu điểm thu.
 Tiền nhĩ dã ầu tùy thủy khứ,
 Phù sinh lao lục kỷ thời hư.

同 龍 江 水 去 悠 悠
 金 古 詞 費 不 記 素
 沙 嶺 殘 羊 牧 白 鷺
 曉 頭 落 月 照 寒 牛
 亂 山 翠 接 孤 城 暮
 水 竹 穿 生 小 店 秋
 羨 尔 路 臨 臨 西 去
 浮 生 勞 碌 幾 時 休

Nghĩa đen

SÔNG ĐỒNG LUNG *

Nước sông Đồng Lung chảy đi, trông xa vọi vọi,
 Mỗi sầu man mác xưa nay trôi mãi không ngừng.
 Mũi doi cát lau tàn, đàn cò trắng bay liệng, *
 Nơi đầu cồn trắng lặn, bầy trâu lạnh nằm nhor. *
 Sắc xanh của dãy núi lỏm chỏm liền với bóng
 chiều của tòa thành mờ côi, *
 Khí lạnh của khóm trúc mọc bên nước xanh cùng
 hơi thu trong túp lều nhỏ. *
 Thấy bầy chim âu nhớn nhor bơi theo dòng nước
 mà thềm,
 Cảnh vắng vả của kiếp phù sinh không biết bao giờ *
 mới hết !

* **Đồng Lung** : Tên 1 khúc sông trong vùng Sơn Nam.

* **Sa chủy** : Doi cát hình nhọn như mũi dùi.

* **Lũng đầu** : Cũng như lũng thủ.

Lũng là nắm đất cao ở giữa ruộng, ở giữa sông.

Lũng cũng dùng chỉ những gò đồng, mả mồ. Đây là cồn.

Hàn ngư : trâu (ngư là loài trâu bò. Huýnh ngư là bò, vì bò thường sắc vàng. Hàn-ngư là trâu, vì trâu thường nằm dưới nước, ngủ ngoài trời).

* **Loạn sơn** : Núi mọc lỏm chỏm không hàng không ngũ.

* **Thủy trúc** : Tre mọc bên bờ nước.

* **Dã âu** : chim âu, nơi đồng ruộng. Giống chim âu ở biển gọi là Hải âu. Vì giống âu bơi trên mặt nước nên có tên nữa là Phù âu.

Cổ nhân thường ví chim âu với người nhàn,

Dịch thơ

SÔNG ĐỒNG LUNG

Nước Đồng Lung xuôi dòng cuồn cuộn,
Mỗi nhàn sâu mãi cuốn cổ kim.

Lau tàn doi rợp cánh chim,
Trâu nằm ngủ lạnh trắng chìm cồn xa.

Dãy chiều tà thành pha sắc núi,
Lều trúc che lạnh xối bờ thu.

Nhớ như thêm thú chim âu,
Kiếp phù sinh lưỡng giải dầu bao thời ?

Đông 1969

XUÂN TIÊU LỮ THỪ

Tiêu tiêu bỗng mấn lão phong trần,
 Âm lý thiên kinh vật hậu tân.
 Trì thảo vị lan thiên lý mộng,
 Đình mai dĩ hoán nhất niên xuân.
 Anh hùng tâm sự hoang tri sinh,
 Danh lợi doanh trường lụy tiểu tân.
 Nhân tự tiêu điều xuân tự hảo,
 Đoàn thành thành hạ nhất triêm cân.

。 春宵旌次
 蕭蕭蓬鬢老風塵
 暗裏偏驚物候新
 池州未閱千里夢
 梅意已換一年春
 英雄心事荒馳騁
 名利場中累笑顛
 人自蕭條吾自好
 國城下一治巾

Nghĩa đen

ĐÊM XUÂN QUÁN KHÁCH *

Bời bờ mái tóc hồng già cùng gió bụi, *
 Trong thâm lặng riêng sợ khi nhìn thấy cảnh vật
 đổi mới.
 Ngoài nghìn dặm chưa tan giấc mộng « Cỏ bờ
 ao », *
 Cây mai ở trước sân đã đổi một năm xuân. *
 Tâm sự anh hùng đã nguội, không còn nghĩ đến
 chuyện dong ruổi, *
 Trên trường danh lợi những lụy về vẻ khóc cười. *
 Người riêng buồn bã xuân riêng đẹp,
 Đứng dưới chân thành Đoàn, một mình, lệ thấm
 khăn. *

* **Lữ thứ** : Tác giả làm bài này khi lên Lạng Sơn đề đón sứ thần nhà Thanh năm Giáp Tý (1805).

* **Bờnq Phú** : mái tóc rối bờn như cỏ bờn

* **Tri thảo** : Chữ lấy trong câu thơ của Tạ Linh Vận đời Tấn : «Tri đường sanh xuân thảo».

Nguyên Tạ Linh Vận có người em họ tên là Tạ Huệ Liên mới 10 tuổi đã biết làm thơ. Linh Vận thường tán thán và nói rằng khi ngồi cùng Huệ Liên thì thế nào cũng nghĩ được thơ hay. Một hôm Linh Vận ngồi nơi bờ ao nghĩ thơ, nhưng không tìm ra tứ. Về nhà nằm ngủ chiêm bao thấy Huệ Liên, thức dậy làm được câu «Tri đường sanh xuân thảo», rất lấy làm đắc ý. Câu chuyện truyền ra trở thành một giai thoại trong làng thơ.



Dịch thơ

ĐÊM XUÂN QUÁN KHÁCH

Phơ phơ mái tóc rối phong trần,
 Lặng lẽ thăm kinh vật biến tân.
 Chằm cổ chưa tan ngàn dặm mộng,
 Thềm mai đã đổi một năm xuân.
 Anh hùng dạ lấp đường dong ruổi,
 Danh lợi chân ê bước nhọc nhằn.
 Người dẫu điu hiu xuân vẫn đẹp,
 Thành Đoàn thơ thần lệ dầm khăn.

Đông 1969

* **Đình mai**: Mai trước sân.

Dùng mai trong thơ, một là đề tả xuân, hai là đề ngụ ý ở nơi trạm đề đợi sứ, mượn ý trong câu thơ Đường: «Chiết mai phùng dịch sứ».

Nguyễn Du đến Lạng Sơn mùa đông năm Quý Hợi (1804) và làm bài «Xuân Tiêu» năm Giáp Tý (1805), nên mới nói là «Dĩ hoán nhất niên xuân».

* **Tri sinh**: Tri là ngựa chạy mau. Sinh cũng là ngựa chạy mau. Hai chữ ghép lại thành nghĩa là dong ruổi.

* **Tiểu tàn**: Tiểu là cười. Tàn là nhẵn mày.

* **Đoàn thành**: Tên riêng của thành Lạng Sơn. Có tên như vậy vì góc Tây Bắc của thành hình vòng tròn,

VỌNG PHU THẠCH

Thạch da ? Nhân da ? Bỉ hà nhân ?
 Độc lập sơn đầu thiên bách xuân.
 Vạn kiếp điều vô vãn vũ mộng,
 Nhất trình lưu đắc cồ kim thân.
 Lệ ngân bất tuyệt tam thu vũ,
 Đài triện trường minh nhất đoạn văn.
 Tứ vọng liên sơn diếu vô tế,
 Độc giao nhi nữ thiện di luân.

獨
教
兒
女
拈
弄
偏
 四
望
連
山
漱
石
際
 苦
篆
長
銘
一
段
文
 淚
痕
不
絕
三
秋
雨
 一
貞
番
得
古
今
身
 萬
劫
香
多
雲
雨
夢
 石
耶
人
耶
彼
何
人
 望
夫
石

Nghĩa Đen

Đá chẳng ? Người chẳng ? Người là ai đó ? *
 Đứng một mình trên đầu núi hàng trăm nghìn xuân.
 Muôn kiếp không hề có giấc mộng mây mưa, *
 Một chữ trình giữ lại được tấm thân xưa và nay.
 Ngấn lệ không ngọt giọt mưa ba thu, *
 Chữ rêu ghi mãi lời văn một đoạn. *
 Nhìn bốn phía núi liền nhau mênh mông không dứt,
 Riêng đề một mình kẻ nhi nữ giữ vững đạo luân
 thường. *

* **Vọng Phu Thạch** : Đá Vọng Phu—Trong nước ta ở Lạng Sơn và Bình Định có Đá Vọng Phu. Ở bên Trung Hoa tại Võ-Xương cũng có.

Nguyễn Du chưa vào đến Bình Định.

Bài Vọng phu Thạch không chép vào Bắc Hành Tập lục mà chép vào Thanh Biên Thi tập. Như vậy chúng ta có thể quyết đoán rằng bài này vịnh Vọng Phu Thạch ở Lạng Sơn.

* **Vân Vũ Mộng** : Vua Tương Vương nước Sở chơi ở quán Cao Đường nằm mộng thấy một giai nhân đến cùng chung gối. Phán hỏi. Giai nhân đáp :

—Thiếp là Thần Nữ núi Vu Sơn. Sớm làm mây, tối làm mưa ở chốn Dương Đài.

Dịch thơ

ĐÁ VỌNG PHU

Đá hay người ? Ấy ai người ấy ?
 Đầu non cao trải mấy nghìn xuân.
 Giấc không bén mộng Vu Thần,
 Tắm thân kim cồ trong ngàn gương trịnh.
 Mưa ba thu lệ tình lai láng,
 Ngấn rêu in một áng sầu vắn.
 Non xanh lớp lớp xa gần,
 Gánh luân thường đè riêng phần thuyền quỳên.

Thu 1967

Mộng Mây Mưa tức là mộng ái ân.

* Tam thu vũ : Mưa trong ba tháng thu,
 Tam thu cũng có thể hiểu là ba mùa thu,
 Cồ thi có câu : Nhất nhật bất kiến như tam thu hề.
 Và Kiều có câu : Ba thu dọn lại một ngày dài ghê.
 Là mượn ý câu thơ cồ.

Tác giả dùng chữ «Tam Thu» để ngụ ý «Tương Tư».

* Đồi Triện : Ngấn rêu trông như hình chữ triện.

* Diếu : Xa xôi, tức là chữ ĐIỀU đọc theo thanh trắc.

Di Luân : Di là Thiên đạo, Luân là nhân luân.

Tức là luân thường đạo nghĩa

ĐIỆP TỬ THU TRUNG

Vân song tăng kỷ nhiệm thư hương,
 Tạ khước phong lưu vị thị cường.
 Bạc mệnh hữu duyên lưu giản tịch,
 Tàn hồn vô lệ khóc văn chương.
 Đỗ ngư dị tỉnh phồn hoa mộng,
 Huỳnh hỏa nan khôi cảm tú trường.
 Văn đạo dã ưng cam nhất tử,
 Dâm thư do thắng vị hoa mang.

蝶死書中

芸窗曾染朱香
 謝却風流未是狂
 薄命有緣晉簡籍
 殘魂多淚哭文章
 蠹魚易醒繁花草
 螢火滅灰鐸緯腸
 潤色也忘甘一死
 淫中豈勝五花忙

Những đèn

BƯƠM BƯƠM CHẾT TRONG SÁCH

Nơi cửa sổ trồng cỏ vân từng nhiễm mùi hương
sách vở, *

Từ bỏ vị phong lưu chưa hẳn là đại.

Mệnh bạc có duyên lưu lại nơi sách sồ. *

Hồn tàn không nước mắt khóc văn chương.

Con một sách dễ tỉnh giấc mộng phồn hoa,

Lửa đom đóm khó đốt cháy tấm lòng gấm vóc.

Được nghe đạo lý rồi chết cũng cam, *

Say đắm vào sách còn hơn đa mang vì hoa. *

* **Vân song** : Cửa sổ trồng cỏ vân hương. Tức thư phòng

* **Bạc mạng hữu duyên** : Nghe truyền là :

Khô cốt hữu duyên lưu giản tịch.

* **Giản tịch** : Giản là thẻ tre. Ngày xưa chưa có giấy, dùng thẻ tre để ghi chép. Tịch là sồ sách.

* **Đố ngư** : dịch tạm là một sách. Nhưng không phải giống một như một cây gỗ, vì không có vỏ cứng. Đây là 1 loài gián nhỏ, không cánh, có ba lông đuôi như ba sợi râu.

Phồn hoa mộng : mộng giàu sang.

* **Văn đạo** : Nghe được Đạo. Do câu nói của Khổng Tử trong sách Luận Ngữ : «Triều văn đạo tịch tử khả hĩ» Nghĩa là «Sáng được nghe giảng đạo lý, chiều tối chết cũng hả lòng».

* **Vị hoa mang** : Câu này nghe truyền là : **Vị hoa vương**. Nghĩa là vì hoa mà thác (vong).

Chữ «**Vương**» đặc thể hơn chữ mang

Trên kia chép theo bản của Thi Vũ ở Pháp gửi tặng.

Dịch thơ

BUỐM CHẾT TRONG SÁCH

Song vân từng thấm vị thư hương,
Bỏ thú phong lưu há phải cường.
Mệnh bạc còn duyên vương sử sách,
Hồn tàn không lệ khóc văn chương.
Khó mong lửa đóm thiêu lòng gấm,
Dễ khiến thân sâu tỉnh mộng vàng.
Đạo lý sớm nghe chiều chết thỏa,
Hoa sao bằng chữ dăm cưu mang.

Thu 1967

ĐỘC TIÊU THANH KÝ

Tây Hồ hoa uyển tảo thành khư
 Độc điếu song tiền nhất chỉ thư.
 Chi phấn hữu thần liên tử hậu,
 Văn chương vô mệnh lụy phần dư.
 Cỗ kim hận sự thiên nan vấn,
 Phong vận kỳ oan ngã tự cư.
 Bất tri tam bách dư niên hậu,
 Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như ?

天 下 似 人 泣 素 如
 不 知 三 百 餘 年 後
 風 韻 奇 冤 我 自 居
 古 今 恨 事 天 知 詞
 文 章 有 命 累 焚 餘
 脂 粉 有 神 憐 死 後
 獨 吊 窗 前 一 卷 書
 五 湖 梅 宛 在 成 壠
 讀 小 書 記

Nghĩa đen

ĐỌC BÀI KÝ VỀ TIỂU THANH *

Vườn hoa ở Tây Hồ đã thành gò hoang hết *

Viếng nàng qua một tập sách đọc trước cửa sổ,

Son phần có thần phải thương xót những việc xảy ra sau khi chết.

Văn chương không mệnh nên bị lụy vì nổi đốt đỏ. *

(Cũng có thể hiểu : Văn chương không có số mệnh
mà cũng bị họa đốt đỏ).

Những mối hận xưa nay khó mà hỏi trời được,

Nỗi oan lạ lùng của kiếp phong nhã, ta tự coi như người trong cuộc.

Không biết ngoài ba trăm năm sau này, *

Thiên hạ ai là người khóc Tố Như ?

* **Tiểu thanh** : Họ Phùng, sống vào khoảng đầu nhà Minh, có tài có sắc. Lấy lẽ một người tên Phùng. Để tránh tên chồng, tự hiệu là Tiểu Thanh.

Vợ cả của Phùng ghen tương bắt Tiểu Thanh lên ở trên núi Cô Sơn cạnh Tây Hồ. Chẳng bao lâu nàng buồn mà chết, chôn dưới chân núi Cô Sơn.

Nàng có để lại 1 tập thơ chép tâm sự mình. Người vợ lớn lấy đem đốt. Nhưng cháy không hết. Người yêu văn chương lược chép lại số bài còn sót, đặt tên là **PHẦN DƯ CỎ**, nghĩa là Cỏ thơ đốt còn sót.

Có người viết truyền nàng, gọi là TIỂU THANH KÝ.



Dịch thơ

ĐỘC TIÊU THANH KÝ

Hồ Tây hoa kiền giải gò hoang,
 Cửa hé trang thơ chạnh điệu nàng.
 Hận luống vương thêm hồn phấn đại,
 Tro chưa tàn hết nghiệp văn chương.
 Thanh thương khó hỏi oan chồng chất,
 Phong nhĩ đành chung nợ vãn vương.
 Rồi Tố Như này ba kỷ nữa,
 Trần gian ai kẻ sứt sùi thương ? !

Thu 1967

* Hoa Uyển : Nghe truyền là Mai uyển.

Tại Tây Hồ ngày xưa có 1 rừng mai rộng bát ngát. Lâm Bô đời Tống, vào rừng mai thưởng hoa, cao hứng đi lạc không biết đường về.

* Phần dư : Tức là Phần Dư cáo. Nghĩa đen là Đốt dở.

* Tam bách dư niên : Có thuyết nói : Tính từ năm Tiêu Thanh tạ thế cho đến năm Nguyễn Du làm thơ điệu là trên 300 năm. Ý tác giả nói : Tiêu Thanh chết đã hơn 300 năm còn có mình khóc. Còn phần mình, sau 300 năm nhắm mắt biết có ai khóc chẳng.

Nhưng nhiều người bảo rằng «tam bách dư niên» chỉ là lời nói có nghĩa như «sau này» vậy thôi. Cũng có lý vì đầu nhà Thanh thuộc thế kỷ XVII, Nguyễn Du ở cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Như vậy Tiêu Thanh sống trước Nguyễn Du không tới 300 năm.

QUỈ MÔN ĐẠO TRUNG

Qui Môn thạch kính xuất vân côn
 Chinh khách nam qui dục đoạn hồn
 Thụ thụ đông phong xuy tổng mã
 Sơn sơn lạc nguyệt dạ đề vôn
 Trung tuần lão thái phùng nhân lẫn
 Nhất lộ hàn uy trượng tửu ôn
 Sơn ồ hà gia đại tham thụ
 Nhật cao do tự yểm sài môn

日 山 一 中 山 樹 征 鬼
 高 鴻 路 旬 之 之 客 門
 曉 何 寒 老 落 東 南 石
 自 家 歲 態 日 風 歸 徑
 掩 太 仗 逢 夜 吹 歎 云
 柴 舍 酒 人 啼 送 斷 雲
 門 腫 濕 懶 猿 馬 魂 柁

鬼門道中

Nghĩa đen

Đường đá ở Quỉ môn từ chân mây mà ra. *
Hành khách về nam buồn muốn đứt tâm hồn.
Gió đông qua từng lớp từng lớp cây, thổi vào chân
ngựa đi đưa, *
Trăng tà ngả trên muôn trùng núi, khiến thâu đêm
tiếng vượn kêu. *
Tuổi mới trung niên mà đã có vẻ già nên ngại việc
thù tiếp. *
Suốt con đường giá lạnh, nhờ hơi ấm của rượu.
Trong xóm núi, nhà ai mà ham ngủ quá ?
Mặt trời đã lên cao mà cửa củi còn đóng kín.

* Quỉ Môn quan ở phía Nam xã Chi Lăng. Đường hẹp, núi dốc, hình thế hiểm trở. Có núi trông như đầu quỉ, ả; do đó mà mệnh danh.

Người xưa có câu :

Quỉ môn quan ! Quỉ môn quan !

Thập nhân khứ, Nhất nhân hoàn !

(Ài Quỉ Môn, ài Quỉ Môn ! Mười người đi, một người về).

* Chữ VIÊN là vượn, chữ CÁN là rẽ, vì văn bài thơ nên đọc là Vôn, là Côn.

* Tiên Điền làm bài này lúc lên trấn Nam Quan nghênh tiếp sứ Tàu sang phong sắc cho vua Gia Long, xong sứ mệnh trở về kinh. Năm ấy là năm Giáp Tý (1804), tác giả mới 40 tuổi nhưng đầu đã bạc trắng (đầu cụ bạc từ lúc lánh nạn ở Quỳnh Lưu).

TRÊN ĐƯỜNG QUA QUỈ MÔN QUAN

Đường Quỉ Môn Quan mây ngút xông
Về nam chinh khách tái tê lòng
Gió đồn chân ngựa cây xao xác
Trăng rụng đầu non vượn náo nùng
Lười việc đón đưa già trước tuổi
Đỡ cơn giá rét rượu đầy chung
Nhà ai góc núi sao ham giấc ?
Nắng gọi hiên chưa mở cánh bông.

Đông 1972

NAM TRUNG

PHƯỢNG HOÀNG LỘ
THƯỢNG TẢO HÀNH

Chinh phu hoài vãng lộ,
Dạ sắc thượng mông mông.
Nguyệt lạc viên thanh ngoại,
Nhân hành hồ tích trung.
Lực suy thường ủy lộ,
Phát đoản bất cầm phong.
Dĩ túc phùng tiều giả,
Tương liên bất tại đồng.

鳳凰路上
征夫懷往
夜色尚淡
月落猿老
人行馬跡
力衰常苦
髮短不禁
野宿逢
相憐不
在

Dịch nghĩa

SÁNG SỚM ĐI TRÊN ĐƯỜNG NÚI PHƯỢNG HOÀNG *

Khách lỡ hành nghỉ đến con đường trước mặt, *
 Sắc trời đêm vẫn còn mờ mờ.
 Trăng lặn ngoài nơi có tiếng vượn hú,
 Người đi trong chốn cộp in dấu chân.
 Sức yếu thường sợ sương móc, *
 Tóc ngắn không ngại gió thổi.
 Đêm ngủ nơi đồng quê gặp người đón củi,
 Thương nhau không vì chỗ giống nhau. *

Bài này tác giả làm lúc vào Huế làm quan.

* **Phượng Hoàng** ; Từ Hà Tĩnh đi vào có núi Phượng Hoàng. Năm Giáp Tý (1804) Nguyễn Du đương làm tri phủ Thường Tín thì bị bệnh, xin từ chức. Về quê nghỉ được hơn 1 tháng lại có chỉ gọi vào Kinh. Bài này làm trên đường lai kinh và mở đầu cho tập thơ Nam Trung Tạp Ngâm.

* **Vãng lộ** : Con đường sắp đi qua.

* **Chữ LỘ** ở đây là sương móc.

Có chỗ chép chữ lộ là đường.

Chép như thế không đúng, vì ở câu đầu đã nói đến «vãng-lộ» rồi.

* **Bất đồng** : Thường thường thì «đồng bệnh tương liên». Nhưng đối với trường hợp này thì không đồng cảnh ngộ, không đồng tâm sự, nhưng vẫn thương nhau.

Dịch thơ

TRÊN ĐƯỜNG PHƯỢNG HOÀNG

Nghĩ đường trước mặt mà lo,
Trời mai còn vương lờ mờ bóng đêm.
Ngoài nơi vượn hú trăng chìm,
Trong nơi cọp dạo im lìm người đi.
Sương dầm những ngại lực suy,
Mái đầu tóc ngắn sợ gì gió tung.
Quán què gặp gỡ tiều ông,
Thương nhau há tại cảnh đồng mà thương.

Đông 1969

THU CHÍ

Hương Giang nhất phiến nguyệt,
 Kim cồ hứa đa sầu.
 Vãng sự bi thanh trủng,
 Tân thu đáo bạch đầu.
 Hữu hình đồ dịch dịch,
 Vô bệnh cố câu câu.
 Hồi thủ Lam Giang phở,
 Nhân tâm tạ bạch âu.

香江一片月
 往事悲青髮
 新秋到白頭
 已形殘
 有病故拘拘
 回首藍江浦
 閒心謝白鷗

Nghĩa đen

THU ĐẾN

Sông Hương một mảnh nguyệt, *
 Xưa nay gọi không biết bao nhiêu mối sầu. *
 Chuyện cũ chạnh thương mờ cỏ xanh,
 Thu mới tới trên đầu tóc bạc.
 Có hình nên phải chịu vất vả. *
 Không bệnh mà lưng vẫn khom khom. *
 Ngoảnh đầu trông về bến sông Lam, *
 Lòng nhân xin tạ từ chim âu trắng

* **Hương giang** : Con sông chạy giữa kinh thành Huế, một thắng cảnh của tỉnh Thừa Thiên.

Năm Ất Sửu, (1805) Nguyễn Du được thăng hàm Đông Các điện Học Sĩ, tước Du Đức Hầu và làm việc tại Kinh Đô Huế. Nhưng lòng vẫn đeo nặng mối sầu thiên cổ.

* **Đồ dịch dịch** : bắt buộc làm việc vất vả như ở trong quân lữ. Làm lưng vất vả.

* **Câu câu** : Bệnh gù lưng.

Làm quan luôn luôn phải giữ vẻ khúm núm như kẻ mắc bệnh gù lưng.

* **Lam giang** : Con sông ở Hà Tĩnh, quê hương Nguyễn Du.

Dịch thơ

THU ĐẾN

Sông Hương một mảnh nguyệt,
 Lai láng sầu cỏ cầm.
 Chuyện xưa mờ cỏ biếc,
 Thu mới tóc hoa râm.
 Có hình thân phải khổ,
 Không bệnh lưng vẫn khom. *
 Bến Lam Giang ngoảnh lại
 Bầy âu vui sớm hôm *

Đông 1969

* Vẻ khúm núm của giới quan trường.

* Nghĩa đen : Bụng muốn nhàn nhưng đành phụ cùng đàn bạch âu,

ĐIỀU KHUYẾN

Tuấn mã bất lão tử,
 Liệt nữ vô thiện chung.
 Phàm sanh phụ kỳ khí,
 Thiên địa phi sở dung.
 Niệm nhĩ thuộc thổ súc,
 Dữ nhân mao cốt đồng.
 Tham tiến bất tri chỉ,
 Vãn thân hàn sơn trung,
 Vãn thân vật thán uyên,
 Sồ thi vô toàn công.

駿馬不老死 烈女無善終
 凡生負奇氣 天地非所容
 吾不處土畜 與人毛骨同
 貪進不知止 誤身夢山中
 誤身勿嘆惋 效顰全功

悼犬

Dịch nghĩa

ĐIỀU CON CHÓ CHẾT

Ngựa hay không chết già,
 Người trinh liệt không chết yên lành.
 Phàm người sinh ra có khí phách khác thường,
 Trời đất không có chỗ dung túng.
 Nghĩ thương mầy thuộc giống gia súc,
 Lông xương cũng đồng với loài người.
 Ham tiến không biết dừng,
 Bỏ mình trong núi lạnh.
 Bỏ mình chớ than tức,
 Bao lần thử sức không thành công.

Dịch thơ

ĐIỀU KHUYỀN

Tuấn mã không chết già,
 Liệt nữ không chết yên.
 Phàm khí phách khác thường,
 Trời đất hay ghen tương.
 Thương mầy giống gia súc,
 Cùng người đồng thịt xương.
 Ham tiến không biết thôi,
 Bỏ mình rừng gió sương.
 Bỏ mình chớ than tức,
 Chẳng vẹn công đầu trường.

Đông 1969

MỘNG ĐẮC THÁI LIÊN

I

Khẩn thúc giáp điệp quần,
Thái liên trạo tiểu đỉnh.
Hồ thủy hà xung dung,
Thủy trung hữu nhân ảnh.

II

Thái thái Tây Hồ liên,
Hoa thực câu thượng thuyền.
Hoa dĩ tặng sở úy,
Thực dĩ tặng sở liên.

III

Kim[?] thần khứ thái liên,
Nãi ước đông lân nữ.
Bất tri lai bất tri,
Cách hoa văn tiểu ngữ.

IV

Cộng tri liên liên hoa,
Thùy giả liên liên cán.
Kỳ trung hữu chân ty,
Khiên liên bất khả đoạn.

V

Liên điệp hà thanh thanh,
Liên hoa kiều doanh doanh.
Thái chi vật thương ngẫu,
Minh niên bất phục sinh.

夢得採蓮

一
紫束跌蹠裙
採蓮掉小艇
閑水何冲融
中有入影

四
共知憐蓮花

誰在憐蓮幹
欠中有真絲
牽連不可斷

三
今晨去採蓮
乃約東隣女
不知來不知
隔花細笑語

二
採玉五湖蓮
花實俱上船
花以贈以畏
實以贈以憐

五
蓮葉何苦
蓮花嬌態
採之何藕
明年不復生

MỘNG THẤY HÁI SEN

I

Xắn tròn quần cánh bướm,
Chèo thuyền con hái sen.
Long lanh hồ nhầy nước,
Mặt nước bóng người in.

II

Hái sen sen hồ Tây,
Khoang thuyền hoa gương đầy.
Gương tặng người sợ đỏ,
Hoa tặng người yêu đây.

III

Sáng sớm đi hái sen,
Hẹn cùng cô hàng xóm
Tới lúc nào không hay
Nói cười hoa cách khóm.

IV

Yêu sen đều yêu hoa,
Cộng không người tương thức.
Trong cộng tở chung tình,
Hoa lia tư chẳng dứt.

V

Lá sen dờn dờn xanh,
Hoa sen mơn mớn xinh.
Hái sen đừng chạm ngó,
Năm sau hoa chẳng sinh.

NGÂU THU CÔNG QUÁN BÍCH

Triều xan nhất vu phạn,
 Mộ dục nhất bồn thủy.
 Bế môn tạ tri giao,
 Khai song kiến kinh kỷ.
 Song ngoại kinh kỷ mạn thả trường,
 Mỹ nhân du du cách cao tường.
 Đổ vũ nhất thanh xuân khứ hĩ,
 Hồn hề qui lai bi cổ hương.

偶 中 公 館 壁 一
 朝 餐 一 盂 飯
 暮 浴 一 盥 水
 閉 門 謝 知 交
 開 窗 見 新 杞
 窗 外 新 花 蔓 且 長
 美 人 悠 々 隔 曲 牆
 杜 宇 一 聲 春 去 美
 魂 兮 歸 來 悲 故 鄉

TÌNH CỜ ĐỀ VÁCH CÔNG QUÁN

Sớm ăn một bát cơm,
Chiều tắm một bồn nước.
Đóng cửa tạ người quen,
Hé song thấy gai góc.
Gai góc ngoài song mọc ngọn ngang,
Mỹ nhân vọi vọi cách cao tường,
Cuối kêu một tiếng xuân đi mất !
Hồn hỡi ! Về đi... Thương cố hương.

Đông 1969

NGÂU ĐỀ CÔNG QUẢN BÍCH

I

Xương hạp môn tiền xuân sắc lan,
 Cách giang dao đối Ngự Bình san.
 Xuân tông giang thượng lai hà xứ ?
 Nhân ý thiên nhai trệ nhất quan.
 Mãn địa phồn thanh văn dạ vũ,
 Nhất sàng cô muộn dịch xuân hàn.
 Đào hoa mặc trượng đông quân ý
 Bàng hữu phong di tính tối toan.

偶書公館壁
 調江上
 春江上
 人倚天涯
 滿地繁
 一床雅
 春花
 侯有
 少
 性
 最
 酸

NGÂU ĐỀ CÔNG QUÁN BÍCH

II

Đông vọng giang đầu vọng cổ giao,
 Phù vân vô định thủy thao thao.
 Phong xuy cổ trủng phù vinh tận,
 Nhật lạc bình sa chiến cốt cao.
 Sơn nguyệt giang phong như hữu dĩ,
 Nham thê cốc ẩm bất từ lao.
 Bình sinh dĩ tuyệt vân tiêu mộng,
 Phạ kiến bàng nhân vấn vũ mao.

東望江頭望古交
 偶書公館壁
 浮雲無定水
 風吹古壩浮榮
 日落平沙戰骨
 山月江風如有
 岩樓谷飲不辭
 平生已絕雲霄
 怕見傍人問
 毛

Nghĩa den

TÌNH CỜ ĐỀ NƠI VÁCH CÔNG QUẢN

- I. Trước cửa Xương hạp sắc xuân sắp tàn.*
 Xa xa đối với núi Ngự Bình ở cách sông*
 Xuân theo dòng sông đi về đâu?
 Người nương chân trời lặn trệ vì 1 chức quan.
 Đêm mưa tiếng rợn rã nghe đầy đất,
 Trên giường một mình dùng nỗi buồn mờ cõi
 mà chống với khí lạnh của xuân.
 Hoa đào chớ cậy được Chúa Xuân yêu dấu,
 Bên cạnh có Di Gió tách hết sức chua ngoa,
- II. Đầu sông trông xuống dòng là nơi đất cũ.
 Đám mây bay lang thang, nước cuồn cuộn.
 Gió thổi nơi mờ xưa, bao nhiêu phù vinh tan
 hết,*
 Bóng chiều trên bãi cát, xương chiến sỹ vun
 cao.*
 Trắng núi gió sông như có lòng chờ đợi,
 Ở hang uống hổ cũng không từ gian lao.
 Bình sinh đã dứt hẳn mộng lên mây xanh,*
 Sợ thấy có người ở một bên hỏi đến lòng cánh

Hai bài này Nguyễn Du làm trong khoảng vào Huế làm Tham Tri. (Đề vách đến 3 bài. Bài đầu thể ngũ ngôn).

- * **Xương Hợp môn :** Cửa Vua.
- * **Ngự Bình :** 1 danh sơn ở Huế, đứng làm tiền án cho



Dịch thơ

TÌNH CỜ ĐỀ NƠI VÁCH CÔNG QUÁN

I

Hầu nhạt màu xuân trước cửa rồng,
 Xanh xanh núi Ngự phía kia sông.
 Xuân theo ngọn nước về đâu tá ?
 Quan lặn chân trời nghĩ chán không !
 Rả rích đêm dồn mưa nhầy đất,
 Im lìm muộn chổng lạnh qua song,
 Hoa đào chớ cây Đông quân mển,
 Dì gió ghen tương chất chứa lòng.

II

Trông vời quê cũ nước mộng mên,
 Cuộn cuộn mây theo sóng bập bênh.
 Cát phẳng ngày tà vun chiến cốt,
 Mồ xưa gió lạnh lấp phù vinh.
 Gió sông trắng núi như chờ khách,
 Uống hổ nằm hang cũng thỏa tình.
 Lòng cánh những e người hỏi đến,
 Tung mây đã dứt mộng bình sanh.

Thu 1967

thành vua. Thành vua ở phía bắc ngạn sông Hương, Ngự Bình ở nam ngạn.

* **Vân tiêu mộng**: mộng làm quan lớn

* **Phù vinh**: Vinh hoa phù phiếm. Tức là công danh phú quý trên đời như áng phù vân.

* **Chiến Cốt**: Xương chiến sỹ.

Lúc Nguyễn Du vào Huế, tàn tích của chiến tranh vẫn chưa lấp hết.

TỔNG NHÂN

Hương Cầm quan đạo liễu thanh thanh,
 Giang bắc giang nam vô hạn tình.
 Thượng uyển oanh kiều đa dĩ sắc,
 Cổ hương thuần lão thượng kham canh.
 Triều đình hữu đạo thành quân hiếu,
 Trúc thạch đa tâm phụ nhĩ minh.
 Trù trưởng thâm tiêu cô đối ảnh,
 Mãn sàng trệ vũ bất kham thính.

送人

香界官道奔去
 江北江南無限情
 上苑鶯嬌多妬色
 故鄉尊老尚堪羹
 朝庭有道成嘉孝
 竹石多情負爾盟
 惆悵深宵孤社新
 滿庭清雨不堪聞

Nghĩa đen

TIỀN BẠN

Dọc đường cái quan qua Hương Càn sắc liễu xanh
xanh, *

Kẻ phía bắc sông, người phía nam sông, tình vô hạn.
Con oanh trẻ vườn vua hay ghen nhau vì sắc đẹp, *
Rau thuần già quê nhà vẫn còn nấu canh được.

Triều đình có đạo khiến anh tròn chữ hiếu, *
Trúc đá cười tôi không tròn lời thề. *

Bồi hồi ảo não, đêm sâu một mình đối bóng,
Tiếng mưa dầm đầy cả giường nghe không chịu
nổi. *

* Hương Càn : tên 1 làng cách Huế chừng bốn cây số về phía Bắc. Con đường thiên lý chạy ngang qua đó. Làng nổi tiếng về quýt.

* Đa đo sắc : Hay ganh ghét nhau vì sắc đẹp. Âm chỉ các quan triều nhà Nguyễn thời bấy giờ, vì ganh tị nhau mà hãm hại lẫn nhau. Như vụ Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành, vụ Lê Chất Đặng Trần Thường, vân vân..

* Quân hiếu : Theo câu này thì người bạn của Nguyễn Du được Triều đình cho cáo quan về phụng dưỡng cha mẹ già.

* Trúc thạch : Thú ẩn dật,

Đã cùng khóm trúc tảng đá hẹn hò chung sống với nhau thế mà đành phụ đề ra làm quan.

* Câu này vừa tả tình biệt ly vừa tả nỗi lòng chua xót cho thân phận. Lại vừa tả cảnh đêm tiễn bạn đi, vừa tả cảnh tác giả đương sống ở Kinh đô.

Dịch thơ

TIỀN BẠN

Hương Cần đường liễu dập dờn xanh,
Bến bắc bờ nam bịn rịn tình.
Oanh trẻ vườn vua ganh ghét đẹp,
Thuần già quê cũ ngọt ngon canh.
Trân cam mừng bác thân lo vện,
Trúc thạch cười tôi nguyện chẳng thành.
Thồn thức giường khuya nướng bóng lẻ,
Chẳng kham mưa gió sụt sùi canh.

Đông 1969

NGÃU ĐỀ

Bạch địa đình trì dạ sắc không,
 Thâm đường tiểu tiểu hạ liêm lung.
 Đình đông châm chủ thiên gia nguyệt,
 Tiêu tác ba tiêu nhất viện phong.
 Thập khẩu đề cơ Hoành lĩnh bắc,
 Nhất thân ngộ bệnh Đế thành đông.
 Tri giao quái ngã sâu đa mộng,
 Thiên hạ hà nhân bất mộng trung ?

白地意偶題
 深堂悄々下簾櫳
 丁东砧杵千多月
 蕭索芭蕉一院風
 十口啼誠橫嶺地
 一身臥病帝城東
 知交怪我許多夢
 弓下何人不夢中

Nghĩa đen

TÌNH CỜ ĐỀ VỊNH

Thềm sân trống trơn chỉ có màu đêm bằng bạc, *
 Nhà sâu thăm thẳm, rèm hạ xuống bao quanh.
 Dưới bóng trắng của nghìn nhà, tiếng chày đập
 vãi nghe rộn rã, *
 Một viện gió thổi, tàu chuối khua xào xạc tiêu điều.
 Phía bắc Hoành sơn, mười miệng kêu đói, *
 Góc đông thành vua, một thân nằm bệnh. *
 Các bạn quen biết lấy làm lạ sao ta hay sầu mộng,
 Thiên hạ ai là người không ở trong mộng ?

* Bạch địa : Không có gì cả, trống trơn. Cũng như nói bạch đình, bạch thủ, bạch diện.. Chớ không phải đất trắng.

* Đinh đông : Tiếng lục lạc rung, tiếng chày nện, nghe nhịp nhàng, rộn rã.

* Thập khẩu : Mười miệng tức 10 người.

Nguyễn Du có 3 người vợ. Bà chánh thất sanh được 1 trai, bà kế thất sanh được 1 trai. Người thiếp sanh được 10 trai và sáu gái.

* Đế Thành : Thành Huế.

Nguyễn Du vào làm quan ở Huế từ năm 1805 đến năm 1809 thì bỏ ra Quảng Bình làm chức Cai Bạ.

Dịch thơ

NGÃU ĐỀ

Trống trải sân thềm đêm nhạt sương,
 Nhà sâu im ỉm bức rèm buông.
 Tiếng chày lay động trăng nghìn nóc,
 Tàu chuối đu đưa gió một phòng.
 Mười miệng đòi cơm ngoài cõi Bắc,
 Một thân nằm bệnh góc thành Đông.
 Người quen trách tớ hay sầu mộng,
 Thiên hạ còn ai tỉnh táo không ?

Thu 1967

TÂN THU NGÂU HÙNG

Giang thành nhất ngọa duyệt tam chu,
 Bắc vọng gia hương thiên tận đầu.
 Lệ Thủy Cầm Sơn giai thị khách,
 Bạch vân hồng thụ bất thăng thu.
 Thử thân dĩ tác phàn lung vật,
 Hà xứ trùng tâm hãn mạn du.
 Mạc hưởng thiên nhai thán luân lạc,
 Hà nam kim thị đế vương châu :

新秋偶興
 江城一畝園
 北望家鄉天
 盡頭
 盡如錦山皆
 是客
 玉至紅樹不
 勝秋
 以身已作樊
 籠物
 何處重尋汗
 漫途
 莫個天涯詞
 海落
 河南今是帝
 王州

Nghĩa đen

ĐẦU MÙA THU TỈNH CỜ HƯNG BÚT

Một năm nơi Giang thành chốc đã ba năm tròn, *
 Trông về Bắc quê nhà ở tận cuối trời !
 Lệ thủy Cầm sơn đều là khách, *
 Mây trắng cây hồng bao xiết về thu.
 Thân này đã làm vật trong lồng trong chậu,
 Còn tìm đâu được cảnh vui chơi theo sóng nước.
 Chờ nhìn chân trời mà than thân luân lạc,
 Phía nam sông nay đã là đất của vua rồi *

* Giang Thành : Thành bên sông. Đây là thành Động Hải bên sông Nhật Lệ, tức là thành Quảng Bình hiện giờ.

Tại Quảng Bình, Nguyễn Du làm Cai Bạ gần bốn năm, từ 1809 đến 1813.

Vậy bài này làm vào khoảng 1811-1812.

* Lệ thủy, Cầm sơn : là sông Nhật Lệ và núi Cầm Lý.

Sông Nhật Lệ chảy ngang qua tỉnh lỵ. Núi Cầm Lý ở nơi ranh giới. Cầm Lý có tên nữa là Ngân Sơn.

Sách Đại Nam Nhất Thống Chí chép rằng : « Xưa có người leo núi bị lạc đường, thoát thấy một hòn núi sản xuất toàn bạch ngân, rất lấy làm lạ. Lúc trở về nói lại cùng người làng, rồi dẫn nhau theo đường cũ tìm lên núi thì mù mịt không thấy lối đi. Sách Ô Châu Cận lục nói



Dịch thơ

TÂN THU NGẪU HÙNG

Giang thành một đến ba xuân lun,
 Ngoảnh lại gia hương nẻo mịt mù,
 Sông Lệ non Ngân đâu chẳng khách,
 Cây hồng mây trắng thấy đều thu.
 Chậu lồng vương kiếp thời đành đoạn !
 Sóng nước vui chân há dễ dàu !
 Luân lạc phương trời thời chớ nghĩ :
 Bờ Nam đã thuộc đất Thần Châu.

Thu 1969

rằng « Cầm Lý chung linh, tức dĩ sản bạch ngân chi dị ». Nghĩa là « Núi Cầm Lý un đúc khí linh, nên sinh ra bạc trắng rất lạ. Đó là nói về núi này ».

Vì vậy núi Cầm Sơn có tên nữa là Ngân Sơn.

* **Đế Vương Châu** : Quảng Bình lúc bấy giờ là 1 trong bốn dinh lệ thuộc Kinh Sư. Đế Vương Châu tức Kinh Sư.

Trong bài này tác giả tỏ ý chán việc làm quan muốn trở về vườn nhưng không thể về được vì tấm thân đã trở thành « chim lồng cá chậu » rồi.

Rồi lại mượn cảnh Quảng Bình đã thuộc về Kinh Sư, để ngụ ý rằng : « Thôi đừng than thở nữa, dù có về vườn cũng vẫn ở trong đất nhà vua. Trách đâu cho khỏi nằng ».

TẶNG NHÂN

Doanh doanh nhất thủy giới cô thôn,
 Trung hữu cao nhân bất xuất môn.
 Tiêu lộc mộng trường tâm bất cạnh,
 Tần Tùy văn sự khẩu năng ngôn.
 Xuân văn mãn kính quần my lộc,
 Thu đạo đẳng trường đốc tử tôn.
 Ngã dục quả quan tông thử thế,
 Dĩ ông thọ tuế lạc cầm tôn.

贈人

望 一 水 界 孤 村
 中 有 高 人 不 出 門
 蕉 鹿 夢 場 心 不 競
 秦 隋 往 事 口 能 言
 春 雲 滿 徑 群 麋 鹿
 秋 稻 登 場 督 子 孫
 我 欲 挂 冠 從 此 逝
 其 年 壽 樂 琴 樽

Nghĩa đen

TẶNG NGƯỜI

Một dòng sông đầy nhẩy làm giới hạn cho xóm mồ
côi,

Trong đó có một cao sỹ không ra khỏi ngõ.

Giấc mộng tiêu lộc lòng không hề tranh đua,

Việc cũ Tần Tùy miệng vẫn kể lại được.

Mây mùa xuân phủ đầy đường lối, quây quần cùng
hương nai,

Lúa mùa thu trải trùm đồng ruộng, lo đôn đốc con
cháu.

Ta muốn treo mũ ra về theo chí nguyện,

Để cùng ông gảy đàn uống rượu vui hưởng tuổi già.

Tiêu lộc : Lá chuối và con nai.

Sách Liệt Tử chép : Có người tiểu phu thấy một con nai bị thợ săn đuổi chạy hoảng, bèn đón đường đánh chết. Vì mắc đi đón củi chưa đem về được, phải đem dấu một nơi kín đáo và lấy lá chuối phủ kín. Lúc trở về quên lửng không biết dấu nơi nào, bèn cho là chuyện chiêm bao, vừa đi vừa lầm bầm kể câu chuyện.

Một người đi đàng nghe lời kể lẽ, theo đó mà đi tìm thì thấy con nai dấu dưới lá chuối. Về nhà bảo vợ : « Lúc

Dịch thơ

TẶNG NHÂN

Quanh co dòng biếc chắn thôn côi,
 Đóng cửa ngời cao một bóng người.
 Hươu lá mộng đời lòng nguội hẳn,
 Tần Tù chuyện cũ miệng bàn chơi.
 Giục lòng con cháu mùa sai lúa,
 Chung thú hươu nai buổi đẹp trời.
 Cũng muốn từ quan theo nguyện cũ,
 Cùng ông tuổi thọ rượu đàn vui.

Đông 1969

này anh kiếm củi mộng bắt được nai mà không biết ở chỗ nào. Bây giờ ta tìm được nai thì kẻ kia là kẻ mộng thật.

Vợ đáp: « Hay là chính anh mộng thấy người kiếm củi bắt được nai, chớ làm gì có người kiếm củi thật. Thế là mộng anh thật chẳng ? ».

Chồng nói : « Đây ta cứ biết được nai là được nai cần gì phải biết rõ rằng ta mộng hay hẳn mộng.

Người kiếm củi về nhà đêm mộng thấy chỗ mình dấu nai và người đã đến lấy nai mình dấu. Theo mộng tìm được người và nai. Bèn kiện đòi nai lại.

Quan không biết xử sao cho phải bèn truyền chia đôi con nai, mỗi người lấy một nửa.

GIANG ĐẦU TẢN BỘ

Tản phát cuồng ca tứ sở chi,
 Lục tần phong khởi tịch dương vi.
 Bạch vân lưu thủy đồng vô tận,
 Ngư phủ phù âu lưỡng bất nghi.
 Vô lụy vị ưng chiêu quí trách,
 Bất tài đa khủng tốc quan phi.
 Niên niên thu sắc hồn như hử,
 Nhân tại tha hương bất tự tri.

人年不才多累未底招鬼責
 在在秋色渾如此
 他御不自知
 散髮江頭散笑
 綠蘋风起夕陽微
 山雲流水同古今
 漢父臨醵兩不辜
 六頻風起寂陽微

Nghĩa đen

DẠO BƯỚC NƠI ĐẦU SÔNG

Xõa tóc hát ngông đi tứ tung,
 Trên đám rau lục tần gió thổi, bóng chiều nhạt sưa.
 Máy trắng nước chảy đều bất tận như nhau,
 Bác chài chim âu, hai bên vẫn không lòng ngờ vực.
 Không lụy thì chẳng gì cho quỷ trách, *
 Bất tài nên hay sợ việc quan sai.
 Năm năm sắc thu vẫn hồn nhiên như vậy,
 Người ở đất khách không tự biết mà thôi. *

* Quỷ : ám chỉ quan trên mà lòng độc ác như quỷ.

Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện chép :

Khi ra làm quan, Nguyễn Du thường bị quan trên quở trách, nên lấy làm bực chí.

Bài thơ này chứng minh điều ấy.

Dịch thơ

ĐẦU SÔNG ĐẠO BƯỚC

Đầu xỏa tóc miệng ca chân bước,

Gió lục lần lả lướt tà dương.

Nước mây vời vợi bốn phương,
Phù âu ngư phủ đôi đường tin nhau.

Đời vô lụy quỉ đâu dám quở,

Thân bất tài những sợ việc quan.

Sắc thu năm vẫn hồn toàn,
Khách tha hương lại bàng hoàng với thu.

Đông 1969.

NGÃU ĐẮC

Cô thành nhật mộ khởi âm vân,
 Thanh thảo man man đáo hải tần.
 Khoáng dã biến mai vô chủ cốt,
 Thủ phương độc thác hữu quan thân.
 Sự lai đồ lệ giai kiêu ngã,
 Lão khứ văn chương diệc tị nhân.
 Vọng ngoại Hồng sơn tam bách lý,
 Tương tòng hà xứ vấn tiền lân.

孤城日暮起胡云
 去日漫到海濱
 曠野遍埋五主骨
 殊方獨托有官身
 事來徒隸皆驕我
 老去文章亦避人
 望外鴻山三百里
 相從仍延河前鄰

Nghĩa đen

TÌNH CỜ LÀM NÊN NHỮNG CẦU ĐẮC Ý

Ngày tối nơi thành côi bốc lên những luồng mây
đen *

Cỏ xanh mịt mịt lan tận bờ biển.

Nơi nội trống xương vô chủ vùi khắp,

Chốn xa lạ riêng gởi tấm thân làm quan.

Khi có việc, bọn nha lại đều lên mặt với ta,

Lúc già rồi, văn chương cũng xa lánh người,

Nhìn ra ngoài Hồng Sơn xa ba trăm dặm, *

Biết theo nơi nào mà hỏi xóm ngày xưa.

* Cô thành: Lữ Đào Duy Từ tức Lữ Thầy.

Bài này Nguyễn Du làm lúc làm cai bạ ở Quảng Bình. Lúc này là lúc nhà thơ bị quan trên chèn ép hơn lúc còn ở Huế.

* Hà Tĩnh Quảng Bình tuy nằm cạnh nhau nhưng núi non hiểm trở, đường qua lại không được dễ dàng, thêm nữa việc quan buộc ràng, nên lòng nhớ thương không ngớt, và thân tự coi như ở nơi góc bể chân trời.

Dịch thơ

NG ẦU Đ Ắ C

Chiều tuôn mây ngút nhầy cô thành,
Cỏ biếc tràn lan tận biển xanh.
Nội quanh chôn đầy xương bạc mệnh,
Quê người gọi tạm kiếp phù vinh.
Việc bày nha lại đều lên mặt,
Giả đến văn chương cũng tránh mình !
Ngoảnh lại Hồng sơn trăm dặm cách,
Nơi đâu xóm cũ bước tìm quanh.

Đông 1969

THÀNH HẠ KHÍ MÃ

Thù gia lão mã khí thành âm,
 Mao ám bì can sấu bất cảm.
 Thạch lũy thu hàn kinh thảo đoản,
 Sa trường nhật mộ trận vân thâm.
 Cơ lai bất tác cầu nhân thái,
 Lão khứ chung hoài bảo quốc tâm.
 Nại đắc phong sương toàn nhĩ tính,
 Mạc giao ky trập tái tương xâm.

美 耐 老 肌 沙 石 毛 誰
 教 得 去 來 場 墨 暗 家
 霸 風 終 不 日 秋 皮 老 城
 馬 舌 依 作 暮 寧 乾 弓 下
 直 全 報 求 陣 徑 瘦 棄 棄
 於 不 國 人 雲 三 不 城 馬
 侵 洗 心 態 深 鐘 禁 陰

Dịch nghĩa

NGỰA BỎ DƯỚI CHÂN THÀNH

Con ngựa già nhà ai bỏ dưới bóng thành ?
 Lòng nám da khô gầy không thể tả.
 Nơi thạch lũy thu lạnh, lối cỏ căn cõi,
 Chốn sa trường trời chiều, lớp mây dày đặc.
 Bụng đói, không học thói cầu cạnh người,
 Tuổi già, vẫn giữ lòng mong đền ơn nước,
 Chịu được phong sương, trợn tánh trời,
 Chớ đề cương dẫm phạm vào thân một lần nữa.

Dịch thơ

NGỰA BỎ CHÂN THÀNH

Ngựa già ai bỏ góc thành hoang ?
 Lòng nám đuôi cùn da bọc xương.
 Lạnh ấy cỏ thu đường thạch lũy,
 Mây un ngày tối dẫm sa trường.
 Ôn người, đói vẫn không cầu cạnh,
 Nợ nước, già đâu ngớt vẫn vương.
 Sương gió tánh trời mừng giữ vẹn,
 Thân đừng vương nữa nghiệp yên cương.

Đông 1969.

THU NHẬT KÝ HỨNG

Tây phong tài đáo bất qui nhân.
 Đốn giác hàn uy dĩ thập phần.
 Cổ quốc hà san khan lạc nhật,
 Tha hương thân thể thác phù vân.
 Hốt kinh lão cảnh kim triều thị,
 Hà xứ thu thanh lạc dạ văn.
 Tự thần bạch đầu khiếm thu thập,
 Mãn đình hoàng diệp lạc phân phân.

西風
 到處
 莫
 葉
 落
 紛
 紛
 自
 吐
 玉
 頸
 久
 收
 拾
 似
 延
 秋
 老
 昨
 夜
 聞
 忽
 驚
 老
 境
 今
 朝
 是
 他
 鄉
 身
 世
 托
 滄
 營
 故
 園
 山
 湖
 君
 落
 月
 頓
 覺
 寒
 威
 已
 十
 分
 五
 風
 慘
 別
 不
 雨
 秋
 日
 寄
 興

Nghĩa đen

NGÀY THU CHÉP HỪNG

Gió tây mới đến cùng người không về nhà được,
 Mà đã thấy khí lạnh mười phần ghê gớm.
 Non sông nước cũ trông bóng chiều tà,
 Thân thể chốn tha hương gởi cho đám mây nổi.
 Sáng hôm nay chợt thấy cảnh già mà kinh,
 Đêm qua nghe tiếng thu ở nơi nào nổi dậy.
 Cười mình đầu đã bạc mà thiếu tài thu xếp,
 Đây sân lá vàng rụng bời bời.

Bất qui nhân : Người đi xa không về được.

Tây phong : Gió tây. Mùa thu gió tây bắt đầu thổi cho đến hết mùa đông.

Hàn uy : Cái oai của khí lạnh.

Khí lạnh gay gắt khiến cho người phải khiếp sợ.

Dịch thơ

NGÀY THU CHÉP HỪNG

Gió Tây mới thoảng khách xa đường,
Khí lạnh đìu hiu đã thấm xương.
Chiều nhuộm núi sông tình cổ quốc,
Mây vàng thân thể bóng tha hương.
Vừa nghiêng tai lắng thu lên tiếng,
Bỗng giật mình trông tóc trắng gương.
Ngán nỗi già đời không biết liệu,
Đầy sân nượp nượp lá bay sương.

Đông 1969

NÊ GIANG KHẨU HƯƠNG VỌNG

Vọng vọng gia hương tự nhật biên,
 Hoành sơn chỉ cách nhất sơn điền.
 Khả liên qui lộ tài tam nhật,
 Độc bảo hương tâm dĩ tứ niên.
 Yến đảo thu hàn thanh nhập hải,
 Nê giang trào trưởng bạch hàm thiên.
 Ngoại châu kim dữ ngô châu biệt,
 Khán khán nhân phong bất tự tiền.

吾 外 瀨 燕 独 可 横 望
 人 州 江 食 抱 憐 山 家 瀨
 因 去 潮 秋 御 归 只 御 江
 不 其 洲 寒 心 路 隔 似 口
 似 外 白 去 已 经 一 日 海
 前 别 天 入 四 三 山 边 望

Nghĩa đen

**TỪ CỬA SÔNG NỂ GIANG
TRÔNG VỀ QUÊ HƯƠNG ***

Ngắm vọi quê nhà xa xôi như ở tận bên cạnh mặt
trời,
Nhưng chỉ cách một ngọn núi trong dãy Hoành Sơn.
Khá thương đường về chỉ đi trong ba ngày là đến,
Mà riêng ôm lòng nhớ quê đã ngót bốn năm tròn *
Ngoài Yến Đảo, khi thu lạnh, màu xanh nhập vào
biển,
Nơi Nể Giang, nước triều dâng, sắc trắng ngậm cả
trời.
Châu ngoài nay cùng châu ta khác biệt, *
Phong cách con người, xem coi không giống như
xưa *

* **Nể Giang** : Tục gọi sông Ròn, ở phía Bắc Quảng Bình, gần đèo Ngang.

* **Tứ niên** : Nguyễn Du ra làm cai bạ Quảng Bình năm Kỷ Tỵ (1809) đến năm Nhâm Thân (1812), tính theo ta thì là 4 năm. Vậy bài thơ này làm vào năm Nhâm Thân.

* **Ngoại châu** : Gia Long lên ngôi, chia nước Việt Nam ra làm 23 trấn và 4 doanh.

Từ Ninh Bình trở ra gọi là Bắc Thành, thống quản 11 trấn. Từ Bình Thuận trở vào gọi là Gia Định Thành, thống quản 5 trấn. Khoảng giữa đặt Thanh Hóa trấn, Nghệ An



Dịch thơ

TỪ CỬA NẾ GIANG TRÔNG VỀ QUÊ HƯƠNG

Làng xa trông tựa mặt trời xa,
 Chỉ cách đèo Ngang một đỉnh tà.
 Đường trạm thông dong ba bữa tới,
 Lòng quê canh cánh bốn năm qua.
 Biển chao đảo Ếu màu thu lạnh,
 Trời ngấm sông Ròn sóng bạc pha.
 Ngoài đó trong đây rày cách biệt,
 Nhân phong xem cũng khác xưa mà.

Đông 1969

trấn, Quảng Nghĩa trấn, Bình định trấn, Phú Yên trấn, Bình Hòa trấn. Bình Thuận trấn và 4 doanh là Quảng Trị doanh, Quảng Bình doanh, Quảng Đức doanh, Quảng Nam doanh. Bốn doanh thuộc đất Kinh Kỳ.

Các trấn ở Bắc Thành chia làm 5 nội trấn và 6 ngoại trấn. Những trấn Nghệ An, Thanh Hóa và các nội trấn Bắc Thành thì dùng cựu thần nhà Lê làm quan cai trị. Còn 6 ngoại trấn thì giao quyền cai trị cho các thổ hào địa phương.

Chữ (Ngô châu) và (ngoại châu) tác giả mượn chữ (nội trấn) và (ngoại trấn) để ngụ ý ám chỉ việc dùng cựu thần nhà Lê và công thần nhà Nguyễn.

* Nhân phong : Phong cách con người.

Câu này có nhiều ẩn ý :

- Cách đối xử của nhà vua đương kim thua nhà Lê.
- Phong độ của người cũ người mới khác nhau.
- Lòng của những người ra làm quan cùng nhà Nguyễn có nhiều thay đổi.

ĐỘ LINH GIANG

Bình sa tận xứ thủy thiên phù,
 Hạo hạo yên ba cổ độ thu.
 Nhất vọng tân nhai thông cự hải.
 Lịch triều cương giới tại trung lưu.
 Tam quân cự bích phi hoàng diệp,
 Bách chiến tàn hài ngoại lục vu.
 Bắc thương thổ dân mạc tương tị,
 Trấp niên tiền thị ngã đồng chu.

卅年前是我因外
 北上土客莫於避
 百戰殘骸卧綠萼
 三軍舊壁飛黃葉
 石朝外界在中流
 一望津滄通巨海
 浩々烟波古渡秋
 平沙盡延到天濱
 渡瀟江

Dịch nghĩa

QUA SÔNG GIANH *

Cuối bãi cát bằng, trời nước nổi lênh bênh,
 Thu nơi bến cũ, khói sóng lồng lộng ngời ngời.
 Bên bến sông, một trông thấy suốt ngoài biên cả,
 Các triều đại, giữa dòng chia biên cương. *
 Lũy cũ của ba quân lá vàng bay khắp, *
 Hải cốt của kẻ bách chiến bách thắng nằm trong bãi
 cỏ hoang vu. *
 Người địa phương ở phía Bắc bờ sông chớ tị hiềm
 nhau,
 Ba chục năm trước vốn cũng đồng châu với ta. *

* **Linh Giang** : tục gọi sông Gianh, thuộc tỉnh Quảng Bình.

* **Biên giới** : Suốt thời Trịnh Nguyễn tranh hùng (1566-1788), sông Gianh là ranh giới giữa Đường Trong và Đường Ngoài.

* **Cựu tích** : Lũy cũ, tức Lũy Thầy do Đào Duy Từ xây. Nơi này thường xảy ra nhiều trận đánh giữa Trịnh và Nguyễn cùng giữa Nguyễn Gia Miêu và Nguyễn Tây Sơn.

* **Bách chiến** : Trăm trận đánh—Chỉ người có sức mạnh phi thường, chỉ các mãnh tướng.

Bách chiến bách thắng : trăm trận trăm thắng — Chỉ những tướng quân vô địch.

* **Đồng châu** : Tác giả vốn là người ở bên bắc ngạn sông Gianh vào làm quan ở Nam ngạn.

Đây là lời nhắn cùng các trung thần nhà Lê không ra làm quan cùng nhà Nguyễn.

Dịch thơ

QUA SÔNG GIANH

Ngoài bãi xa nước trời lồng lộng,
Bến đò xưa khói sóng ngời thu.
Vời trông tận mặt biển sâu,
Cõi chia Nam Bắc khởi đầu là đây.
Xương bách chiến lấp đầy nội cỏ,
Lũy ba quân lá đổ tà huy.
Cách bờ chớ ngại nhau chi,
Ba mươi năm trước cũng thì đồng châu.

Đông 1969

TỔNG NGÔ NHỮ SƠN CÔNG XUẤT
TRẦN NGHỆ AN

Cầm La giang thượng khẩu chinh an
Bái hội phi nan tích biệt nan
Bát đại kỳ văn hoa lưỡng quốc
Nhất xa cao vũ nhuận toàn Hoan
Nhân tông đàm bạc tư vi chánh
Thiên vị kiểm lê bất phóng nhân
Bắc vọng Hồng Sơn khai đức diệu
Thiên nhai cử tửu khánh hương quan

天 涯 舉 酒 度 御 寒	北 望 鴻 山 詞 漠 驪	天 道 黔 君 不 放 詞	禮 人 流 泊 新 舊 政	一 車 膏 雨 潤 金 驪	八 大 奇 文 花 兩 周	拜 會 非 新 惜 別 詞	錦 羅 江 上 扣 征 鞍	送 笑 汝 公 山 出 鎮 安 義
---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---------------------------------	---

Nghĩa đen

TIỀN NGÔ NHỮ SƠN RA TRẦN NHẬM HGHỆ AN *

Trên sông Cầm La, giữ ngựa lại.

Gặp nhau không khó xa nhau lại khó (vì lòng quyến
quít không nỡ rời nhau)

Văn ông sánh với văn tám Đại gia đời Đường Tống *
làm tăng vẻ đẹp của hai Nước. *

Mưa móc theo sau xe ông thấm nhuần khắp châu
Hoan *

Tánh ông đậm bạc, chánh sự theo đó mà nhẹ nhàng *
Trời vì dân đen chưa cho ông được thông thả.

Trông về núi Hồng lĩnh ở phía Bắc, thấy ngôi sao
đức mọc,

Từ phương trời xa xôi, tôi nâng chén rượu mừng
cho quê hương. *

* **Ngô Nhữ Sơn** : Tên là Nhân Tính, người Minh Hương ở Gia Định. Học rộng, thơ hay. Làm quan triều Gia Long. Đi sứ sang Trung Quốc, được văn sỹ thi nhân Trung Quốc mến phục. Lúc Nguyễn Du làm Cai Bạ ở Quảng Bình thì Nhữ Sơn làm tham tri bộ hộ ở Huế. Năm Gia Long thứ 10 (1811) Nhữ Sơn được bổ làm Hiệp Trấn Nghệ An. Khi đi ngang qua Quảng Bình, Nguyễn Du đón tiếp và có thơ tặng biệt này.

* **Bát đại kỳ văn** : Cũng gọi là Đường Tống Bát Đại Gia, là 8 nhà văn lỗi lạc đời Đường Tống : Hàn Dũ, Liễu Tôn



Dịch thơ

**TIỀN NGÔ NHỮ SƠN RA
TRẦN NHẠM NGHỆ AN**

Cầm La dừng tạm vó chinh an
Gặp dễ xa nhau chẳng dễ dàng
Hai nước danh thơm tài ngọc chuốt
Đầy xe mưa thấm dẫm châu Hoan
Việc theo tánh đậm mong thường rảnh
Trời vị dân đen khiến chữa nhân
Ngắm vọi Hồng Sơn sao đức mọc
Rượu xa mừng rót chén hương quan

Mùa Đông 1972

Nguyên, Âu Dương Tu, Tô Luân, Tô Thức, Tô Triệt, Tăng Cửng, Vương An Thạch.

* **Hoa lưỡng quốc** : làm đẹp 2 nước là nước ta và nước Tàu, vì Nhữ Sơn là người Minh Hương, lại được nhân sỹ cả Hoa Việt ca tụng về tài đức.

* **Nhất xa cao vũ** : Một xe mưa ngọt : Chánh sách tốt đối với nhân dân như mưa móc đối với cỏ cây.

* **Nhân tòng đậm bạc** : Lòng không tham thì chánh sự tốt, việc quan ít.

* **Hồ Tĩnh (quê Tố Như)** thuộc trấn Nghệ An.

ĐẠI TÁC CỬU THÚ TƯ QUI

I

Quan ngoại thu phong tổng dịch xuy
 Ban Siêu đầu bạch vị thành quy
 Thập niên hứa quốc quân ân trọng
 Thiên lý ly gia lữ mộng tri
 Dạ tú vinh hoa thân ngoại huyễn
 Triều vân danh lợi nhãn tiền phi
 Lũng thiên tuế tuế qua điền thực
 Khô tận cam lai thượng hữu kỳ

苦 澆 朝 庭 十 班 笑 代
 尽 所 云 年 超 外 作
 甘 望 亦 许 颈 秋 成
 来 上 利 回 白 风 思
 尚 取 躬 来 送 笛 归
 有 田 前 成 吹
 朝 亭 非 归

II

Thiên nhãn Hoành sơn nhất dải hà
 Bạch vân hồi thủ cách thiên nha
 Tân thu khí hậu thời hàn chữ
 Cổ quốc quan san ký dạ già
 Thiên địa nhất thân trung dịch hiếu
 Phong trần vạn lý quốc vong gia
 Nguyệt trung hoành địch thái vô lai
 Bán dạ giang thành xuy lạc Hoa.

半 月 風 已 故 新 自 千
 夜 中 塵 地 去 秋 云 側
 江 橫 萬 一 矣 氣 回 橫
 城 笛 里 身 山 候 音 山
 吹 太 忠 塞 休 隔 一
 落 多 易 庭 夢 五 帶
 花 類 春 茹 杵 溪 河

Nghĩa đen

LÀM THAY NGƯỜI ĐI THỨ LÂU NĂM MONG ĐƯỢC VỀ

I

Gió thu ngoài ải đưa tiếng địch đi xa...
 Ban Siêu đầu bạc vẫn chưa được về ! *
 Mười năm dâng mình cho nước, ơn vua nặng.
 Nghìn dặm lìa nhà, giấc mộng lữ thứ kéo dài.
 Vinh hoa như áo gấm ban đêm, chỉ là ảo ảnh ở ngoài
 thân.
 Danh lợi như bóng mây buổi sớm, bay vụt qua trước
 mắt.
 Bên đường đất Lũng năm năm ruộng dưa lại chín *
 Khờ hết sương lại vẫn hỏi còn có ngày. *

II

Hoành sơn cao nghìn tầm và một giải sông,
 Ngoảnh nhìn mây trắng xa cách tận chân trời.
 Thu mới sang, khí trời lạnh giục tay chày nện vải,
 Lòng nhớ núi sông của nước cũ, gửi trong tiếng
 kèn đêm.
 Trời đất một thân, lấy trung thay hiếu,
 Gió bụi muôn dặm, vì nước quên nhà.
 Cầm ngang ống sáo thổi dưới trăng, buồn quá sức :
 Khúc Lạc Mai Hoa trời nơi thành bên sông lúc nửa
 đêm ! *



* **Ban Siêu** : Người đời Đông Hán, làm tướng đi đánh các nước Tây Vực hơn ba mươi năm, lúc già mới được về nhà nghỉ.

* **Lũng thiên** : Đường nơi bờ ruộng, nơi bãi tha ma ở đất Lũng, tức ở chốn đồn trú xa xôi.

* **Qua điền thực** : Liên Xưng và Quản Chi Phủ đi thú đất Quý Châu, khi đi thì mùa dưa chín, hẹn cùng người nhà đến mùa dưa chín năm sau sẽ về (Tả Truyện). Tức là đi thú chỉ 1 năm. Còn người trong này thì năm nào cũng thấy dưa chín ở bên cạnh nơi đồn trú.

Lạc Hoa : Tên 1 khúc nhạc, điệu náo nùng. Cũng gọi là Mai Hoa Lạc hay Lạc Mai Hoa.

BI CHÚ

Trong bài có chữ **cố quốc** là do lòng tác giả chưa định hẳn Nam Bắc. Trước kia từ Hoành Sơn trở ra là đất vua Lê chúa Trịnh, từ Hoành Sơn trở vô là đất chúa Nguyễn. Lúc làm hai bài này là lúc tác giả làm quan ở Quảng Bình, thuộc đất Nam Trung.

LÀM THAY NGƯỜI ĐI THỨ LÂU NĂM MONG ĐƯỢC VỀ

I

Tiếng địch non xa giục gió vàng
 Chàng Siêu tóc bạc chữa hồi hương
 Mười năm nợ nước lòng canh cánh
 Muôn dặm tình quê mộng trở tràng
 Áo gấm ngoài thân trùm huyễn hoặc
 Bóng mây trước mắt thoáng giàu sang
 Năm năm lưỡng đợi mùa dưa chín
 Khổ trước vui sau ước cũ càng

II

Một dãy Đèo Ngang một giải sông
 Vời trông mây bạc cách muôn trùng
 Chớm thu chày vãi nồn nao nhịp
 Nhớ nước còi đêm giục giã lòng
 Trời đất một thân vai nhẹ hiều
 Phong trần muôn dặm gánh riêng trung
 Bên thành trắng sáng ai nâng địch
 Khúc Lạc Mai ba lăm nảo nùng

BẮC HÀNH

THĂNG LONG

II

Cờ thời minh nguyệt chiếu tân thành,
 Do thị Thăng Long cự đế kinh.
 Cù hạng tứ khai mê cự tích,
 Quản huyền nhất biến tạp tân thanh.
 Thiên niên phú quý cung tranh đoạt,
 Tảo tuế thân bằng bán tử sinh.
 Thế sự phù trầm hưu thán tức,
 Tự gia đầu bạch diệc tình tình.

古時明月照新坪
 從是昇龍舊帝京
 衡卷四詞迷首迹
 管絃一變難新聲
 千年富貴供爭奪
 早矣親睹半死生
 世事浮沉休嘆息
 自富貴頭亦星

Dịch thơ

THĂNG LONG

I

Núi Tản sông Lô vẫn núi sông,
Bạc đầu còn được thấy Thăng Long.
Nghìn năm cự thất thành quan lộ,
Một giải tân thành lấp cổ cung.
Người đẹp buổi xưa đều bẽ trễ,
Bạn chơi thuở nhỏ thấy thành ông.
Thâu đêm chẳng ngủ lòng thêm bận,
Địch thời trắng trong tiếng náo nùng.

II

Thành mới trắng xưa bóng tỏ mờ,
Thăng Long nghìn trước chốn kinh đô.
Đấu xưa khuất lấp đường xe ngựa,
Điệu mới xô bồ nhịp trúc tơ.
Danh lợi mỗi ngon đua cướp dứt,
Bạn bằng lớp trước sống lơ thơ.
Nỗi chìm thế sự đừng than nữa,
Mái tóc mình đây cũng bạc phơ !

Đông 1969

đầu. Nhưng chữ bạch đầu này dùng để nói tuổi già. Bởi Nguyễn Du rời Thăng Long lúc nhà Lê mất (1789). Lúc ấy cụ mới 25 tuổi. Đến khi Gia Long lên ngôi (1802) cụ từ Hà Tĩnh ra Thăng Long để đi làm quan. Lúc ấy cụ 37 tuổi. Đến khi vâng mệnh đi sứ Trung Hoa (1813), cụ đến Thăng Long 1 lần nữa. Bài thơ này làm lúc ra Thăng Long để sang Trung Quốc. Lúc đó cụ đã gần ngũ tuần. Cho nên mới nói « Bạch đầu do đặc kiến Thăng Long ».

* **Tên thành :** Thành mới. Năm Gia Long thứ tư (1805), nhà vua hạ lệnh phá thành Thăng Long cũ và xây lại thành mới nhỏ hơn, với mục đích thay cũ đổi mới.

NGỘ GIA ĐỆ CỰU CA CƠ

Phồn hoa nhân vật loạn lai phi,
 Huyền hạc qui lai kỷ cá tri.
 Hồng trụ tảng văn ca uyên chuyển,
 Bạch đầu tương kiến khốc lưu ly.
 Phúc bồn dĩ hĩ nan thu thủy,
 Đoạn ngẫu thương tai vị tuyệt ti.
 Kiến thuyết giá nhân dĩ tam tử,
 Khả liên do trước khứ thời y.

可	見	斷	覆	白	紅	玄	繁	
憺	說	藕	盆	頭	袖	鶴	華	遇
從	嬌	倚	已	相	曾	歸	人	家
琴	人	哉	矣	見	詞	來	物	弟
去	已	未	姓	哭	歌	兒	亂	舊
時	三	絕	收	流	宛	个	來	敬
者	子	絲	水	離	轉	知	非	姬

Dịch nghĩa

GẶP NGƯỜI ĐÀO HÁT CŨ CỦA EM *

Sau buổi loạn lạc, nhân vật chốn phồn hoa đã khác,
 Chim hạc đen trở về, không mấy người biết. *
 Từng nghe giọng ca uyển chuyển khi mặc áo hồng, *
 Bạc đầu gặp nhau, khóc than nỗi ly tán lưu lạc.
 Chậu nước đồ rồi, khó lòng hốt lại được, *
 Ngó sen đã đứt, thương thay chữa đứt tơ.
 Nghe nói lấy người khác đã được ba con,
 Khá thương vẫn còn mặc chiếc áo ngày trước.

* **Ca cơ** : Người thị nữ biết ca múa.

Gia đình : Đây là chỉ người em cùng mẹ là NGUYỄN ÚC được tập ấm là Hoảng Tín đại phu Trung Thành Môn Vệ Uý. Năm Kỷ Dậu (1789) vua Chiêu Thống chạy sang Tàu, NGUYỄN ÚC chạy theo không kịp, về ngụ nơi quê vợ, làng Phù Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Năm Tân Vị (1811), Gia Long nghe ông có tài khéo, xuống chiếu triệu vào Kinh, bổ làm Thiêm Sự bộ Công, tước Hầu. Những miếu điện ở kinh thành đều do ông sáng chế kiêu thức.

* **Huyền hạc** : Hạc đen. Truyền rằng hạc vốn sắc trắng, tu nghìn năm thành sắc vàng, tu nghìn năm nữa ra sắc đen.

Câu này tác giả nói mình : Xa Thăng Long lâu ngày, trở lại ít người biết.

* **Hồng trụ** : Tay áo hồng. Người ca nữ sang trọng thường mặc áo hồng rộng tay để múa cho đẹp.

* **Phục bồn** : Chậu nước đồ. Tục có câu : « Phục thủy nan khâu » nghĩa là nước đồ rồi khó hốt lên được.

Ý nói là người ca cơ đã xa em mình rồi không sao tụ hợp được nữa.

Dịch thơ

GẶP NGƯỜI CA CƠ CŨ CỦA EM

Loạn rồi nhân vật đổi thay,
 Phồn hoa chốn cũ ai hay hạc về.
 Áo hương tưởng dạng cung Nghê,
 Tiếng ca uyển chuyển từng nghe những ngày.
 Tuổi già lại gặp nhau đây,
 Bước đường lưu lạc lệ đầy thương đau.
 Đã đành nước đổ khôn thu,
 Than ôi ! Ngó đứt dề dầu đứt tơ !
 Có chồng đã mấy con thơ,
 Áo hương ngày cũ bây giờ còn mang !

Đông 1969

QUỖ MÔN QUAN

Liên phong cao sáp nhập thanh vân,
 Nam Bắc quan đầu tự thử phân.
 Như thử hữu danh sinh tử địa,
 Khả liên vô số khứ lai nhân,
 Tắc đồ tòng mãng tàng xà hổ,
 Bổ dã yên lam tự quỷ thần.
 Chung cồ hàn phong xuy bạch cốt,
 Kỳ công hà thủ Hán Tương quân ? !

奇功似取漢將軍
 終古寒風吹白骨
 布野煙嵐聚鬼神
 塞途叢莽荒蛇虎
 可憐無效古來人
 如此有名生死地
 有此冥顏孰此分
 連峯竄挿入雲
 鬼門關

Nghĩa đen

CỬA ẨM QUỖ MÔN

Núi liền nhau, đỉnh cao thấu mây xanh,
 Đầu cửa ải chia Nam Bắc chính ở chốn này.
 Đã có tiếng là nơi sống chết như thế,
 Mà thương thay không biết bao nhiêu người phải
 đi về.

Gai bụi lấp đường đi, cọp rắn ăn núp,
 Khí độc đầy cả đồng, quỷ thần nhóm họp.
 Từ xưa đến nay gió lạnh thổi xương trắng,
 Kỳ công của tướng nhà Hán lấy gì mà ngợi khen.

Quỷ Môn quan : Ở phía Nam xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.
 Địa thế hiểm trở. Có núi hình như đầu quỷ. Do đó mà mệnh
 danh là Quỷ Môn quan.

Cổ thi có câu :

Quỷ Môn quan ! Quỷ Môn quan !
 Thập nhân khứ, nhất nhân hoàn.

Người Việt đi sứ Trung Quốc có câu :

Rạng ngày đến Quỷ Môn Quan,

Tiếng xưa « thập khứ nhất hoàn » là đây.

Hán tướng quân : Chỉ Mã Viện.

Mã Viện đem quân đánh hai bà Trưng, tuy đắc thắng
 nhưng quân lính chết dọc đường không biết bao nhiêu.
 Như thế có gì là chiến công đáng khen ngợi.

Cũng có ý nói :

Kỳ công của ông tướng quân nhà Hán không có gì khác
 hơn là « đóng xương trắng trong gió lạnh bên đường ».

Dịch thơ

QUỈ MÔN QUAN

Núi trập trùng giăng đỉnh vút mây,
Ái chia Nam Bắc chính là đây.
Tử sanh tiếng đã vang đồng chợ,
Qua lại người không ngớt tháng ngày !
Thấp thoáng quỉ thần nường bóng khói,
Rập rình cọp rắn núp rừng cây.
Bên đường gió lạnh luồng xương trắng,
Hán tướng công gì kẻ bấy nay ? !

Đông 1969

GIÁP THÀNH MÃ PHỤC BA MIẾU

Lục thập lão nhân cân lực suy,
 Cứ an bị giáp tậ như phi.
 Điện đình chỉ bác quân vương tiếu,
 Hương lý ninh tri huynh đệ bi.
 Đồng trụ cận năng khi Việt nữ,
 Châu xa tất cánh lụy gia nhi.
 Tính danh hợp thưởng Vân đài họa,
 Do hướng Nam Trung sách tuế thì ?

夾 埤 馬 伏 波 廟
 六 十 老 人 筋 力 衰
 摠 鞍 被 甲 疾 如 新
 殿 庭 只 博 君 王 笑
 御 里 寧 知 兄 弟 悲
 銅 柱 僅 能 效 越 兒
 珠 車 畢竟 累 家 兒
 姓 各 合 工 書 甚 盛
 旌 何 為 中 索 笑 時

Dịch nghĩa

MIẾU THỜ MÃ VIỆN Ở GIÁP THÀNH *

Người già tuổi sáu mươi thì gân sức suy *

Ông còn mặc giáp nhảy lên yên ngựa lẹ như bay,
Chỉ chúc một nụ cười của nhà vua nơi cùng
điện, *

Đâu biết nỗi buồn lo của anh em nơi quê hương *

Cột đồng chỉ đổi được đàn bà con gái Việt. *

Xe châu lương đề lụy cho vợ con nhà. *

Tên tuổi ông (đáng lẽ) ghi nơi bức họa Vân Đài *

Sao lại đòi nước Nam hằng năm phải cúng tế ? *

* Giáp Thành : Nơi ranh giới giữa Việt Nam và Trung Hoa.

* * Mã Viện : Hiệu là Phục Ba, 60 tuổi còn muốn đi đánh giặc lập công. Vua thương tuổi cao không nỡ cho đi, Mã liền mặc áo giáp nhảy lên ngựa tỏ rằng mình còn khoẻ mạnh. Vua cười nói : — Ông này quắc thước lắm.

* Huynh đệ bị : Người em họ Mã Viện là Thiệu Du thấy Mã ham lập công danh, thường than rằng chỉ mua lấy cái khổ cho thân.

* Đồng trụ : Truyền rằng Mã Viện sau khi thắng hai bà Trưng, dựng trụ đồng ở địa phận Quảng Tây.

* Lụy gia nhĩ : Ở Giao Chỉ về, sau khi thắng trận, Mã Viện có chở theo một xe hạt ý dĩ để chữa bệnh tê thấp. Khi Mã chết, có người tố cáo với vua rằng Mã chở một

Dịch thơ

MIẾU MÃ PHỤC BA

Người sáu mươi kém suy gân sức,
 Ông lệ làng mặc giáp lên yên.
 Cung rồng chuốc một tiếng khen,
 Quê hương đâu biết nỗi phiền người thân,
 Sợ cột đồng riêng phần Việt Nữ,
 Dèm xe châu đề lụy gia nhi.
 Đài mây công cán không ghi,
 Trời Nam muôn dặm mắc gì khói hương ?

Đông 1969

xe châu báu về làm của riêng. Vua giận. Vợ con sợ hãi không dám đưa thi hài về quê, phải chôn ở phía Tây Kinh thành.

* **Vân Đài** : Đài Mây. Vua Hán Quang Vũ có cho lập một đài cao, gọi là Vân Đài, và truyền vẽ tượng 28 vị công thần treo nơi đài để tuyên công.

* **Sách tuế thì** : Sau khi Mã Viện chết rồi vua Trung Quốc bắt dân Việt Nam lập đền thờ.

Đền ở Giáp Thành là một.

MẠC PHỦ TỨC SỰ

Triệt dạ la thanh bất tạm đình,
 Cô đẳng tương đối đảo thiên minh.
 Kinh tuần khứ quốc tâm như tử,
 Nhất lộ phùng nhân diện tảo sinh,
 Sơn lộc tích nê thâm một mã,
 Khê tuyền phục quái lão thành tinh.
 Khách tình chí thử dĩ vô hạn,
 Hựu thị Yên sơn vạn lý hành.

又是無山萬里行
 客情至此已無限
 豁泉伏怪老成精
 心麓積泥深沒馬
 一路逢人面盡生
 徑旬去國心如死
 孤灯相對到天明
 徹夜鏗老不暫停
 幕古印事

Dịch nghĩa

CHÉP CHUYỆN NƠI TRẠM NGHỈ CHÂN *

Suốt đêm tiếng thanh la không tạm ngớt,
 Đối bóng đèn côi ngồi cho đến sáng.
 Xa cách nước nhà đã mấy tuần, lòng như chết, *
 Gặp người trên đường nhất nhất đều lạ mặt.
 Chân núi chứa bùn ngập sâu bụng ngựa,
 Quái vật núp nơi suối khe, già thành tinh.
 Tình khách viễn phương đến đó cũng đã quá
 chừng,
 Lại còn phải đi hàng muôn dặm nữa mới tới Yên
 sơn. *

* Mọc Phủ: Nơi một võ tướng hay một văn quan tạm trú để làm việc. Đây chỉ nhà trạm để cho sứ giả nghỉ chân.

* Lịch tuần : Nhiều ngày. Mỗi tuần 10 ngày. Ngày xưa đi sứ, khi thì đi ngựa khi thì đi thuyền, muôn phần vất vả. Từ Quảng Bình ra Hà Tĩnh đi mất ba ngày đường, như trong bài « Nể Giang khẩu Hương vọng » đã nói, thì từ Thăng Long đến Yên Kinh phải đi không biết mấy tháng mới tới ! Như thế tác giả nói « tâm như tử » không phải lời nói thường.

* Yên Sơn : Dãy núi ở gần kinh đô Trung Quốc. Đây tác giả dùng để chỉ Yên Kinh.

Dịch thơ

MẠC PHỦ TỨC SỰ

Thâu đêm chẳng ngót tiếng đồng la,
Đợi sáng riêng nường ngọn nến tà.
Mấy tháng ôm lòng xa đất tổ,
Trên đường lạ mặt những người ta !
Quái năm nhẩy suối hồn ma dậy,
Bùn chứa đầy non vó ngựa sa.
Tình cảnh ngán ngao đà đến thế,
Yên sơn còn cách vạn trùng xa.

Đông 1969

TƯƠNG ĐÀM ĐIỀU TAM LƯ ĐẠI PHU

I

Hiếu tu nhân khừ nhị thiên tải,
 Thử địa do văn lan chỉ hương.
 Tông quốc tam niên bi phóng trực,
 Sở Tử vạn cổ thiện văn chương.
 Ngư long giang thượng vô tàn cốt,
 Đỗ nhược châu biên hữu chúng phương.
 Cự mục thương tâm hà xứ thị.
 Thu phong lạc mộc quả Nguyên Tương.

秋風落木過沅湘
 極目傷心何處是
 杜若洲邊有衆芳
 莫覓江上今殘骨
 楚辭萬古拾文章
 宗國之年悲放逐
 此地懷調菊正黃
 好修人去二千載
 湘潭吊三閭大夫

Nghĩa đen

QUA TƯƠNG ĐÀM ĐIỀU TAM LƯ ĐẠI PHU *

Người hiếu tu đi đã hai nghìn năm,
 Đất này còn nghe mùi hương của cỏ lan cỏ chỉ *
 Ba năm buồn rầu cảnh bị đày xa tổ quốc, *
 Muôn thuở tốt đẹp giá văn chương của Sở từ. *
 Trên sông cá rồng, không thấy nắm xương tàn, *
 Bên bãi đỗ nhọc, có nhiều giống cỏ thơm. *
 Hết tầm mắt nhìn xem, nơi nào là nơi thương tâm,
 Khi đi ngang qua sông Nguyên sông Tương trong
 mùa gió thu lá rụng. *

* Tương Đàm tức Trường Sa ở Hồ Nam.

Tam Lư Đại Phu : Khuất Nguyên.

Khuất Nguyên người nước Sở, thời Chiến Quốc, làm quan đến chức Tam Lư Đại Phu. Lúc đầu được vua Sở tin dùng, bằng lòng thi hành chủ trương trị quốc của ông. Nhưng sau nhà vua nghe lời bọn nịnh thần, đày ông đi Giang Nam. Ông theo dòng sông Nguyên rồi lại theo dòng sông Tương đến Mịch La. Ông buồn bã làm ra Ly Tao. Rồi ngày mùng 5 tháng 5 nhảy xuống sông tự trầm.

* Hiếu tu : thích sửa sang đức tốt. Chữ trong Ly Tao.

* Lan chỉ : Trong Ly Tao có câu : « Bờ sông Nguyên có hoa Chỉ, bờ sông Lễ có hoa lan ». Ý nói tánh thanh khiết.

* Phóng trục : Bị đuổi ra khỏi bờ cõi.



Dịch thơ

QUA TƯƠNG ĐÀM ĐIẾU KHUẤT NGUYÊN

I

Hai nghìn năm vắng người sửa đức,

Nơi đây còn thơm nước chỉ lan.

Ba năm đất trích phủ phàng,

Sở từ muôn thuở rõ ràng văn chương.

Sông cá rồng nằm xương khôn giữ,

Bãi hoa lồng trăm thứ cỏ thơm.

Nơi nào gợi mối thương tâm !

Lá thu gió rụng nẻo tầm Nguyên Tương.

Thu 1967

* **Sở từ** : Thi ca nước Sở. Tức Ly Tao. Sự thật Sở từ, ngoài Ly Tao còn nhiều tác phẩm của người khác, song những tác phẩm này đều có sau Ly Tao và đều do Ly Tao mà có, nên Ly Tao được coi như nguồn gốc của Sở từ.

* **Vô tòn cốt** : Vì Khuất Nguyên tự nhệch, xác hoặc chôn vào bụng cá hoặc trôi xuống biển đông.

* **Đổ nhược** : 1 thứ hoa cùng giống với sen. Trong Ly Tao có câu : « Hải hoa đổ nhược ở bãi thơm ».

* **Nguyên, Tương** : Hai con sông thuộc tỉnh Hà Nam. Nguyễn Du đến Trường Sa ngày 18 tháng 7 năm Quý Dậu (1813) đi ngang qua hai sông này là 2 sông xưa kia Khuất Nguyên đã đi qua.

TƯƠNG ĐÀM ĐIỀU TAM LƯ ĐẠI PHU

II

Sở quốc oan hồn táng thử trung,
 Yên ba nhất vọng điều hà cùng !
 Trục giao hiển lệnh hành thiên hạ,
 Hà hữu Ly Tao kế Quốc Phong.
 Thiên cổ thù nhân liên độc tỉnh !
 Tứ phương hà xứ thác cô trung !
 Cạn thời mỗi hiếu vi kỳ phục
 Sở bội tiêu lan cánh bất đồng.

所 近 四 千 何 直 烟 楚 湘
 佩 時 方 古 有 教 波 國 潭
 極 每 何 誰 離 寒 一 冤 吊
 蘭 好 處 人 騷 今 望 視 三
 更 否 托 情 許 激 藝 詞
 不 奇 孤 能 下 何 此 大
 用 服 忠 醒 兮 窮 中 夫

Nghĩa đen

ĐẾN TƯƠNG ĐÀM ĐIỀU KHUẤT NGUYÊN (bài II)

Hồn oan, người nước Sở chôn trong nơi này,
 Khỏi sóng một trông bao la không cùng tận.
 Nếu hiến lệnh được ban hành trong thiên hạ, *
 Thì làm gì có Ly Tao kế tiếp Quốc Phong. *
 Từ nghìn xưa đến nay ai là người thương kẻ độc
 tỉnh ? *
 Khắp bốn phương trời biết nơi nào mà gởi tấm
 cô trung *

Gần đây ai nấy đều thích ăn mặc lạ,
 Nhưng hoa tiêu hoa lan nay và xưa lại không
 đồng *

* **Hiến lệnh** : Pháp lệnh. Khuất Nguyên làm ra Pháp lệnh để cho vua Sở dùng trị quốc. Vua Sở nghe lời bọn gian thần không dùng, và đày Khuất Nguyên ra Trường Sa. Ra Trường Sa. Khuất Nguyên làm ra sách Ly Tao để giải tỏa nỗi lòng uất ức.

* **Quốc Phong** : Đây chỉ Kinh Thi. Trong Kinh Thi có thể Phong, gọi là Quốc Phong, thể Nhã gọi là Nhã Phong, thể Tụng gọi là Tụng Phong. Quốc Phong chiếm phần lớn, nên gọi Kinh Thi là Quốc Phong.

Kinh Thi là 1 tập thơ cổ nhất của Trung Quốc. Sau Kinh Thi đến Ly Tao của Khuất Nguyên. Hai bộ sách này là



Dịch thơ

QUA TƯƠNG ĐÀM ĐIẾU KHUẤT NGUYÊN

II

Nơi đây chôn hồn oan Sở quốc,
Mắt muôn trùng khói nước chơi vơi.

Ví ban hiến lệnh xuống đời,
Ly Tao đâu dễ nổi lời Quốc Phong ?
Hồn độc tỉnh ai lòng tưởng tới ?
Niềm cô trung biết gửi phương nao ?
Đời nay chuộng lạ xiết bao,
Đeo lan dắt ngọc nhưng nào giống xưa !

Thu 1967

nguồn gốc của thi ca Trung Quốc, và có ảnh hưởng rất lớn đối với nền cổ văn học Việt Nam.

* **Độc tỉnh** : Tỉnh một mình.

* **Cô trung** : lòng trung ôm ấp, riêng mình biết riêng mình hay.

* **Ky phục** : ăn mặc lạ. Khuất Nguyên nói rằng « Lúc trẻ ta ham đồ phục sức lạ, gươm dài mũi cao... »

* **Tiêu lan** : hoa tiêu hoa lan. Khuất Nguyên thường đeo hai thứ hoa này để tỏ lòng cao khiết.

Câu kết ngụ ý chê người đương thời muốn bắt chước bề ngoài của Khuất Nguyên. Bề ngoài cũng đeo hoa lan hoa tiêu, phục sức chẳng khác Khuất Nguyên, nhưng bên trong thì khác hẳn nhau.

LỖI DƯƠNG ĐỔ THIẾU LĂNG MỘ

Thiên cồ văn chương thiên cồ si (sur)
 Bình sinh bội phục vị thường ly.
 Lỗi Dương từng bách bất tri xứ !
 Thu phổ ngư long hữu sở ti (tư).
 Dị đại tương liên không sai lệ,
 Nhất cùng chí thử khởi công thi ?
 Trạo đầu cự chứng y thuyên vị ?
 Địa hạ vô linh quỷ bối xy.

東陽杜少陵墓
 千古文章千古師
 平生佩服未常離
 東陽松柏不知延
 秋浦魚鰲有所思
 異代情空濃淚
 一窮至此豈工詩
 掉頭首症匠瘥未
 地下至今鬼輩嗤

Nghĩa đen

MỘ ĐỖ THIẾU LĂNG Ở LỖI DƯƠNG *

Văn chương lưu muôn đời, bậc thầy muôn đời,
 Bình sinh khâm phục không lúc nào ngớt.
 Cây tùng cây bách ở Lỗi Dương, không biết ở nơi
 nào ?

Cá rồng trong bến thu, còn có chỗ đề tưởng nhớ **
 Ở hai thời đại khác nhau, thương nhau, luống rơi lệ,
 Cùng khổ đến thế há phải bởi tại thơ hay ?
 Chứng bệnh lắc đầu ngày trước, bây giờ đã khỏi
 chưa *

Dưới địa phủ đừng để cho lũ quỷ cười.

* **Đỗ Thiếu Lăng** : Đỗ Phủ, 1 thi bá đời Thịnh Đường
 Sanh năm 712 mất năm 770. Quê Thiểm Tây, ngụ Hồ Bắc.

* **Lỗi Dương** : ở tỉnh Hồ Nam.

Năm Đại Lịch thứ 6 (771) đời vua Đường Đại Tôn, Đỗ Phủ ở Hồ Nam lưu lạc đến Hồ Bắc. Một hôm đến huyện Lỗi Dương lên núi yết Nhạc miếu, bị lụt nước dâng ngót 10 hôm không trở về được. Quan huyện Lỗi Dương nghe tin bèn thân hành đưa thuyền đến đón. Về đến huyện, Đỗ uống rượu say rồi mất. Gia đình nghèo không đưa hài cốt về quê được phải táng ở Lỗi Dương. Bốn mươi năm sau (813) cháu là Đỗ Tự Nghiệp mới dời di hài về chôn gần má tổ tại núi Thù Dương, tỉnh Hà Nam.

Nguyễn Du sang sứ Trung Quốc năm 1813, tức là một nghìn năm sau khi má của Đỗ Phủ đã dời về Thù Dương. Cho nên không ai còn biết nền cũ nằm ở chỗ nào.

Dịch thơ

MỘ ĐỒ THIẾU LĂNG Ở LỖI DƯƠNG

Thơ thiên cổ cũng thầy thiên cổ,
 Vốn một lòng ngưỡng mộ bấy nay.
 Lỗi Dương từng bá đâu đây ?
 Cá rồng thu lạnh sông đầy nhớ thương.
 Há văn chương lụy người đến thế ?
 Chạnh nghìn xưa dòng lệ khôn ngăn.
 Lắc đầu bệnh cũ còn chăng ?
 Tuổi vàng chó đề mấy thẳng quỉ trâu.

Thu 1967

- Hữu sở ti : 1 trong 8 bài Thu Hứng của Đỗ Phủ có câu :
 Ngư long tịch mịch thu giang lãnh
 Cổ quốc bình cư hữu sở ti.

Nghĩa là :

Cá rồng vắng vẻ sông thu lạnh,
 Thông thả lòng thêm nhớ cố hương.

Nguyễn Du đã đúc 2 câu làm một, vừa đề nói lên nỗi lòng của Đỗ Phủ ngày xưa, vừa tỏ tấm tình của mình khi đến viếng mộ : Mộ tuy không còn thấy, nhưng vẫn còn có chỗ đề gợi lòng nhớ thương kính mộ là những áng thơ tuyệt tác như câu « Ngư long... ».

- Công thi : Câu này vừa khọc Đỗ Phủ vừa than nỗi mình.

HOÀNG HẠC LÂU

Hà xú thần tiên kinh kỷ thi ?
 Do lưu tiên tích thử giang mi.
 Kim lai cổ vãng Lư sinh mộng,
 Hạc khứ lâu không Thôi Hạo thi.
 Hạm ngoại yên ba chung diều diều,
 Nhãn trung thảo thụ thượng y y.
 Trung tình vô hạn bằng thủy tổ,
 Minh nguyệt thanh phong dã bất tri.

何處神仙經此江湄
 猶晉仙蹤此江湄
 今來古往靈生夢
 鶴去樓空崔顥詩
 檻外煙波終渺
 船中草樹尚依
 哀憫無涯誰訴
 明月清風也未知

Dịch nghĩa

LẦU HOÀNG HẠC *

Thần tiên đi đến chốn nào và trải đã bao nhiêu đời,
Dấu tiên còn để mãi trên bến sông này. *

Nay lại xưa qua (đều chẳng khác) mộng Lư sinh *
Hạc đi mất lâu trống không (chỉ còn) thơ Thôi Hạo *
Ngoài lan can khói sóng đều mờ mờ thắm thắm,
Trong tròng mắt cây cỏ vẫn xanh mướt như xưa,
Mỗi tình ấp ủ trong lòng thật chứa chan mà không
biết ngỏ cùng ai,

Trắng sáng gió trong cũng không hiểu thấu.

* Hoàng Hạc lâu : Lầu ở Võ Xương tỉnh Hồ Bắc.

* Thần tiên : Truyền rằng Đinh Linh Huy (Có chỗ chép là Phí văn Huy) tu tiên đắc đạo, thường cỡi hạc vàng đỗ nơi lầu. Do đó lầu mới mệnh danh là Hoàng Hạc.

Phong cảnh trước lầu đã đẹp mà lại có sự tích kỳ nên tao nhân mặc khách thường đến ngâm vịnh.

* Lư Sinh mộng : Lư Sinh đời Đường đi thi hỏng, nghỉ trọ ở đất Hàm Đan, gặp 1 đạo sỹ cho mượn gối nằm ngủ. Trong lúc ấy chủ quán trọ đương nấu một nồi kê. Lư Sinh nằm ngủ thấy mình lấy vợ con gái họ Thôi, rồi thi đỗ tiến sỹ, được bổ đi làm quan. Bước đường công danh hạnh thông, không mấy lúc được lên đến chức Tể Tướng. Phú quý vinh ba ngót 30 năm trời. Cuối cùng bị tội, sắp phải hành hình. Sợ quá giết mình, thức dậy thì nồi kê vẫn chưa chín.

Dịch thơ

LẦU HOÀNG HẠC

Nào thuở tiên đi mãi đến giờ,
 Dấu tiên bên bến đứng trơ vơ.
 Xưa qua nay lại Lư đồn mộng,
 Hạc khuất lầu không Hạo đề thơ.
 Thăm thăm nước mây ngoài vạn dặm,
 Dờn dờn cây cỏ vẫn nghìn xưa.
 Nỗi lòng ấp ủ cùng ai tỏ ?
 Gió mát trăng trong luống hững hờ.

Đông 1969

* Thôi Hạo : Một thi nhân đời Thịnh Đường. Thôi có bài thơ Hoàng Hạc Lâu, câu khởi thừa rằng :

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
 Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu.

Bài thơ Thôi Hạo rất được truyền tụng. Lý Bạch vào chơi lầu thấy thơ, thất kinh ném bút,

HÁN DƯƠNG VĂN ĐIỀU

Bá vương trần tích thuộc du du,
 Hán thủy thao thao trú dạ lưu.
 Qui Hạc lưỡng sơn tương đối ngạn,
 Thần tiên nhất khứ chỉ không lâu.
 Thi thành thảo thụ giai thiên cổ,
 Nhật mộ hương quan cộng nhất sầu.
 Tưởng tượng đương niên xuy dịch dạ,
 Bạch tần hồng lục mãn đình châu.

白	鳥	日	詩	神	龜	漢	霸	
蘋	偶	暮	成	仙	鶴	水	王	沒
紅	當	卻	玄	一	兩	湑	陳	陽
蓼	年	奚	樹	去	山	三	迹	晚
滿	吹	共	皆	只	相	畫	屬	眺
汀	笛	一	千	空	對	庭	悠	
洲	夜	愁	古	樓	岸	流	久	

Dịch nghĩa

NGẮM CẢNH CHIỀU ĐẤT HÁN DƯƠNG

Dấu bá vương đã thuộc về dĩ vãng xa xôi,
 Dòng sông Hán vẫn cuồn cuộn chảy suốt đêm ngày
 Hai bên bờ núi Qui núi Hạc đứng đối nhau,
 Thần tiên một khi ra đi chỉ còn tòa lầu trống. *
 Bài thơ làm xong cây cỏ đều được nghìn thu, *
 Ngày chiều nhớ quê hương ai nấy đều chung một
 mới sầu *
 Tưởng tượng năm xưa, ban đêm có tiếng địch thổi
 (Nhưng bây giờ chỉ thấy) rau tăng trắng rau lục đồ
 đầy doi bãi mà thôi.

Hán Dương : 1 huyện thuộc lĩnh Hồ Bắc, cách Võ Xương 1 con sông.

Trong bài Hoàng Hạc Lâu của thi Hạo có câu :

Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thọ,
 Phương thảo thê thê Anh Vũ châu.

Tản Đà dịch :

Hán Dương sông tạnh cây bày,
 Bãi xa Anh Vũ xanh dày cỏ non.

Bá Vương : Hán Dương cũng là nơi tranh bá đồ vương ngày trước.

Không lâu : Chỉ lầu Hoàng Hạc bên kia sông.

Thảo thụ giai thiên cổ: Cây cỏ nhờ có thơ của Thôi Hạo mà bất hủ. Cây đây là cây ở Hán Dương, cỏ đây là cỏ ở Anh Vũ trong bài Hoàng Hạc Lâu của họ Thôi. Mà cây đây cỏ đây cũng là cây cỏ trước mắt và trong thơ của tác giả Nguyễn Du.

Trong bài Hoàng Hạc Lâu của Nguyễn Du có câu :

« Nhãn trung thảo thụ thượng y y »

Ý nói « cây cỏ trước mắt vẫn còn y như cây cỏ nghìn xưa tả trong thơ Thôi Hạo ». Nhờ thơ Thôi Hạo mà Nguyễn Du còn thấy được cây cỏ nghìn xưa trên cây cỏ ngày nay. Và cây cỏ ngày nay sẽ nhờ thơ Nguyễn Du mà còn mãi trong mắt người hậu thế...

Cho nên mới nói: « Thi thành.. giai thiên cổ ».

* **Nhật mộ hương quan :** Trong thơ Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hạo có câu :

Nhật mộ hương quan hà xứ thị,
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Tản Đà dịch :

Quê nhà khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng thêm buồn lòng đây.

Nguyễn Du mượn chữ trong câu đó. Ý nói đối với quê hương người xưa cũng như người nay, người Hoa cũng như người Việt đều tha thiết như nhau, đều « cộng nhất sầu ».

* **Xuy địch dạ :** Đêm thối dịch.

Chưa rõ xuất xứ. Có người bảo rằng lấy điển trong bài thơ Lý Bạch :

DỮ SỬ LANG TRUNG ẨM THÍNH
HOÀNG HẠC LÂU THUƠNG XUY ĐỊCH

Nhất vi thiên khách khứ Trường Sa,
Tây vọng Trường An bất kiến gia.
Hoàng Hạc lâu trung xuy ngọc địch,
Giang thành ngũ nguyệt lạc mai hoa.

Dịch thơ

CHIỀU NGẮM HÁN DƯƠNG

Bá Vương dẫu bụi lấp đầy,
 Dờn dờn sông Hán đêm ngày chảy xuôi.
 Đồi bờ Qui Hạc sánh đôi,
 Thần tiên khuất bóng mờ cỏi bóng lâu.
 Thi thành cây cỏ nghìn thu,
 Trời chiều chung một mối sầu hương quan.
 Tưởng nghe tiếng địch đêm tàn,
 Trục nhìn tàn trăng liễu vàng đầy doi.

Đông 1969

Bùi Khánh Đản dịch :

Từ khi thiên khách đến Trường Sa,
 Vọng nẻo Trường An chẳng thấy nhà.
 Lầu Hạc tháng năm nghe sáo ngọc,
 Giang thành vắng khúc Lạc Mai Hoa.

Còn ngờ, vì trong bài của Lý Bạch, cảnh tả là cảnh ban ngày (mặc dù không nói rõ). Còn trong câu thơ của Nguyễn Du, tác giả nhấn mạnh chữ DẠ là ban đêm.

ĐỘ HOÀI HỮU CẢM VĂN THỪA TƯỚNG

Sơn hà phong cảnh thượng y nhiên,
 Thừa tướng cô trung vạn cổ truyền.
 Nhất độ Hoài Hà phi cố vũ,
 Trùng lai Giang Tả cánh hà niên.
 Ai trung xúc xúc minh kim thạch,
 Oán huyết qui thời hóa đồ quyền.
 Nam Bắc chí kim vô dị tục,
 Tịch dương vô hạn vãng lai thuyền.

夕陽無限往來船
 方此只今多異俗
 怨血歸時化杜鵑
 哀哀觸地鳴金石
 重來江左更何年
 一海涯非故宇
 丞相孤忠萬古傳
 山河風景尚依然
 渡淮有感文丞相

Nghĩa đen

QUA SÔNG HOÀI CẨM
NHỚ VĂN THỪA TƯỚNG *

Phong cảnh núi sông vẫn còn y như cũ,
Lòng cô trung của Thừa Tướng muôn thuở lưu
truyền. *

Một khi qua khỏi sông Hoài không còn là đất cũ
nữa, *

Trở lại Giang tả lại còn có năm nào nữa ? *

Nỗi thương cảm thốt ra chỗ nào đều reo tiếng vàng
đá *

Máu oán hận lúc trở về hóa thành chim quốc, *

Ngày nay phong tục miền bắc miền nam không còn
khác,

Dưới bóng chiều tà, thuyền qua lại tấp nập. *

• **Hoài hà :** Thuộc phần đất 2 tỉnh An Huy, Giang Tô. Khi nước Tống bị người Kim đánh thắng phải cắt đất Trung Hoa nhượng để cầu hòa, lấy sông Hoài làm ranh giới. Từ sông Hoài trở lên Bắc thuộc về Kim, từ sông Hoài trở xuống Nam thuộc về Tống. Nhà Tống từ ấy gọi là Nam Tống.

* **Văn thừa tướng** : Văn Thiên Tường (1236-1282), hiệu Văn Sơn, làm Thừa Tướng nhà Nam Tống. Khi quân Nguyên xâm chiếm nước Tống, Văn Thiên Tường khởi binh chống cự. Quân Tống bị thua, nhà Tống mất. Văn Thiên Tường bị bắt giam ở Yên Kinh 4 năm, không chịu khuất phục nên bị giết.

* Sau khi nước mất, Văn Thiên Tường đi lánh nạn nhiều nơi. Sau bao nhiêu năm linh đĩnh gian khổ mới bị bắt.

Dịch thơ

QUA SÔNG HOÀI NHỚ VĂN THỪA TƯỚNG

Non sông ngày trước cảnh còn y.
 Một phiến trung hồn muôn thuở ghi.
 Qua khỏi Hoài Hà đánh hết đất,
 Trở về Giang Tả những chờ khi.
 Lòng thom chạm trở lời kim thạch,
 Máu hận trào sôi kiếp tử qui.
 Phong tục Bắc Nam rày chẳng khác,
 Ghe thuyền lai vãng nhộn tà huy.

Đông 1969

* **Giang Tả** : Đất ở phía tả ngạn sông Hoài, lúc nước Nam Tống.

* **Kim thạch** : Văn Thiên Tường có tập thơ nhan là **Chỉ Nam lục** và **Chỉ Nam Hậu lục** tả những cảnh ngộ đã trải qua khi chạy nạn. Lời văn bi thiết.

* **Đỗ quyên** : Chim cuốc. Có tên nữa là **Tử Qui**.

Trong thơ Văn Thiên Tường có câu :

Tùng kim biệt khước Giang Nam lộ,

Hóa tác đề quyên đới huyết qui.

Nghĩa là : Từ nay biệt hẳn đường Giang Nam,

Sẽ hòa thành chim cuốc đeo máu mà về).

* **Vô dị tục** : Phong tục không còn khác. Tức là Trung Hoa đã thống nhất bắc nam.

ÂU DƯƠNG VĂN CÔNG MỘ

Ngũ xích phong bi lập đạo bàng,
 Tống triều cổ mộ ký Âu Dương.
 Bình sanh trực đạo vô di hám,
 Thiên cổ trùng tuyên thượng hữu hương.
 Thu thảo nhất khâu tàng thử lạc,
 Danh gia bát đại thiện văn chương.
 Trường tòng chi thảo sanh hà xứ,
 Tiều mục qua ngâm quá tịch dương.

樵牧歌吟過夕陽
 古松芝草生何延
 名窮八大松文章
 秋芳一丘藁衆路
 千古玄泉尚有香
 平生直道多遺憾
 宋朝古墓託歐陽
 五尺豐碑立道傍
 歐陽文忠公墓

Nghĩa đen

MÔ ÔNG ÂU-DƯƠNG VĂN TRUNG *

Tấm bia cao năm thước dựng bên đường,
Ghi rõ mộ cỏ của Âu Dương Tu đời nhà Tống.
Bình sinh theo đường ngay, lòng không hề hận,
Nghìn thuở nơi chín suối vẫn có mùi hương. *

Một gò cỏ thu chứa đầy chuột cáo, *

Đó là chốn nghỉ của một trong tám nhà văn
 tiếng tằm lưng lầy. *

Gióng thông cao tốt, sống lâu, và cỏ chi mọc ở
 chốn nào ?

Tiếng hát của kẻ đốn củi kẻ chăn trâu lướt qua
 bóng chiều hôm.

* **Âu-Dương Văn-Trung** : Âu Dương Tu, tự Vĩnh Thúc. hiệu Túc Ông, một đại gia văn chương đời Tống. Sau khi chết được nhà vua phong tặng thụy Văn Trung.

Âu Dương Tu (1007-1072) là 1 nhà Nho cương trực. Suốt đời lo tiến cử hiền tài đề bạt kẻ hậu tiến, danh vọng rất cao.

* Trùng tuyến : Cử tuyến, huỳnh tuyến.

Danh gia bát đại : Tám nhà đại danh

Văn chương lỗi lạc đời Đường, đời Tống có 8 người là Hàn Dũ, Liễu Tôn Nguyên (đời Đường), Âu Dương Tu,

Dịch thơ

MỘ ÔNG ÂU DƯƠNG VĂN TRUNG

Năm thước bia xanh dựng mé đường,
 Chữ xưa đề mộ Tống Âu Dương.
 Trăm năm một mảy đời không vết,
 Chín suối nghìn thu cốt giữ hương.
 Nương bóng thảo hoa gò thử lạc,
 Nức danh Đường Tống trụ văn chương.
 Hỏi thăm từng bá nơi nao mọc ?
 Sáo mục ca tiêu gió tịch dương.

Đông 1969

Tăng Cung, Vương An Thạch, Tô Tuân, Tô Thúc, Tô Triệt (đời Tống), gọi là Đường Tống bát đại gia.

Âu Dương Tu sáng tác rất nhiều.

Tô Đông Pha phê bình Âu Dương Tu :

— Luận về Đạo lớn thì tựa Hàn Dũ, luận về việc nước thì tựa Lục Chi (1 văn sỹ đời Đường giỏi về văn tấu nghị). viết văn ký sự thì như Tư Mã Thiên, còn thơ phú thì tựa Lý Bạch.

Ả PHỦ MỘ

Nhãn khan Bá Thượng ngũ vân phù,
 Cấp cấp phương đồ nhất kích mưu.
 Dẫn dắt thử tâm vô phụ Sở,
 Bất tri thiên mệnh dĩ qui Lưu.
 Bá đồ dẫn diệt thiên niên hậu,
 Cồ mộ hoang lương tam xích thu.
 Đa thiêu nhất tâm trung sở sự,
 Mỗi vi thiên hạ tiểu kỳ ngu.

每多古伯不知但汲服
 吾出墓因知得省
 天下荒泯天此方霸亞
 笑心凉滅令心因上父
 夫忠三尺千年已多一五墓
 愚事秋級劉走涉法

Nghĩa đen

MỘ Á PHỦ *

Mắt đã trông thấy mây năm sắc nổi trên đất Bá
Thượng, *

Mà còn nhất định gấp rút lo mưu chước đánh kẻ
thù.

Chỉ mong lòng này được khỏi phụ nước Sở. *

Chẳng cần biết mệnh trời đã về họ Lưu *

Sau nghìn năm nghiệp bá đã tan tành hết, *

Ngôi mộ cỏ ba thước lạnh lẽo trong khi thu quạnh.

Bao nhiêu kẻ một lòng trung với người mình phụng
sự,

Thường làm cho thiên hạ cười rằng ngu. *

* Á Phủ : Á phụ — Dưới cha một bậc, cũng như chú. Tiếng tôn xưng Phạm Tăng.

Phạm Tăng giúp Hạng Võ dựng bá nghiệp. Hạng Võ kính trọng như cha chú, thường gọi là Á Phủ. Trong bữa yến tại Hồng Môn. Phạm Tăng khuyên Hạng Võ giết Lưu Bang để trừ hậu họa. Hạng Võ không nghe, sau lại nghe bọn phản gián, đem lòng nghi kỵ, tước bỏ hết quyền bính của Phạm Tăng. Phạm Tăng giận bỏ về, đến Bành Thành bị ung thư nơi hậu bối, không chữa khỏi phải chết.

* Bá Thượng : Ở phía đông huyện Trảng An, thuộc tỉnh Thiềm Tây. Lưu Bang đóng quân ở đó. Người ta thấy có đám mây năm sắc nổi như cọn rồng uốn khúc. Phạm Tăng

Dịch thơ

MỘ Á PHỦ

Mây lồng Bá Thượng ửng năm màu,
 Quyết diệt thù lo gấp lập mưu.
 Dạ đá miễn sao không phụ Sở,
 Mệnh trời chi sá đã về Lưu.
 Tan tành nghiệp bá nghìn năm cũ,
 Lạnh lẽo mồ hoang một nắm thu.
 Lắm kẻ khur khur trung với chủ,
 Khiến cho thiên hạ gọi rằng ngu.

Đông 1969

bảo cùng Hạng Võ rằng đó là điềm báo trước Lưu Bang sẽ được thiên hạ.

•• **Sở, Lưu** : Hạng Võ làm vua nước Sở, gọi là Sở Bá Vương. Lưu Bang, người đất Bái, tục gọi là Bái Công, khởi nghĩa chống Tần cùng Hạng Võ, rồi sau cùng Hạng Võ tranh hùng.

Phạm Tăng đoán biết thời trời đã về Lưu, nhưng vẫn quyết một lòng giúp Hạng Võ.

* **Bá đồ** : Cũng như bá nghiệp. Chỉ sự nghiệp của Hạng Võ nhờ sức của Phạm Tăng gây dựng nên.

* **Tiểu kỳ ngu** : Cười người không biết xét lẽ thiệt hơn cợt khur khur giữ lòng chung thủy. Đó là ngu trung.

ĐÔNG LỘ

Thái Sơn sơn sắc mãn Thanh Từ,
 Thiên lý Sơn Đông túng mục sơ.
 Hà xứ thánh hiền tưng bách hạ ?
 Biệt thành huyền tụng Lỗ Trần dư.
 Tha hương nhan tạc tần khai kính,
 Khách lộ trần ai bán độc thư.
 Hành sắc thông thông tuế vân mộ,
 Bất cảm bằng thức thán Qui₂Dư.

秦 山 東 路
 千 里 山 東 繼 目 初
 似 延 聖 賢 松 柏 下
 別 成 結 誦 魯 郊 餘
 他 御 厥 狀 頻 開 鏡
 客 路 塵 埃 半 欲 干
 行 色 匆 匆 暮
 不 禁 婆 娑 歎 勿 歎

Nghĩa đen

ĐƯỜNG QUA HƯỚNG ĐÔNG *

Sắc núi Thái Sơn đầy cả châu Thanh châu Từ,
 Tỉnh Sơn Đông rộng nghìn dặm trông vút mắt. *
 Dưới cây tùng cây bá, Thánh hiền ở nơi nào ? *
 Trong thành nước Lỗ nước Trâu, tiếng đàn tiếng
 đọc sách hãy còn lưu. *
 Nơi quê người thường mở gương soi dung nhan
 hình trạng,
 Trên đường gió bụi nơi đất khách, nửa thì giờ dùng
 để đọc sách.
 Cuộc hành trình vội vã, năm đã muộn, *
 Bất giác nương nơi ván chẵn trước xe mà than
 «Về thôi». *

* **Đông lộ** : Đoàn đi sứ, khi đi thì từ Thăng Long đến Võ Xương, rồi lên ngã Sơn Tây để đến Yên Kinh. Đến khi về lại xuống Sơn Đông, đến Võ Xương để về Thăng Long.

* **Sơn Đông** : Ở phía Đông Nam sông Hoàng Hà.

* **Hiền Thánh** : Chỉ thầy Mạnh và đức Khổng.

Sơn Đông xưa kia là đất nước Lỗ nước Trâu, quê hương của Khổng Mạnh.

* **Tuế vận muộn** : Năm đã muộn — Đoàn sứ giả về nước vào cuối năm Quý Dậu (1813).

* **Quý dự** : Về thôi. Khổng Tử chu du khắp các nước chư



Dịch thơ

TRÊN ĐƯỜNG QUA ĐÔNG

Xanh mướt Từ Thanh núi một màu,
 Giang Đông nghìn dặm mắt gồm châu.
 Thánh hiền bóng khuất gian hùng bá,
 Đàn sách thành lụa nếp Lỗ Trâu.
 Đường hé quyền vàng khuấy gió bụi,
 Trạm lau gương sáng ngấm mây râu.
 Hành trình vội vội năm hầu hết,
 Nhớ chữ «qui dư» thồn thức sầu.

Đông 1969

hầu, không được vua nào tin dùng, nên than : «qui dư ! qui dư !».

Nhân đi ngang qua đất cũ của thánh hiền, nên mới nảy ra từ «soi gương», «đọc sách».

Và vì đất cũ của thánh hiền, nên dù thánh hiền không còn thấy, mà dư phong vẫn còn nơi tiếng đàn tiếng đọc sách.

QUẢNG TẾ KÝ THẮNG

Giang Nam Hồ Bắc địa tương lân,
 Nhật nhật phồn hoa bất ký xuân.
 Ngọc địch lâu dầu thiên thượng khúc,
 Thuyền dương môn ngoại họa trung nhân.
 Tất bôn dục điểm khuynh phì tạo.
 Ngọc thủ Hồ cơ khoái tể lân.
 Dục điền túc sừng muru nhất túy,
 Nại hà đầu dĩ bạch như ngân.

柰	炭	玉	洛	玉	玉	日	江	
似	典	手	金	楊	笛	日	南	廣
頭	鵲	胡	洛	門	樓	繁	湖	濟
已	鵲	姬	店	外	頭	花	北	記
白	謀	膾	傾	畫	天	不	地	勝
以	一	細	肥	中	上	記	相	
銀	醉	鱗	皂	人	曲	去	鄰	

Nghĩa đen

GHI CẢNH ĐẸP ĐẤT QUẢNG TẾ •

Giang Nam và Hồ Bắc đất giáp nhau,
 Cảnh phồn ba ngày ngày xuân không phân biệt
 được.
 Tiếng ngọc địch trên lầu nghe như khúc nhạc nơi
 Thiên Cung, *
 Ngoài cửa dương liễu người trông đẹp như tranh
 vẽ.
 Chậu sơn nơi nhà tắm chứa đầy xà phòng thơm, *
 Tay ngọc của các cô gái giống Hồ thái nhỏ gỏi cá *
 Muốn bán áo cừu tức sương mua một cuộc say *
 Làm sao được ? Mái đầu đã trắng như ngân rồi !

* **Quảng Tế** : tên một huyện thuộc Hồ Bắc.

* **Thiên Thượng Khúc** : Khúc nhạc trên trời, khúc nhạc trong cung vua. Tức khúc nhạc hay tuyệt thế.

Trong thơ Đỗ Phủ có câu :

Thử khúc chỉ ưng thiên thượng hữu,

Nhân gian năng đắc kỷ hồi văn.

Nghĩa là :

Khúc này chính khúc nhạc trên trời,

Nơi nhân gian không mấy khi được nghe.

* **Phi Tào** : Một thứ thuốc tẩy chất như xà phòng, mùi thơm dùng để tắm gội.

* **Hồ cơ** : Người Tàu gọi giống người phía Bắc là Hồ. Cơ là mỹ hiệu của người đàn bà. Đây nói chung những cô «chiêu đãi viên».

* **Túc sương** : tên một loài chim, da có thể chế làm áo mặc ấm.

Ngày xưa Tư Mã Tương Như cùng vợ là Trác Văn Quân tới Thành Đô, túi hết tiền, phải bán áo túc sương để mua rượu cùng uống cho đỡ buồn.

Dịch thơ

QUẢNG TẾ KÝ THẮNG

Giang Nam Hồ Bắc nước non gần,
Bữa bữa phần hoa chẳng giảm xuân.
Địch thoảng lâu hương cung bích lạc,
Tranh vờn ngõ liễu bóng giai nhân.
Thanh tao bồn ngọc hương trong vắt,
Mềm mại tay tiên gỏi trắng ngần.
Muốn đôi áo cừu say một tối,
Mái đầu ngán nổi tóc pha ngân.

Đông 1969

TUƠNG ẨM DẠ

Mãn mục giai thu sắc,
 Mãn giang giai nguyệt minh.
 Tịch liêu kim dạ vọng,
 Thiên trích cổ nhân tình.
 Thu thủy tòng Tây lai,
 Mang nhiên thông Động Đình.
 Tỉnh dạ tức ngâm khiêu,
 Vô sử giao long kinh.

滿目皆秋色
 滿江皆月明
 寂寥今夜望
 遙謫古人情
 秋水共長天
 靜夜思吟嘯
 母候蛟龍聲

Nghĩa đen

ĐÊM Ở TƯƠNG ÂM *

Đầy mắt đều sắc thu,
 Đầy sông đều ánh sáng trắng.
 Đêm nay nhìn cảnh vắng vẻ quanh quẽ,
 Chạnh tình người xưa bị đầy ra đây. *
 Nước mùa thu từ phương tây lại,
 Mênh mang chảy vào hồ Động Đình *
 Đêm vắng nghĩ ngâm nga than thở,
 Không nên làm kinh động con giao long.

* **Tương Âm** : địa danh ở phía đông Tương Giang. Thuộc về Trường Sa, nơi đầy Khuất Nguyên.

* **Cò nhôn** : Đây là nói về Khuất Nguyên.

* **Động Đình** : Hồ thuộc tỉnh Hồ Nam và Hồ Bắc, nằm trên đất 7 phủ huyện. Trong ngũ hồ danh thắng nước Tàu, hồ Động Đình đẹp nhất.

Nguyễn Du nhắc đến hồ Động Đình, 1 là vì những con nước ở Tương Âm đều chảy vào hồ, 2 là vì xưa kia Khuất Nguyên bị đầy đi Giang Nam, đến Động Đình rồi theo sông Nguyên, sông Tương đến Mịch La.

Dịch thơ

ĐÊM TƯƠNG ÂM

Đầy mắt thu man mác,
Đầy sông trắng long lanh.
Đêm quanh nhìn đất trịch,
Nghìn xưa bát ngát tình.
Ngọn nước từ Tây xuống,
Cuồn cuộn vào Động Đình.
Đừng ngâm đêm tĩnh mịch,
Ngại lòng rỗng rảnh kinh.

Thu 1969

TƯƠNG GIANG DẠ BẠC

Nhất khứ lục thập lý,
 Du du giang thủy trường.
 Phù vân liên Ngũ Lĩnh,
 Minh nguyệt hội Tam Tương.
 Biệt phổ phân tân sắc,
 Dao không thất cổ hương.
 Hạc lai nhân bất kiến,
 Vạn thụ uất thương thương.

一 悠 悠 悠 悠 悠 悠 悠
 湘 去 六 六 六 六 六
 江 江 江 江 江 江 江
 夜 夜 夜 夜 夜 夜 夜
 泊 泊 泊 泊 泊 泊 泊
 晚 觀 遙 別 明 悠 悠 悠
 樹 來 空 浦 月 雲 雲 雲
 鬱 人 失 分 合 達 江 六 江
 卷 不 故 新 三 五 水 十 夜
 三 見 鄉 色 湘 巖 長 里 泊

Dịch nghĩa

ĐÊM ĐẬU THUYỀN TRÊN SÔNG TƯƠNG •

Đi một mạch sáu mươi dặm,
 Nước sông chảy dài dằng dặc.
 Mây nổi nổi liền dãy Ngũ Lĩnh *
 Trăng sáng tụ lại vùng Tam Tương *
 Phố xa cách chia sắc đẹp mới,
 Trời vơi vơi làm mất cổ hương.
 Hạc trở lại nhưng không thấy người cỡi hạc *
 Cây buổi tối chứa lạnh lẽo. *

* * **Tương Giang** : Sông Tương phát nguyên từ Quảng Tây chảy theo hướng Đông Bắc vào tỉnh Hồ Nam, chảy qua Trường Sa rồi vào hồ Động Đình.

Trên dòng sông gặp Ly Thủy gọi là Ly Tương, rồi gặp Tiêu Thủy gọi là Tiêu Tương, cuối cùng hợp với Chung Thủy gọi là Chung Tương. Do đó sông gọi là Tam Tương

* **Ngũ Lĩnh** : Dãy núi cao năm ngọn chạy giáp địa phận hai tỉnh Hồ Nam và Quảng Tây.

* **Hạc Lai** : Mượn tích Đinh Linh Huy cỡi hạc lên tiên ở lầu Hoàng Hạc. Vì lầu Hoàng Hạc ở Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc, gần vùng Tương Giang.

* **Thương Thương** : Lạnh lẽo.

Có bản chép thương là xanh.

ĐỀ VI LƯU TẬP HẬU

Thi nhân bất đắc kiến,
 Kiến thi như kiến nhân.
 Đại sơn hưng bảo tạng,
 Độc hạc xuất phong trần.
 Châm giới dị tương cảm,
 Việt Hồ nan tự thân.
 Tam Đường thiên tải hậu,
 Tịch mịch cửu vô văn.

寂 寞 久 無 聞
 三 唐 千 載 後
 胡 越 渺 旬 視
 卦 芥 易 松 感
 能 謁 望 風 塵
 大 山 興 寶 漱
 見 法 如 見 人
 詩 人 不 得 見
 題 韋 盧 集 後

Dịch nghĩa :

ĐỀ SAU TẬP THƠ CỦA HAI HỌ VI LƯ *

Không được thấy người thơ,
 Thấy thơ như thấy người.
 Núi lớn chứa đầy của báu,
 Hạc lẻ bay ra ngoài gió bụi.
 Cây kim hạt cải dễ cảm ứng với nhau *
 Kể Hồ người Việt khó thân cận *
 Sau Tam Đường hàng nghìn năm, *
 Vắng vẻ quá lâu mà không nghe (nhà thơ nào có
 thể sánh kịp).

* **Vi Lư** : Hai nhà thơ nổi danh đời Thịnh Đường. Vi là Vi Ứng Vật. Thơ tao nhã phong lưu, phẳng phát giọng thơ Đào Tiềm. Lư là Lư Luân làm quan đồng triều cùng Vi Ứng Vật.

Hai nhà thơ này, thơ đã hay mà làm quan lại có chánh tích tốt, danh nổi một thời.

Có người bảo Lư đây là Lư Chiếu Lân. E không phải vì Lư Chiếu Lân ở đời Sơ Đường. Thơ thời Sơ và thời Thịnh cỡ cốt lẫn cách đều khác nhau, lại thêm hai nhà thơ Lư Chiếu Lân và Vi Ứng Vật không có sự liên lạc với nhau, nên không lẽ gì cổ nhân lại đem thơ hai nhà vào một tập.

Bởi vậy có thể tin chắc rằng Vi Lư đây là Vi Ứng Vật và Lư Luân, 2 thi nhân đồng thời và cùng làm quan với nhau tại triều Đường.

* **Châm Giới** : Cây kim và hột cải. Xuất từ câu : « Từ thạch năng dẫn châm, hồ phách năng tập giới », nghĩa là

Dịch thơ

TƯƠNG GIANG DA BẠC

Một đi sáu mươi dặm,
 Dòng cuộn nước mênh mang.
 Mây giăng liền Ngũ Lĩnh,
 Trắng ngập tràn Tam Tương.
 Bến tiên chia xuân sắc,
 Trời xa lấp cổ hương.
 Hạc về người chẳng thấy,
 Cây biếc lạnh ngàn sương.

ĐỀ VI LƯU TẬP HẬU

Mắt dù không thấy người thơ,
 Thấy thơ trước mắt cũng như thấy người.
 Núi cao chứa báu muôn đời,
 Ngoài vòng gió bụi hạc trời cao bay.
 Cải kim tương cảm tương tùy,
 Xa xôi Hồ Việt dễ gì mà thân.
 Lắng nghe tiếng ngọc gieo vắn,
 Tam Đường tịch tịch đã gần nghìn thu.

Đông 1969

đá từ thạch hay hút kim, chất hồ phách hay hút bột cải.

* **Hồ Việt** : Nước Việt ở phía Nam Trung Hoa, Nước Hồ ở phía Bắc, hai nước cách nhau ngàn vạn dặm.

* **Tam Đường** : Các nhà văn học sử Trung Hoa phần đông chia nhà Đường ra làm ba thời kỳ : Sơ Đường, Thịnh Đường và Vãn Đường.

ĐÀO HOA ĐÀM LÝ THANH LIÊN CỰU TÍCH

Đào Hoa Đàm thủy thiên xích thanh,
 Đàm thượng tùng bách đông do thanh.
 Đạo thị Đường triều Lý Cung phụng,
 Túng ẩm thử đàm nhân đắc danh.
 Thập niên tửu tử nhân gian thế,
 Thiên tử hô lai do lạn túy.
 Tự ngôn thần thị tửu trung tiên,
 Bạc thị vinh danh đồng tộ lý.
 Thiên niên thắng tích dĩ nhân truyền,
 Bất tại du du nhất đàm thủy.
 Đàm thủy chí kim thanh thả liên,
 Nhất ngư nhất điều giai thành tiên,
 Trù trưởng tư nhân bất phục kiến,
 Viễn lai sử ngã tâm mang nhiên.
 Thế lộ trần ai tín hỗn trục,
 Bất như chung nhật thống ẩm toàn ngô thiên.

菴花潭李青蓮舊跡

菴花潭水千尺清
道是唐朝李供奉
十年酒肆人間去
自言片是酒中仙
千年勝跡以人傳
潭水至今清且連
惆悵斯人不復見
世路塵埃信溷濁
吾天

潭上松柏冬猶青
繼飲以潭因得名
予子呼來猶爛醉
薄視榮名同敝履
不在億萬一潭水
一真一鳥皆成仙
遠來候我心茫然
不如終日痛飲全

Dịch nghĩa

ĐÀM ĐÀO HOA, DẤU CỬ CỦA LÝ THANH LIÊN *

Đầm Đào Hoa nước trong suốt nghìn thước *
 Tùng bá trên đầm mùa đông vẫn xanh.
 Nghe nói Lý Cung Phụng đời nhà Đường.
 Uống rượu say ở đầm này, nên đầm mới nổi tiếng.
 Cuộc đời sống mười năm trong quán rượu *
 Khi nhà vua cho gọi vẫn còn say mèm, *
 Tự xưng «ta là tiên trong làng rượu», *
 Xem thường vinh ba như dép rách,
 Cảnh đẹp nghìn năm nhờ người mà được truyền,
 Chớ không phải vì nước đầm mênh mông bát ngát.
 Nước đầm đến nay vẫn trong và dờn dợn,
 Con cá con chim ở đây đều thành tiên.
 Buồn bã người ấy không được gặp trở lại,
 Khiến ta từ xa đến lòng không xiết bùi ngùi.
 Đường đời đầy gió bụi, thật quả dơ đục,
 Chẳng bằng suốt ngày uống tràn để giữ trọn tánh
 thiên nhiên của mình.

* Lý Thanh Liên : Lý Thái Bạch.

* Đào Ba Đầm : Đầm Đào Hoa ở tỉnh An Huy.

Nguyên tại An Huy có 1 nhân sỹ tên là Uông Luân rất hâm mộ Lý Thái Bạch. Muốn với Lý đến nhà chơi, Uông bèn viết thư, trong có câu : «Ở đây có thiên lý đào hoa và



vạn gia mỹ tửu». Lý nghe nói rất lấy làm thích, bèn băng ngàn đến liền. Nhưng khi đến thấy phong cảnh không có gì kỳ mỹ, nhà cửa không lấy gì làm đông đúc. Ông bèn cười và cho biết rằng : Thiên Lý Đào Hoa là tên đầm và Vạn Gia Mỹ Tửu là tên quán rượu. Lý cười xòa rồi ở chơi cùng Ông 1 thời gian khá lâu. Khi ở Lý được tiếp đãi chu đáo, khi về được đưa tiễn long trọng. Tình Ông Luân đối với Lý Bạch thật là thâm trọng. Lý Bạch cảm kích tặng cho Ông Luân một tuyệt rằng :

Lý Bạch thừa chu tương dục hành,
Hốt văn ngạn thượng đập ca thanh.
Đào Hoa đàm thủy thâm thiên xích,
Bất cập Ông Luân tổng ngã tình.

Tạm dịch :

Thuyền Lý Bạch vừa toan trở mái,
Bỗng ven bờ gót trời lời ca.
Tình Ông Luân lúc tiễn ta,
Nước sâu nghìn thước Đào Hoa khôn bì.

Đầm Đào Hoa nhờ câu chuyện Lý Bạch mà được nổi danh và lưu danh.

* **Lý Cung Phụng** : Lý Thái Bạch được vua Đường Huyền Tôn trọng dụng một lúc và phong chức Hàn Lâm Cung Phụng.

* **Thập niên tửu tứ nhân glon thế** : câu thơ của Đỗ Phủ nói về Tư Mã Tương Như.

Nguyễn Du mượn đề nói về Lý Thái Bạch.

Tương Như bán rượu đề sinh sống. Còn Lý Bạch lại sống đề uống rượu. Tình cảnh có khác. Nhưng tác giả chỉ mượn ý mà thôi.

* **Thiên tử hô lai** : Lý Thái Bạch ở trong viện Hàn Lâm thay vua thảo chiếu sắc, được vua yêu quý. Nhưng suốt ngày say rượu. Nhiều khi vua vời thảo những chiếu sắc cần kíp mà gặp lúc Lý say li bì thì vua sai cung nữ lấy



nước lạnh áp vào mặt cho tỉnh. Vua trọng tài nên không bao giờ quở trách.

Trong bài thơ **BÁT TIÊN** của **Đỗ Phủ**, đoạn nói về **Lý Thái Bạch** rằng :

Lý Bạch nhất đầu thi bách thiên,
 Trường An thị thượng tửu gia miên.
 Thiên tử hô lai bất thượng thuyền,
 Tự xưng thần thị tửu trung tiên.

Nghĩa là :

Lý Thái Bạch uống 1 đấu rượu làm trăm bài thơ,
 Nơi quán rượu ở chợ Trường An say nằm ngủ,
 Thiên Tử gọi lên thuyền không chịu đến,
 Tự xưng : Hạ thần là tiên trong làng rượu.

ĐÀM ĐÀO HOA DẤU CŨ LÝ THANH LIÊN

Đầm Đào Hoa nước trong nghìn thước
Bờ bách tùng xanh mượt đông thiên

Rừng xưa Đường Lý Thanh Liên
Bên đầm chước chén lừng tên tuổi đầm
Trong quán rượu mười năm sống gửi
Lệnh vua đòi thú hỡi còn say

Xưng «Túy tiên vốn là đây»
Vinh ba động đánh xem tày dép hu
Cảnh nhờ người nghìn thu đề tiếng
Há phải nhờ rộng biển dài sông

Nước đầm vẫn dập dờn trong
Chim bay cá lội cũng đồng nên tiên
Riêng người hiền không tìm thấy lại
Niềm nhớ thương quặn quai lòng ta

Đường đời gió bụi phôi pha.
Tánh trời giữ vẹn chẳng thà cứ say.

MẠNH TỬ TỪ CỔ LIỄU

Ngô văn thiên tri chi phần hữu long yêu kiều
 Kim chỉ họa đồ vô lược tiểu.
 Phong vũ nhất dạ phi hạ lai,
 Hóa vi Á Thánh cung môn liễu.
 Thử liễu hồn toàn bách thập vi,
 Dưỡng thành đại vật phi nhất thi.
 Vũ lộ thiên ý độc tư nhuận,
 Quỷ thần ám trung tương phù tri.
 Chi kha lạc lạc lão ích tráng,
 Tuế nguyệt du du thâm bất tri.
 Tả bàn hữu chuyển đương đại đạo,
 Quá khách bất cảm phản kỳ chi.
 Thông thông uất uất bảo nguyên khí,
 Thiên hạ tư văn kỳ tại ti.
 Hương nhân chi dĩ nhị thạch trụ,
 Thạch trụ ký thâm căn dữ cố.
 Bất đồng phạm hủy tiểu xuân thu,
 Bán mẫu phong yên tự kim cồ.
 Hạo nhiên chi khí phi tầm thường,
 Đại tài ung dữ thiên tề thọ.

孟子祠古布

吾聞天池之濱

大有龍

風雨一宿影下來

卷成大物非一時

鬼神暗中相扶持

笑月億々深不知

過客不敢攀其枝

之下新文夫至新

石柱既深招禽固

半外烟自午古

大材忘其天亦舞

今之因盡今畧肖

化石亞必宮門奔

雨路王氏独濟潤

枝柯落々老蓋在

左蟠右轉當大道

萬々鬱々抱元氣

沛人友以二五柱

不用凡女小春秋

灝然之氣非尋常

Dịch nghĩa

CÂY LIÊU CỎ TRƯỚC ĐỀN THẦY MẠNH

Ta nghe bên bờ ao trời có con rồng uốn khúc,
 Những bức vẽ ngày nay không giống chút nào.
 Một đêm mưa gió bay xuống
 Hoá làm cây liễu trước cửa đền ngài Á-Thánh (*).
 Cây liễu này toàn-vẹn, to trăm mười ôm,
 Nuôi nên vật lớn như thế không phải trong một lúc.
 Ý trời riêng đem mưa móc thấm nhuần,
 Quỷ thần cũng ngấm ngấm phù trợ.
 Cành lá sum sê càng già càng cứng cáp.
 Năm tháng mịt mịt nhiều không biết bao nhiêu.
 Uốn bên tả quanh bên hữu, đứng vững bên đường,
 Khách qua lại không dám vin cành.
 Um tùm rậm rạp, ôm ấp nguyên khí trời đất,
 Nền tư-vấn của thiên-hạ vốn từ nơi đây.
 Người làng xây hai trụ đá đề chống-đỡ,
 Trụ đá càng sâu gốc càng bền.
 Không như cây cối tầm thường chỉ được một ít
 xuân thu,
 (Cây này) choáng nửa mẫu gió khối tự xưa nay.
 Khí hào-nhiên không phải tầm-thường,
 Giống lớn-lao cùng trời xanh mà sống mãi.

* Mạnh Tử: Húy là Kha. Người nước Trâu, sống thời Chiến Quốc (403-221 tr. Thiên Chúa). Thầy đi khắp các nước Tề, Lương, Tống, Đằng để truyền bá đạo đức. Về già trở về nước mở trường dạy học.

Mạnh Tử sống sau Khổng Tử gần 100 năm.

CÂY LIỄU CỎ TRƯỚC ĐỀN THẦY MẠNH

Rằng ao trời có rồng uốn khúc
 Trăm họa đồ không bức nào y
 Một đêm mưa gió rồng bay
 Xuống đền Á Thánh hóa ngay trước đền
 Một khóm liễu hồn toàn trải lục
 Khóm liễu này trăm chục ôm dư
 Một thời dễ được thế ư
 Ý trời ban xuống móc mưa đượm nhuần
 Lại còn thêm quỷ thần ám trợ
 Tuổi càng nhiều lộc nở càng sung
 Niên cao ai tính cho cùng
 Bên đường ngang dọc một vùng bao la
 Khách lại qua né lòng vin bẻ
 Nguyên khí gìn vẹn vẽ tươi xanh
 Tư văn thiên hạ chung nền
 Đá xây hai trụ thêm bền biển dàu
 Trụ càng sâu cây càng vững gốc
 Chẳng đồng loài xanh tốt đôi niên
 Nghìn xưa nửa mẫu phong yên
 Mãi hô hấp khí hạo nhiên dồi dào
 Tài cao thọ với trời cao.

Người Trung Hoa suy tôn Mạnh Tử là Á Thánh, thờ chung cùng đức Khổng.

Đền thờ thầy Mạnh ở tại Sơn Đông là đất nước Trâu thời Chiến Quốc.

Trước đền có cây liễu nghìn năm. Thời thanh thì lá xanh tốt, thời suy thì lá vàng úa hoặc rụng hết. Người địa phương nhìn cây liễu mà biết trước được thời vận trong nước.

LONG THÀNH CẦM GIẢ CA

(Phụng sứ thời tác)

TIÊU DẪN

Long Thành Cầm giả bất tri tính thị. Văn kỳ ấu niên tông học bát NGUYỄN cầm u Lê cung Hoa tần bộ trung. Tây Sơn binh khởi, cựu nhạc tử tán, kỳ nhân lưu lạc thị triền, hiệp kỹ dĩ ngao, thuộc tán bộ. Sở đàn giai ngự tiền cung phụng khúc, phi ngoại nhân sở văn, toại xưng nhất thời tuyệt kỹ. Dư thiếu thời, thám huynh đề kinh, lữ túc Giám hồ điểm. Kỳ bàng Tây Sơn chư thần, đại tập nữ nhạc, danh cơ bất hạ sở thập. Kỳ nhân độc dĩ NGUYỄN cầm thanh thiện trường, phả năng ca, tác bài hải ngữ, nhất tọa tân điền đảo, xác thưởng dĩ đại bạch, triếp tận, triền đầu vô toán, kim bạch ủy tích mãn địa. Dư thời nặc thân ám trung, bất thậm minh bạch. Hậu kiến chư huynh xứ, đoản thân, khoát kiếm, ngạch đột, diện ao, bất thậm lệ, cơ bạch nhi thể phong, thiện tu sức, đam mi nùng phần, ý dĩ hồng thủy tiêu thường, xước xước nhiên hữu dư vận. Tính thiện âm, hý lãng hước, nhãn hoặc hoặc, khuông trung vô nhất nhân. Tại huynh gia mỗi âm triếp tận túy, ầu thổ lang tạ, ngoạ địa thương, đồng bối phi chi, bất tuất dã. Hậu sở tải, dư tử gia nam quy, bất đáo Long Thành nhược can niên kỹ. Kim xuân, tương phụng mệnh Bắc sứ, đạo kinh Long Thành, chư công nhục tiền vu Tuyên phủ nha, tất triệu tại thành nữ nhạc, thiếu cơ sở thập, tịnh bất thức danh diện, diệt khởi ca vũ, kế văn cầm thanh thanh việt, quỳnh dị thời khúc, tâm dị chi. Thị kỳ

nhân, nhan sáu thần khô, diện hắc, sắc như quý, y phục tịnh thô bố, bại hơi sắc, đa bạch bồ, mặc tọa tịch mật, bất ngôn diệc bất tiểu, kỳ trạng đái bất kham giả, bất phục tri vi thù hà. Duy ư cầm thanh trung tự tăng tương thức, trắc nhiên vu tâm. Tịch tán, chất chi nhạc nhân, tức kỳ nhân dã. Ta hồ ! Thị nhân hà chí thử da ! Phủ ngưỡng bồi hồi, bất thăng kim tịch chi cảm. Nhân sinh bách niên, vinh nhục ai lạc, kỳ khả lượng da ! Biệt hậu, nhất lộ thượng, thâm hữu cảm yên, nhân ca dĩ thác hưng.

LONG THÀNH GIAI NHÂN

Tính thị bất ký thanh.
 Độc thiện Nguyễn cầm,
 Cử thành chi nhân dĩ Cầm danh.
 Học đắc tiền triều cung trung cung phụng khúc,
 Tự thị thiên thượng nhân gian đệ nhất thanh
 Dư ức thiếu thời tăng nhất kiến,
 Giám hồ hồ biên dạ khai yển.
 Kỳ thời tam thất chính phương niên,
 Hồng trang yểm ái đào hoa diện.
 Đà nhan hám thái tối nghi nhân,
 Lịch loạn ngũ thanh tùy thủ biến.

Hoãn như sơ phong độ tùng lâm,
 Thanh như song hạc minh tại âm.
 Liệt như Tiến Phúc bi đầu toái tích lịch,
 Ai như Trang Tích bệnh trung vi Việt ngám.
 Thỉnh giả mĩ mĩ bất tri quỵện.
 Tiệm thị Trung Hòa đại nội âm.

Tây Sơn chừ thần mãn tọa tận khuynh đảo,
 Triệt dạ truy hoan bất tri bảo
 Tả phao hữu trịch tranh triền đầu,
 Nê thổ kim tiền thù thảo thảo.

Hào hoa ý khí lăng vương hầu,
 Ngũ-Lăng thiếu niên bất túc đạo.
 Tính tương tam thập lục cung xuân,
 Hoạt tổ Trường-An vô giá bảo.

Thử tịch hồi đầu nhị thập niên,
 Tây-Sơn bại hậu dư Nam thiên.
 Chỉ xích Long Thành bất phục kiến,
 Hà hướng thành trung ca vũ diên.

Tuyên phủ sứ quân vị dư trung mãi tiểu,
 Tịch trung ca kỹ giai niên thiếu.
 Tịch mặt nhất nhân phát bán hoa,
 Nhan sấu thần khô hình lược tiều,
 Lang tạ tàn mi bất sức trang,
 Thù tri tựu thị đương thời thành trung đệ nhất
 diệp.

Cự khúc thanh thanh ám lệ thù,
 Nhĩ trung tỉnh tỉnh tâm trung bi.
 Mãn nhiên ức khởi nhị thập niên tiền sự,
 Giám-Hồ tịch trung tăng kiến chi.

Thành quách suy di nhân sự cải,
 Kỷ xứ tang điền biến thương hải.
 Tây-Sơn cơ nghiệp tận tiêu vong,
 Ca vũ không di nhất nhân tại.

後故老 氣徒衰 而 不 竟 城 若 干
 年矣 今 幸 事 命 比 侯 道 徑 竟 城
 沈公 歷 歲 于 堂 指 謝 畢 召 女 城 如 到
 少姬 效 十 無 不 試 面 多 送 起 歌 舞
 繼 調 琴 老 法 越 迥 異 時 曲 心 異 之
 視 夫人 廣 瘦 神 枯 面 黑 色 以 鬼
 衣服 甚 粗 布 敗 灰 色 多 白 補 之 甚
 坐 席 末 不 言 多 不 笑 夫 狀 殆 不 堪 在
 不 復 知 君 誰 何 惟 於 琴 老 中 似 曾 相 識
 惻 然 予 心 席 散 實 之 對 人 即 夫 人
 也 嗟 乎 是 人 何 正 以 耶 依 仰 稱 細
 不 勝 年 苦 之 感 人 生 百 年 步 步 皆 苦
 其 可 量 耶 別 後 一 路 上 法 有 感 焉
 因 歌 以 托 興
 竟 城 佳 人 姓 氏 不 記 清 船 搖 阮 琴
 拳 城 之 人 以 琴 名 王 得 先 朝 宮 中 供 奉
 曲 自 是 天 上 人 間 第 一 老 余 憶 火 時
 曾 一 見 鑑 湖 湖 邊 夜 洞 宴 火 時 三 七

正芳年 紅粉腰 花面 醜顏態
 最宜人 石乳五 老肥手 重後似疎風
 液松如 泣以双 鵲鳴玉 咽烈如簪栢
 頭碎霏 雲 害如單 學病中 玉趙吟 啗
 少康 不知倦 便是中 和大小 音 詭
 山治 水 滿座 尽取 仙 泥 土 金 鈔 珍 竹 竿
 左拋 右擲 幸 體 頭 泥 土 金 鈔 珍 竹 竿
 高花 似 參 凌 玉 候 五 陵 少 年 不 知 道
 弄水 回 頭 二 十 年 活 怕 長 安 不 候 定
 此席 四 頭 二 十 年 五 山 欲 級 金 兩 邊
 咫尺 竟 城 不 復 見 何 况 城 中 歌 舞 筵
 宣 珍 侯 君 五 余 意 笑 何 况 城 中 歌 舞 筵
 年 席 末 一 人 髮 半 花 席 中 歌 舞 筵
 小 館 藉 殘 眉 不 飾 粧 誰 知 紅 是 當 時
 城 中 第 一 次 首 曲 座 上 惜 淡 雲 耳 中
 靜 咱 心 中 愁 猛 然 憶 起 二 十 年 前 事
 鑑 湖 席 中 曾 見 之 城 郭 推 移 人 事 改
 免 延 梁 田 吏 治 海 五 山 基 業 尽 消 亡

歌舞室留在一人
 心往事淡忘衣
 佳人顏色衰
 計面不相知

瞬息百年能幾時
 河海東流盡白
 双眼燈上空想憶

不勝
 萬
 憐
 亭

Nghĩa Đen

BÀI CA VỀ NGƯỜI GÂY ĐÀN ĐẤT LONG THÀNH (Làm trong lúc mệnh phụ đi sứ)

TIÊU DẪN

Người gây đàn đất Long Thành ấy, tên họ gì không rõ. Nghe nói lúc nhỏ nàng học đàn Nguyễn (•) nơi đội nữ nhạc trong cung vua Lê. Binh Tây Sơn dấy lên, các đội nhạc cũ lớp chết lớp bỏ đi. Nàng lưu lạc ở các chợ, ôm đàn gảy dạo. Những bản đàn nàng gảy là những khúc trong cung phụng gảy cho vua nghe, người ngoài không ai biết. Cho nên tài danh nàng lừng lẫy một thời.

Buổi thiếu niên, đến kinh đô thăm anh, tôi trọ gần Giám hồ (*). Canh đó các quan Tây Sơn tập hội nữ nhạc, danh cơ không dưới vài chục. Nàng ăn đứt mọi người với cây đàn Nguyễn, lại hát hay và khéo nói khôi hài. Cử tọa đều say mê điên đảo đua nhau ban thưởng. Những chén rượu thưởng to lớn, nàng nhận uống cạn. Tiền thưởng nhiều vô số Vàng lụa chồng chất đầy cả đất. Lúc bấy giờ tôi núp trong bóng tối, trông thấy nàng không rõ lắm. Sau gặp lại ở nhà anh tôi. Nàng người thấp má bầu, trán gồ, mặt gầy. Không đẹp lắm, nhưng da trắng trẻo, khéo trang điểm, mày thanh, má phấn, áo màu hồng, quần sắc túy, hơn hơn có bề phong tao. Tánh lại hay rượu, ưa hý hước. Đôi mắt lông lánh không để một ai vào trông. Khi ở nhà anh tôi, mỗi lần uống rượu, nàng uống say vui, nôn mửa bừa bãi, nằm lăn trên đất, bạn bè chê trách, không lấy làm điều,

Sau đó vài năm, tôi dời nhà vào Nam, ngót mấy năm liền không trở lại Long Thành. Mùa xuân năm nay, phụng mệnh đi sứ Trung Quốc, tôi đi ngang qua Long Thành. Các bạn mở tiệc tiễn tôi tại dinh Tuyên Phủ, có gọi vài chục nữ nhạc, tôi đều không quen mặt biết tên. Tiệc khởi múa hát. Kế tiếng đàn trời lên, nghe trong trẻo khác thường không chút giống thời khúc. Lòng tôi kinh dị. Nhìn người gảy đàn, thì thấy thân gầy, thân khô, mặt đen, sắc trông như quỷ, áo quần toàn vải thô, bạc màu lại vá nhiều mảnh trắng, ngồi lăm lăm ở cuối chiếu, không nói cũng không cười, hình trạng thật khó coi. Tôi không biết là ai, nhưng nghe tiếng đàn thì dường như có quen, nên động lòng trắc ẩn. Tiệc tan, hỏi thăm thì ra là người trước kia đã gặp.

Than ôi ! Người ấy sao đến nỗi thế này ! Cuối ngửa bồi hồi, nghĩ đến cảnh cồ kim, lòng tôi cảm kích vô hạn. Đời người trăm năm, những cảnh vinh nhục buồn vui thật không sao lường được ! Sau khi từ biệt, trên đường đi, cảm thương khôn nén, nên soạn bài ca để gởi húng :

Người đẹp đất Long-Thành

Không nghe gọi tên họ

Riêng thạo đàn Nguyễn *

Người trong thành bèn lấy chữ Cầm mà đặt tên.
Nàng học được khúc Cung Phụng trong cung tiền
triều *

Đó là những khúc đàn hay nhất trời đất.

Tôi nhớ lúc thiếu thời đã gặp một lần
Bên bờ hồ Giám trong một cuộc dạ yến. :

Lúc đó nàng khoảng hai mươi mốt tuổi,
 Áo hồng ánh lên mặt hoa đào,
 Má hồng rượi, vẻ ngây thơ, rất dễ thương,
 Năm cung réo rắc theo ngón tay mà thay đổi điệu.
 Tiếng khoan như gió thoảng qua rừng thông,
 Tiếng trong như đôi hạc kêu trên cao thẳm,
 Tiếng mạnh như sét đánh tan bia Tiến Phúc, *
 Tiếng buồn như Trang Tích ngâm tiếng Việt lúc
 bệnh, *

Người nghe say sưa không biết mỏi.
 Đó là những khúc đàn trong đại nội Trung Hòa *

Các quan Tây Sơn trong tiệc đều say mê điên đảo,
 Mải vui suốt đêm không biết chán.
 Bên tả bên hữu tranh nhau vãi thưởng,
 Tiền bạc coi rẻ như đất bùn.
 Ý khí hào hoa át cả các bậc vương hầu,
 Đám thiếu niên đất Ngũ lãng không đáng kể. *
 Tưởng chừng ba mươi sáu cung xuân *
 Chung đúc một vật báu vô giá đất Tràng An.

Nhớ lại từ bữa tiệc ấy đến nay đã hai mươi năm,
 Sau khi Tây Sơn bại vong, tôi vào Nam, *
 Long Thành trong gang tấc không được thấy lại,
 Hưởng hồ tiệc múa hát ở trong thành.
 Quan Tuyên phủ vì tôi bày cuộc mua cười,
 Trong tiệc đám ca kỹ đều trẻ tuổi.
 Duy ở cuối chiếu có một nàng tóc đã hoa râm.
 Mặt gầy thần khô thân hình bé nhỏ,
 Đôi mày phờ phạc không điểm tô,
 Ai biết đó là người trước kia nổi danh tài hoa đệ
 nhất trong một thời,

Khúc xưa đàn lên, tôi tuôn nước mắt ngấm theo
từng tiếng.

Tai lắng nghe mà lòng chua xót !
Bỗng nhớ lại chuyện hai mươi năm xưa
Đã từng thấy trong chiếu tiệc bên hồ Giám.

Thành quách suy dời, việc người dời,
Bao nung dâu đã biến thành biển xanh.
Cơ nghiệp Tây Sơn tiêu tan sạch,
Trong làng múa hát còn sót lại một người !

Trăm năm thắm thoát trong một hơi thở một nháy
mắt

Cảm thương việc cũ lệ thấm áo.
Từ Nam trở về, đầu tôi bạc trắng !
Không trách người đẹp nhan sắc suy tàn.
Hai mắt trừng trừng luống tưởng lại chuyện cũ
Khá thương gặp mặt nhau mà không nhận được
nhau !

* **Đàn Nguyễn** : Đàn Nguyệt. Gọi như vậy là vì đàn nguyệt do Nguyễn Hàm, một trong thất hiền vườn Trúc đời Tấn sáng chế.

* **Giám Hồ** : Hồ Hoàn Kiếm.

* **Tiền triều** : Triều nhà Lê — Vì lúc đó thuộc triều Tây Sơn.

* **Bia Tiến Phúc** : Bia dựng ở Nhiều Châu, Tỉnh Giang Tây, chữ rất đẹp. Đời nhà Tống có một người học trò

nghèo dâng lên Phạm trọng Yêm một bài thơ. Đề giúp đỡ, Phạm cho phép người học trò rập một nghìn bản chữ bia để bán lấy tiền. Người học trò vừa đến nơi thì bia bị trời đánh vỡ tan..

• **Trọng Tịch** : Người nước Việt, làm quan nước Sở. Ngày thường nói tiếng Sở, nhưng lúc bệnh nặng thường ngâm thơ bằng tiếng nước Việt.

• **Đội Nội Trung Hòa** : Cung nhà Lê.

• **Ngũ Lăng** : Địa danh, có năm lăng tẩm của các vua nhà Hán. Nơi đây bọn hào hoa phú quý thường tụ hội.

• **Tom thệp lục cung** : Trong đền vua ngày xưa bên Tàu có 36 cung chứa đầy mỹ nữ.

• Trong bài tiêu dẫn thi nói «Sau vài năm tôi vào Nam», trong bài ca lại nói «Sau khi Tây Sơn bại vong tôi vào Nam». Đó là trước nói về khoảng thời gian khi còn nhà Tây Sơn, tác giả từ giã Thăng Long về Hà Tĩnh, sau là nói khi từ giã Bắc hà vào làm quan ở Nam Trung.

• **Quan Tuyên Phủ** : Quan Trấn thủ.

MỤC LỤC

I — THANH HIỀN

Mười năm đất khách (1786-1795)

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| 1 Quỳnh Hải nguyên tiêu | 2 Tự thân I |
| 3 Tự thân II | 4 Sơn cư mạn hứng |
| 5 U Cư I | 6 U cư II |
| 7 Mạn hứng I | 8 Mạn hứng II |
| 9 Thu dạ I | 10 Thu dạ II |
| 11 Vị Hoàng doanh | |

Sáu năm quê nhà (1796-1802)

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| 12 Giang đình hữu cảm | 13 Ưc gia huynh |
| 14 My trung mạn hứng | 15 Ký hữu |
| 16 Điều La thành ca giả | 17 Ngọa bệnh |
| 18 Tạp ngâm | 19 Dạ hành |
| 20 Đạo ý | 21 Độ Long vĩ giang |

Làm quan Bắc Hà (1802-1804)

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| 22 Không tước vũ | 23 Ký hữu |
| 24 La Phù giang độc tọa | 25 Đồng Lung giang |
| 26 Xuân tiêu lữ thứ | 27 Vọng phu thạch |
| 28 Điệp tử thư trung | 29 Độc Tiểu Thanh ký |
| 30 Quĩ Môn đạo trung | |

II — NAM TRUNG

Làm quan ở kinh đô Huế (1805-1808)

- | | |
|------------------------|----------------------|
| 1 Phụng Hoàng lộ trung | 2 Thu chí |
| 3 Điều khuyến | 4 Mộng đắc thái liên |

- 5 Ngẫu thư công quán bích I 6 Ngẫu thư công
quán bích II
7 Ngẫu thư công quán bích III 8 Tống nhân
9 Ngẫu đề

Làm quan tại Quảng Bình (1809-1812)

- | | |
|-----------------------------|--------------------------------|
| 10 Tàn thu ngẫu hứng | 11 Tặng nhân |
| 12 Giang đầu tản bộ | 13 Ngẫu đắc |
| 14 Thành hạ khí mã | 15 Thu nhật ký hứng |
| 16 Nễ giang khẩu hương vọng | 17 Độ Linh giang |
| 18 Tống Ngô Như Sơn | 19 Đại tác cửu thú
tư qui I |
- 20 Đại tác cửu thú tư qui II

III — BẮC HÀNH (1813—1814)

- 1 Thăng Long thành I
- 2 Thăng Long thành II
- 3 Ngộ gia đệ cự ca cơ
- 4 Quĩ Môn quan
- 5 Giáp thành Mã Phục Ba Miếu
- 6 Mặc phủ tức sự
- 7 Trương đàm điệu Tam lư Đại Phu I
- 8 Trương đàm điệu Tam lư Đại Phu II
- 9 Lỗi Dương Đỗ Thiếu Lăng mộ
- 10 Hoàng Hạc lâu
- 11 Hán Dương văn điệu
- 12 Độ Hoài Hữu cảm Văn Thừa tướng
- 13 Âu Dương Văn Trung công mộ
- 14 Á Phủ mộ
- 15 Đông lộ
- 16 Quảng Tế ký thắng
- 17 Trương Âm dạ
- 18 Trương giang dạ bạc
- 19 Đề Vi Lư hậu tập
- 20 Đào Hoa đàm
- 21 Mạnh Tử từ cổ liễu
- 22 Thăng Long cảm giả ca

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Đã In :

THƠ :

- Một tấm lòng (1939)
- Mùa cô diên (1941-1960)
- Động bóng chiều (1965)
- Mộng ngân sơn (1966)
- Giọt Trăng (1973)
- Tổ như thi (1973)

VĂN :

- Trăng ma lâu Việt (1942)
- Nghìn lẻ một đêm (1958)
- Nước non Bình Định (1968)
- Xứ Trầm Hương (1971)
- Đồi Bích Khê (1971)

Sắp In :

- Lữ Đường thi trích dịch
- Trăng ma lâu Việt (tập II)

Chưa In :

THƠ :

- Nhánh Lục
- Tiếng vàng khô
- Mây cô tháp

VĂN :

- Dòng thương cảm (tập văn tế)
- Nghìn lẻ một đêm (những tập tiếp)
- Duyên Tiên (truyện kỳ)
- Trong vườn hoa thơ
- Hương vườn cũ
- Những bức thư thơ
- Những mảnh gương xưa
- Giọng Hàn Thuyên (Lịch trình tiến triển thơ Đường Luật)
- Việt Hán thi trích dịch
- Đạo đức cổ truyền
- Bóng ngày qua (Hồi ký)

} Thi thoại

CÁO LỖI:

Trong khi Tổ Như Thi trích dịch lên khuôn thì dịch giả bị ngoại bệnh không tự coi sóc việc ấn loát được. Nhà ~~xuất~~ bản mặc dù cố gắng vẫn không thể tránh khỏi một vài lầm lỗi. Rất mong Quý vị đọc giả lượng tình thể tất.

Kỳ tái bản chúng tôi sẽ cố gắng hơn nữa để tác phẩm được hoàn hảo. Ở đây chỉ xin đính chính những lầm lỗi quan trọng có thể làm sai ý nghĩa câu văn câu thơ. Những lầm lỗi thông thường xin quý vị hoan hỷ sửa chữa giùm lấy. Đa tạ.

NHÀ XUẤT BẢN

ĐÌNH CHÁNH

TRANG	DÒNG	IN LÀ	SỬA LẠI
16	18	Nguyễn Quỳnh	Nguyễn Quýnh
17	13	Hán mạc	Hán mạt
20	20	phụ Sở	phụ Sở
22	4	tối toan	tối toan
22	22	thành khiển	thành kiến
23	5	Bắc thương	Bắc thưởng
34	20	Mùa xuân	Mùa xuân
42	9	thời đời	thời đời
42	17	doanh	doanh
47	9	thiên nhai	thiên nhai
48	7	trướng vọng	trướng vọng
49	11	móc trắng	móc trắng
52	8	Mạc hương	Mạc hướng
54	23	thanh hoái	Thanh Hóa
64	5	chánh khí	chánh khí
73	7	khởi suy nhan	khởi suy-nhan
79	1	Đạo lý	Đạo ý
94	20	Huỳnh ngư	Huỳnh ngư
95	9	giãi	dãi
97	19	Tấn	Tấn
99	8	Điều vô tể	Điều vô tể
99	9	thiên	thiên
102	6	dị tỉnh	dị tỉnh
107	2	Độc tiêu	Độc tiêu
117	6	niêm nhi	niêm nhi
124	10	tính tối	tính tối
137	6	mãn kinh	mãn kính
154	8	Bắc thường	Bắc thưởng
177	8	hợp thường	hợp thưởng

ANDRÉ GIDÉ

DOSTOIEVSKI
VỚI CHÂN TRỜI VĂN HỌC NGÀ

Bửu Ý
dịch

AN TIỀM

A.EINSTEIN
L.INFELD

VẬT LÝ
TIỀN HÓA LUẬN

Nguyễn Ngọc Thơ
dịch

AN TIÊM

SUZUKI

HUYỀN NGHĨA
KINH LĂNG GIÀ

Thích Tuệ Sỹ
dịch

AN TIỆM

TỔ NHƯ THI THƠ
CHỮ HÁN NGUYỄN DU
QUÁCH TẤN DỊCH THI VŨ
TRÌNH BÀY BÌA AN TIÊM
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
3.000 CUỐN TRÊN TOÀN
GIẤY TỐT IN XONG NGÀY
25 THÁNG 10-1973 TẠI ẤN
QUÁN THĂNG LONG 220A.
TRƯƠNG MINH GIẢNG
S A I G O N

Giá 800đ

MẪU BÌA
TỔ NHƯ THI
DO THI VŨ TRÌNH BÀY
LÀM PHIM VÀ BÀN KÈM
TẠI XƯỞNG IN VOV, PARIS
RA KÈM VÀ CHẠY TẠI
XƯỞNG IN VÕ TÁNH, SÀI-GON
BẢN BÌA NÀY DÀNH TƯỢNG NIỆM
NGUYỄN DU VÀ QUÁCH TẤN
TRONG Ý THƠ
XA NHAU NGHÌN DẶM
TIM CÒN
TAY EM KHÉP MỞ
TIẾNG
DÒN TỊCH LIÊU